



Báo Cáo Thường Niên 2012

**BIẾN THÁCH THỨC
THÀNH CƠ HỘI**

TECHCOMBANK 



Techcombank
Báo cáo thường niên 2012

The background features a vibrant orange-to-red gradient. On the left side, there is a complex, overlapping grid of thin white lines that creates a sense of depth and perspective, resembling a wireframe or a digital mesh. The lines are more densely packed on the left and become more sparse towards the right.

**BIẾN
THÁCH THỨC
THÀNH CƠ HỘI**

05 Tổng Quan Ngân Hàng

- 6 Tổng Quan Tài Chính
- 7 Giới Thiệu Chung Về Techcombank

08 Tổng Quan Về Hoạt Động Ngân Hàng

- 10 Thư Ngỏ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
- 13 Thông Điệp của Tổng Giám Đốc
- 16 Kết Quả Nổi Bật
- 18 Kết Quả Kinh Doanh Năm 2012
- 22 Dịch Vụ Tài Chính Cá Nhân (DVTCCN)
- 26 Dịch vụ Khách Hàng Doanh Nghiệp (KHĐN)
- 28 Ngân Hàng Bán Buôn (NHBB)

30 Con Người và Cộng Đồng

- 32 Phát Triển Nguồn Nhân Lực
- 34 Các Giải Thưởng Lớn Trong Năm 2012
- 36 Trách Nhiệm Với Cộng Đồng

38 Những Thế Mạnh Trọng Tâm

- 40 Dịch vụ Ngân Hàng Giao Dịch
- 42 Dịch vụ Ngân Hàng Trực Tuyến
- 45 Dịch vụ Ngân Hàng Ưu Tiên
- 46 Quản Trị Rủi Ro
- 50 Thương Hiệu Techcombank

52 Đội Ngũ Quản Trị Vững Mạnh

- 54 Mô hình Quản trị Ngân hàng
- 56 Hội Đồng Quản Trị (HDQT)
- 58 Ủy Ban Thường Trục HDQT
- 60 Ban Kiểm Soát
- 61 Ủy Ban Nhân Sự và Lương Thưởng
- 62 Ủy Ban Kiểm Toán & Rủi Ro
- 64 Ban Điều Hành
- 69 Bản Tuyên Bố Trách nhiệm của Ban điều hành

70 Báo Cáo Tài Chính

- 73 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 74 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 77 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 78 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 80 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
- 142 Thông tin cổ đông
- 144 Mạng lưới chi nhánh

BIẾN THÁCH THỨC THÀNH CƠ HỘI

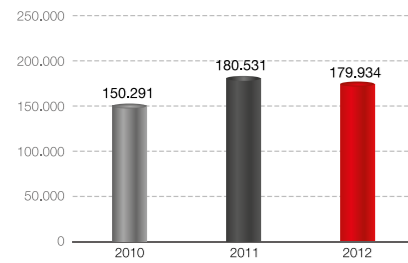
Những giá trị cốt lõi tạo nên một Techcombank với niềm tin mạnh mẽ và những thế mạnh nền tảng vững chắc.

Sở hữu tầm nhìn chiến lược rõ ràng và khả năng hoạch định vượt trội, chúng tôi đang nắm bắt những cơ hội phát triển trong mỗi thách thức.

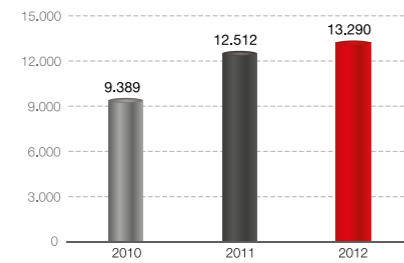
Với lực lượng nhân sự năng động, đầy nhiệt huyết được truyền cảm hứng và dẫn dắt bởi đội ngũ lãnh đạo có hiểu biết sâu rộng và giàu kinh nghiệm, chúng tôi tự tin và sẵn sàng cho sự phát triển nhanh và mạnh mẽ nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và trở thành Ngân hàng Tốt nhất Việt Nam.

Tổng quan tài chính

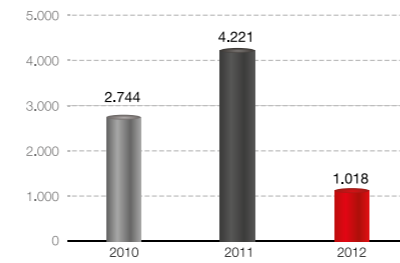
Tổng Tài Sản (tỷ đồng)



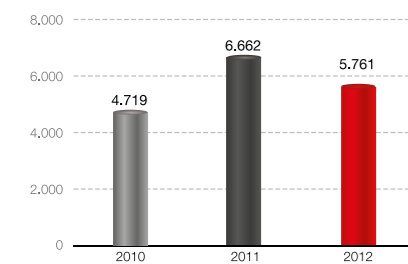
Vốn Chủ Sở Hữu (tỷ đồng)



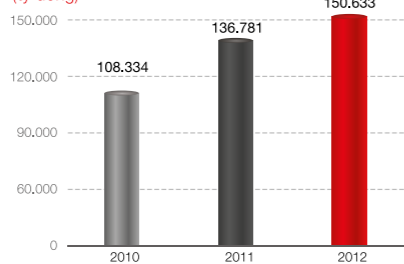
Lợi Nhuận Trước Thuế (tỷ đồng)



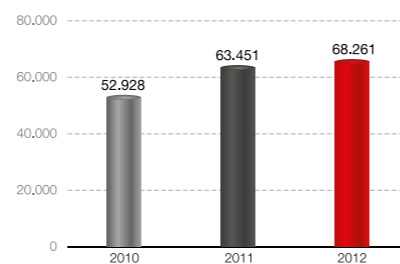
Tổng Thu Nhập Hoạt Động Thuần (tỷ đồng)



Tiền Gửi (không bao gồm phát hành giấy tờ có giá) (tỷ đồng)



Cho Vay Khách Hàng (tỷ đồng)



Tài chính

Tỷ số lợi nhuận ròng/tài sản 2012

0,42%

2011: 1,83%
2010: 1,86%

Tỷ số lợi nhuận ròng/vốn chủ sở hữu 2012

5,58%

2011: 28,87%
2010: 24,80%

Phi tài chính

Tổng số nhân viên 2012

7.168 giảm 14%

2011: 8.335
2010: 7.481

Số lượng khách hàng cá nhân 2012

2.806.534 tăng 20,5%

2011: 2.328.549
2010: 1.767.642

Tỷ lệ chi phí/Thu nhập 2012

54,22%

2011: 31,52%
2010: 33,65%

Hệ số an toàn vốn 2012

12,60%

2011: 11,43%
2010: 13,11%

Số lượng khách hàng doanh nghiệp 2012

47.325 giảm 28%

2011: 66.152
2010: 45.252

Số lượng chi nhánh 2012

316 tăng 3%

2011: 307
2010: 282

Số lượng ATM 2012

1.247 up 3,5%

2011: 1.205
2010: 1.001

Những con số này phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng cho ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan. Bản báo cáo tài chính đầy đủ được trình bày từ trang 70

Giới thiệu chung về Techcombank

Techcombank hiện là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần lớn nhất Việt Nam. Là một thương hiệu được xây dựng và phát triển mạnh mẽ trong suốt hơn 19 qua, Techcombank đang cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính toàn diện cho cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp cũng như cho các khách hàng quốc tế khác trên toàn quốc. Được dẫn dắt bởi đội ngũ quản lý tài năng có bề dày kinh nghiệm tài chính chuyên nghiệp cấp đa quốc gia và sự hỗ trợ quý báu của các chuyên gia đến từ đối tác chiến lược HSBC, Techcombank chúng tôi tự tin sẽ trở thành nhà cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu Việt Nam.

Techcombank

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam, thường được biết đến với tên gọi Techcombank, là một trong những ngân hàng thương mại hàng đầu tại Việt Nam. Kể từ khi thành lập năm 1993, Techcombank đã có tốc độ phát triển rất mạnh mẽ với thành tích kinh doanh xuất sắc và được nhiều lần ghi nhận là một tổ chức tài chính uy tín với danh hiệu Ngân hàng Tốt nhất. Cùng với sự hỗ trợ của cổ đông chiến lược HSBC, chúng tôi đang có một nền tảng tài chính vững chắc và ổn định. Techcombank sở hữu một mạng lưới chi nhánh rộng khắp với 316 chi nhánh và 1.247 máy ATM trên toàn quốc cùng với hệ thống công nghệ ngân hàng tiên tiến bậc nhất. Ngoài ra, với một lực lượng nhân sự lên tới trên 7.000 nhân viên được đào tạo chuyên nghiệp sẵn sàng hiện thực hóa mục tiêu chung của Ngân hàng – trở thành tổ chức tài chính cung cấp các giải pháp tài chính hàng đầu tại Việt Nam.

Tầm nhìn

Gần hai mươi năm tích lũy kiến thức và kinh nghiệm, cùng với mạng lưới chi nhánh trải đều trên 43 tỉnh thành phố lớn trên toàn quốc, Techcombank đang có thế mạnh và lợi thế trong việc thấu hiểu và đáp ứng tốt nhất các nhu cầu về dịch vụ tài chính ngân hàng của khách hàng trên khắp cả nước. Dựa trên những thế mạnh đó,

chúng tôi đang hướng tới một tầm nhìn rõ ràng và nhất quán, trở thành Ngân hàng tốt nhất Việt Nam cung cấp các giải pháp tài chính ưu việt nhất cho khách hàng. Đồng thời, Techcombank cũng mong muốn trở thành một doanh nghiệp có môi trường làm việc hàng đầu cho các nhân viên của mình. Mục tiêu cuối cùng của chúng tôi là xây dựng một doanh nghiệp thông minh, tôn trọng và quan tâm đến nhân viên cũng như khách hàng bởi chính điều này làm cho chúng tôi khác biệt và nổi bật.

Hoạt động của chúng tôi

Chúng tôi đang phục vụ hàng chục ngàn khách hàng doanh nghiệp và hàng triệu khách hàng cá nhân trên khắp cả nước. Thông qua 3 lĩnh vực kinh doanh chiến lược: Dịch vụ Tài chính Cá nhân, Dịch vụ ngân hàng cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Ngân hàng Bán buôn và Ngân hàng giao dịch, chúng tôi cung cấp những sản phẩm và dịch vụ tài chính đáp ứng các nhu cầu đa dạng của nhiều phân khúc khách hàng khác nhau. Chúng tôi tin rằng với nỗ lực không ngừng cải tiến các sản phẩm và dịch vụ, chúng tôi sẽ nhanh chóng đạt được mục tiêu trở thành ngân hàng được yêu thích hàng đầu tại Việt Nam.

Hướng tới tương lai

Ngày nay, chúng tôi là một ngân hàng hiện đại đã học được kinh nghiệm từ chính mình và hoạch

định tầm nhìn chiến lược cho tương lai. Chúng tôi là một ngân hàng có đội ngũ mạnh cấp quốc tế nhưng thấu hiểu địa phương; chúng tôi có năng lực tầm vóc toàn cầu sẵn sàng mang lại dịch vụ tài chính phù hợp với nhu cầu của từng cá nhân. Chúng tôi không ngừng nỗ lực để xây dựng và duy trì một mối quan hệ gắn bó với cộng đồng, mang lại lợi ích cho xã hội. Và chúng tôi tiếp tục cam kết mạnh mẽ cho tầm nhìn đó.

Chúng tôi luôn hướng tới sự phát triển trong tương lai, vì thế chúng tôi không ngừng phát triển những ý tưởng kinh doanh đồng thời luôn thay đổi và sáng tạo nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng. Chúng tôi không ngừng đầu tư vào hệ thống công nghệ tiên tiến bậc nhất thế giới, chú trọng phát triển mạng lưới dịch vụ, đồng thời áp dụng các quy trình theo chuẩn mực quốc tế cho phát triển sản phẩm. Sở hữu nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm, năng lực vượt trội với thực tế làm việc tại nhiều nơi trên thế giới, chúng tôi đã và đang xây dựng một hình ảnh một ngân hàng chuyên nghiệp như một dấu ấn riêng, hướng tới mục tiêu trở thành một Ngân hàng tốt nhất, một doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam.

Báo Cáo Thường Niên 2012

Tổng quan về hoạt động ngân hàng



Đội ngũ lãnh đạo có hiểu biết sâu rộng và dày dặn kinh nghiệm

Cam kết hướng tới sự hoàn thiện trong mỗi hoạt động của chúng tôi được truyền cảm hứng và dẫn dắt bởi một đội ngũ lãnh đạo có hiểu biết sâu rộng và dày dặn kinh nghiệm.

Với tầm nhìn rõ ràng cùng tinh thần sẵn sàng cống hiến cho sự phát triển mạnh mẽ của Ngân hàng, chúng tôi sẽ vượt qua mọi thách thức khó khăn hướng tới những thành công mới.

Thư ngỏ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Cam kết mới về các giá trị cốt lõi và vai trò lãnh đạo

Kính gửi quý vị cổ đông và đối tác,

Đầu tiên, tôi xin chân thành chúc quý vị một năm Quý Tỵ dồi dào sức khỏe, hạnh phúc, thành công và thịnh vượng.

2012 là một năm đầy thách thức không chỉ của nền kinh tế Việt Nam nói riêng, mà là của nền kinh tế toàn cầu nói chung đặc biệt trong lĩnh vực Ngân hàng. Chúng tôi cũng không nằm ngoài tầm ảnh hưởng của những biến động lớn lao này.

Chúng tôi đã đương đầu với thách thức để vượt qua một năm tài chính đầy những khó khăn ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh.

Tuy nhiên, những thách thức đó đã giúp Ngân hàng chúng tôi nhìn nhận, xác định lại trọng tâm, định hướng phát triển cũng như những điểm cần cải thiện để vươn tới thành công. Chúng tôi cũng đã xác định hướng đi rõ ràng nhằm đưa Ngân hàng vững chắc trở lại con đường trở thành “Ngân Hàng Tốt Nhất Việt Nam”.

Năm 2012 không chỉ là một năm đầy thách thức mà còn là năm quan trọng đối với các cam kết và hoạch định. Hội Đồng Quản Trị đã chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời cho Ban Điều Hành Ngân Hàng trong việc định hướng lại chiến lược kinh doanh để từ đó đưa ra mục tiêu cụ thể cho từng cá nhân trong Ngân hàng. Đây cũng chính là trọng tâm để chúng tôi xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn cho Ngân hàng.

Điều quan trọng là phát triển quy mô Ngân hàng gắn liền với việc nâng cao chất lượng tài sản và hiệu suất hoạt động. Chúng tôi đang tận dụng thế mạnh về kiến thức và hiểu biết sâu sắc của những cán bộ quản lý cũng như đội ngũ các thành viên Hội Đồng Quản Trị Ngân Hàng bởi việc quản trị Ngân hàng tốt sẽ mang lại một kết quả kinh doanh tốt.

Năm nay, Hội Đồng Quản Trị của chúng tôi được bổ xung thêm mạnh với sự góp sức của hai thành viên mới.

Ông Đỗ Tuấn Anh với kinh nghiệm dày dặn tích lũy từ thời gian nắm giữ vị trí cao cấp tại Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam, hứa hẹn mang đến Techcombank những hiểu biết sâu sắc về quản trị ngân hàng.

Ông Lee Boon Huat gia nhập Techcombank với tư cách là Thành viên độc lập mang theo hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức tài chính đa quốc gia danh tiếng nhất thế giới.

Ngày nay, các mục tiêu và quyết định kinh doanh của Ngân hàng được định hướng dựa trên cơ sở đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Đây là hành động cụ thể nhằm hiện thực hóa các giá trị cốt lõi của Ngân hàng – khách hàng là trên hết, liên tục cải tiến và đổi mới, tinh thần làm việc tập thể, tập trung phát triển nhân lực, và xây dựng cam kết hành động của mỗi cá nhân ở mỗi cấp trong toàn Ngân hàng. Những giá trị cốt lõi quan trọng này sẽ là nền tảng cho sự phát triển mạnh mẽ, bồi đắp thành công bền vững và tạo ra lợi ích cao hơn cho cổ đông. Những giá trị này cũng chính là cơ sở để chúng tôi cam kết mang lại những giá trị xã hội tốt đẹp hơn.

Hướng tới năm 2013, mặc dù vẫn tồn tại những khó khăn thách thức, song chúng tôi sẽ biến thách thức thành cơ hội, bước ra khỏi những khuôn mẫu thông thường tạo nên một tầm nhìn của đội ngũ lãnh đạo gương mẫu. Tầm nhìn này sẽ được xây dựng từ việc đơn giản “Làm đúng những điều đúng”. Đây là một bước đi đơn giản trong hành trình chúng tôi hướng tới mục tiêu chung trở thành Ngân hàng Tốt nhất Việt Nam.

Điều kiện tiên quyết trong quá trình hoàn thành

sứ mệnh của Ngân hàng là hoàn thiện đội ngũ nhân lực. Một tập thể vững mạnh từ cấp cao như các thành viên Hội Đồng Quản Trị, đến các cán bộ lãnh đạo, nhân viên và các đối tác chiến lược, những người hàng ngày đang hiện thực hóa những giá trị cốt lõi của chúng tôi qua việc tận tâm phục vụ khách hàng và cổ đông.

Tự hào là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và là một cổ đông của Ngân hàng, tôi rất lạc quan tin tưởng vào khả năng hiện thực hóa sứ mệnh của Ngân hàng trong tương lai. Thay mặt Hội Đồng Quản Trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tất cả quý vị vì đã gắn bó, ủng hộ Techcombank trong nhiều năm qua.

Năm 2013, Techcombank tròn 20 năm hoạt động, tôi tin tưởng rằng niềm tin của quý vị đối với chúng tôi sẽ được tưởng thưởng xứng đáng. Ngân hàng đã tập trung đúng trọng tâm hướng tới việc chuyển đổi kinh doanh dựa trên năng lực và kinh nghiệm của mình. Chúng tôi mong muốn được hợp tác chặt chẽ với các đối tác để trở thành một Ngân hàng không những lớn hơn mà còn tốt hơn đối với cổ đông, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.



Hồ Hùng Anh
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Tỷ Lệ An Toàn Vốn
tăng 1,2% lên
đến 12,6%





111.462 Tỷ đồng

Huy động dân cư tăng đến 26%

Thông điệp của Tổng Giám Đốc

Việt Nam là một đất nước có nền kinh tế năng động mở ra nhiều cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp.

Trước nhất, với cương vị là Tổng Giám đốc của Techcombank, tôi xin bày tỏ niềm vinh dự của mình khi được dẫn dắt một đội ngũ nhân viên đầy sức trẻ, giỏi chuyên môn và giàu nhiệt huyết. Tôi tin chắc với sự đóng góp hết mình, họ sẽ cùng tôi tạo nên những thành công to lớn cho sự nghiệp phát triển bền vững của Ngân hàng. Hơn nữa, trong ngành dịch vụ tài chính, niềm tin và khả năng kết nối giữ vai trò quan trọng hàng đầu, nhất là trong môi trường thử thách đầy cam go như hiện nay. Và chúng tôi càng tự tin hơn khi đó chính là phẩm chất của cả đội ngũ và sức mạnh của “thương hiệu Techcombank”. Chính thể mạnh này sẽ giúp chúng tôi tiếp tục vững tin tiến bước tạo dựng thêm nhiều niềm tin và giá trị thành công cho khách hàng, cổ đông và thị trường toàn cầu của Techcombank.

Môi Trường Hoạt Động Đầy Thách Thức

Năm vừa qua, nền kinh tế toàn cầu vẫn chịu nhiều ảnh hưởng từ khủng hoảng tài chính và tình hình thị trường vẫn còn nhiều bất ổn, khiến cho tỉ lệ tăng trưởng kinh tế vẫn tiếp tục bị kìm hãm. Đây không những là thực tế chung của toàn thế giới mà còn ảnh hưởng khá nặng đối với nền kinh tế Việt Nam. Do đó, có thể nói năm qua không chỉ là một năm đầy khó khăn mà còn là năm chuyển tiếp của Techcombank. Khó khăn là do tình hình thị trường bất ổn và thách thức phải có đủ dự phòng; còn gọi là năm chuyển tiếp vì Techcombank đã thực hiện những cải tiến vô cùng quan trọng trong các hoạt động nâng cao chất lượng tài sản và củng cố tỷ lệ an toàn vốn nhằm khẳng định vị thế của Ngân hàng trên con đường phát triển trong tương lai.

Đầu năm 2012, tình hình kinh tế Việt Nam nói riêng và tình hình tài chính thế giới nói chung đã có những khởi sắc đáng kể. Thế nhưng, từ giữa năm trở về cuối, một số bất ổn đã bắt đầu tác động tiêu cực lên toàn bộ hoạt động kinh

doanh. Những bất ổn này lại tiếp tục tác động đến tâm lý của người tiêu dùng, làm giảm mức chi tiêu và các khoản vay tài chính khiến cho thị trường bị ngưng trệ.

Ngoài yếu tố kinh tế, các quy định điều chỉnh cũng đóng vai trò quan trọng trong ngành Ngân hàng. Việc siết chặt các quy định là hệ quả tất yếu khi có khủng hoảng tài chính. Năm qua đã có một số thay đổi quan trọng trong quy định về số lượng và chất lượng tích lũy vốn, yêu cầu về tính thanh khoản cũng như chất lượng các công cụ tài chính và tư vấn.

Đội ngũ quản lý của chúng tôi cam kết mang lại thêm nhiều giá trị bền vững và lâu dài cho các cổ đông. Chúng tôi cũng tin rằng quý vị hiểu rõ những kết quả trước mắt mang tính ngắn hạn không quan trọng, mà chính khả năng tăng trưởng lợi nhuận cao và đem lại nhiều giá trị cho cổ đông mới là thế mạnh đặc biệt, giữ vững niềm tin và sự đồng hành của quý vị với Techcombank.

Thách thức của chúng tôi là đảm bảo cho Ngân hàng thích nghi tốt với những thử thách lớn về kinh tế, pháp lý và kết quả kinh doanh trong môi trường hoạt động như hiện nay, bằng cách nhanh chóng xây dựng một nền tảng tăng trưởng bền vững.

Giải Thưởng Danh Giá

Năm 2012 vừa qua, Techcombank liên tục nhận được nhiều giải thưởng uy tín tại Việt Nam và Châu Á, đây không chỉ là sự công nhận về năng lực hoạt động đặc biệt và thế mạnh nền tảng của Ngân hàng trên toàn khu vực nhằm củng cố và giữ vững niềm tin của khách hàng và đối tác, mà còn là sự ghi nhận đóng góp của một đội ngũ quản lý giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm và sức sáng tạo của chúng tôi.

12 giải thưởng danh giá trong năm cho nhiều

lĩnh vực hoạt động kinh doanh đa dạng của chúng tôi chính là động lực giúp chúng tôi nỗ lực hơn nữa trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ của mình

1. Ngân hàng tốt nhất trong các nền kinh tế mới nổi tại Châu Á do Global Finance trao tặng.
2. Ngân hàng Quản lý Tiền tệ tốt nhất năm 2012 tại Việt Nam do Asian Banking & Finance trao tặng.
3. Ngân hàng thương mại tốt nhất Việt Nam do Asian Banking & Finance trao tặng.
4. Ngân hàng tốt nhất Việt Nam do Alpha South East Asia trao tặng.
5. Ngân hàng cung cấp ngoại hối tốt nhất Việt Nam do Alpha South East Asia trao tặng.
6. Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam do Global Trade Review trao tặng.
7. Ngân hàng tốt nhất Việt Nam – do Finance Asia trao tặng.
8. Ngân hàng quản lý tiền tệ tốt nhất Việt Nam do Corporate Treasurer trao tặng.
9. Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam do Corporate Treasurer trao tặng.
10. Ngân hàng nội địa bán lẻ của năm tại Việt Nam do Asian Banking & Finance trao tặng.
11. Ngân hàng nội địa tốt nhất Việt Nam do The Asset trao tặng.
12. Ngân hàng mạnh nhất Việt Nam do The Asian Banker trao tặng.



Xây Dựng để Phát Triển

Trước bức tranh kinh tế thị trường trong năm 2013 vẫn còn nhiều điều chưa thể dự liệu trước, tôi rất vui khi được chia sẻ với các bạn rằng Techcombank đã được điều chỉnh với các bước cải tiến đáng kể, sẵn sàng hướng đến một tương lai thành công bền vững. Đây là hành động rất thiết thực, nhất định sẽ mang lại một tương lai tươi sáng với nhiều giá trị thành công cho Ngân hàng chúng tôi.

Cơ Chế Quản Trị Rủi Ro Chiến Lược

Từ những bài học đáng giá từ khủng hoảng tài chính, chúng tôi đã đúc kết được rằng phải có một cơ chế quản trị rủi ro mang tính chiến lược và toàn diện mới đảm bảo được các giá trị thành công bền vững, lâu dài. Chúng tôi ưu tiên duy trì trọng tâm này, đồng thời củng cố các nền tảng quản trị rủi ro đang được áp dụng khác. Chính sách ưu tiên này ảnh hưởng đến các quyết sách của chúng tôi về cơ cấu bảng cân đối kế toán, cụ thể là về các cấp độ vốn, tính thanh khoản, và cấu thành tài sản đối với toàn bộ các phân khúc khách hàng, thông qua các khuôn khổ quản trị rủi ro tín dụng chuẩn hóa. Ngoài ra, chúng tôi cũng sẽ xem xét cân cân huy động và kỳ hạn trong dịch vụ ngân hàng bán buôn. Trọng tâm này cũng đòi hỏi cách tiếp cận toàn diện nhằm giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh, với quy trình, chính sách minh bạch hơn và các cơ chế thận trọng hơn. Chúng tôi đã tái

điều chỉnh chiến lược quản trị rủi ro, áp dụng các chính sách xây dựng sức mạnh nội tại và duy trì các danh mục hiệu quả. Một số điểm đáng chú ý của cơ chế quản trị rủi ro mà chúng tôi đang áp dụng là hoạt động đánh giá và điều chỉnh chính sách cho vay, chất lượng cho vay và cơ chế báo cáo tập trung, rà soát quản trị rủi ro, phân tích tín dụng, danh mục cho vay theo cấu trúc thận trọng, rà soát hồ sơ, rà soát danh mục, kiểm định khủng hoảng và quản trị rủi ro thông qua các ủy ban giám sát rủi ro từ cấp quản trị, điều hành đến cấp phân phối. Các sáng kiến này giúp hình thành một quy trình quản trị rủi ro doanh nghiệp toàn diện, tính đến tất cả các rủi ro có khả năng xảy ra. Chúng tôi cũng đã triển khai Dự án Basel-II để chuẩn bị sẵn sàng khi Nhà nước ra các quy định điều chỉnh mới. Định hướng chiến lược về quản trị rủi ro và đầu tư nghiêm túc vào các quy chuẩn cho vay là định hướng dài hạn, phù hợp với sự phát triển của Ngân hàng.

Quản Trị Toàn Diện

Đây là thời điểm thích hợp để nhấn mạnh những cải tiến quan trọng mà chúng tôi đã áp dụng nhằm kiện toàn bộ máy quản lý cấp cao. Tôi rất vui mừng chứng kiến tại Techcombank sự giao thoa tài năng của các cán bộ nhân viên Việt Nam và các chuyên viên ngân hàng quốc tế. Nhiều chuyên viên ngân hàng giàu kinh nghiệm và trình độ chuyên môn đã gia nhập đội ngũ của chúng tôi, đảm trách nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Quản trị rủi ro, Giám đốc tài chính tập đoàn. Thông tin chi tiết về Ban Điều hành Ngân hàng được đăng tải trên trang web www.techcombank.com.vn.

Đối Tác Chiến Lược

Bên cạnh sức mạnh nội tại, chúng tôi tiếp tục nhận được sự hỗ trợ trực tiếp từ HSBC, đối tác chiến lược của chúng tôi, theo Hợp đồng hợp tác hỗ trợ kỹ thuật. Riêng trong năm 2012, chúng tôi đã chào đón 12 giám đốc từ HSBC được bổ nhiệm vào các vị trí tạm thời, phục vụ cho hoạt động chuyển giao chuyên môn và kỹ năng. Các giám đốc này đảm trách nhiều lĩnh vực khác nhau như Tài Chính, Quản Trị Rủi Ro, Nhân Sự, Công Nghệ Vận Hành, Khối DV Tài Chính Cá Nhân và Khối Bán Hàng và Kênh Phân Phối.

Thêm vào đó, chúng tôi đã, đang, và sẽ tiếp tục dựa trên những hiểu biết sâu sắc về nhu cầu thị trường và khách hàng để thiết kế các sản phẩm

dịch vụ phù hợp nhất. Một may mắn lớn đối với Techcombank là Tập đoàn Masan, một trong các cổ đông lớn của chúng tôi, hiện là một trong các doanh nghiệp tư nhân hàng đầu Việt Nam.

Tăng Trưởng Theo Phân Khúc

Duy trì trọng tâm với tầm nhìn rõ ràng và nhạy bén là động lực giúp tăng trưởng bền vững. Các dịch vụ ngân hàng ưu tiên của chúng tôi, thuộc Khối DV Tài Chính Cá Nhân, tiếp tục tạo đà phát triển và được đón nhận rộng rãi trên khắp cả nước, mang lại cơ hội mở rộng quan hệ hợp tác với các khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Chúng tôi sẽ tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng thị phần, đồng thời nâng cao năng lực để đạt được các mục tiêu thống lĩnh thị trường.

Đặt Con Người Làm Trọng Tâm

Chúng tôi sẽ tiếp tục tăng cường xây dựng văn hóa doanh nghiệp dựa trên tính trung thực, hợp tác, trách nhiệm và tôn trọng. Chúng tôi sẽ đầu tư vào nhân tố con người thông qua các chương trình đào tạo chuyên môn, các chỉ tiêu tăng trưởng kinh doanh, đồng thời xây dựng một môi trường làm việc an toàn, thân thiện và truyền cảm hứng cho toàn thể cán bộ, nhân viên.

Khách Hàng Là Trọng Tâm

Chúng tôi nỗ lực đưa các quyết sách doanh nghiệp đến gần hơn với khách hàng thông qua bốn nguyên tắc cốt lõi: Tiện lợi, Đơn giản, Hiệu quả và Bền vững. Trong những thời điểm khó khăn như hiện nay, khách hàng cần và xứng đáng nhận được chất lượng dịch vụ và hỗ trợ ưu việt, nhất quán từ ngân hàng chúng tôi.

Tiện Lợi Hóa

Trong thời đại mới, ngày càng có nhiều khách hàng muốn kết hợp thời gian giao dịch với các hoạt động khác ở nhà, ở nơi làm việc hay khi đang di chuyển. Tất nhiên số lượng khách hàng muốn thực hiện giao dịch tại các chi nhánh của chúng tôi vẫn rất đông. Để đáp ứng được tất cả những nhu cầu này, chúng tôi cần đảm bảo rằng khách hàng có thể liên hệ với chúng tôi mọi lúc, mọi nơi, theo bất cứ cách thức nào mà họ muốn, với chất lượng dịch vụ nhất quán và tối ưu. Với công nghệ hiện đại và đầu tư bài bản vào hệ thống hoạt động lấy khách hàng làm tâm điểm, chúng tôi quyết tâm đem các sản phẩm và dịch vụ của mình đến với khách hàng gần hơn nữa.

Đơn Giản Hóa

Khách hàng chia sẻ rằng họ muốn mọi thứ đơn giản hơn, để họ có thể kiểm soát cuộc sống và hoạt động của mình một cách chủ động hơn. Chúng tôi đang tăng cường áp dụng kết quả nghiên cứu mới, đưa vai trò của khách hàng vào sâu hơn trong quy trình thiết kế sản phẩm. Chiến lược này giúp chúng tôi tạo ra những sản phẩm và dịch vụ phù hợp theo đúng nhu cầu của từng đối tượng khách hàng. Nhờ đó, chúng tôi sẽ hiểu rõ hơn về tổng quan kinh tế, từ đó giới thiệu những sản phẩm thích hợp với khách hàng và quản trị rủi ro hiệu quả hơn.

Hiệu Quả Hóa

Trước thực trạng kinh tế nhiều biến động, Ngân hàng cần tập trung tìm ra giải pháp tối ưu trong việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng, đồng thời nâng cao hiệu quả kinh doanh. Chúng tôi quan tâm đặc biệt đến chương trình nâng cao năng suất lao động nội bộ để kiện toàn các quy trình cốt lõi của chúng tôi. Không những giúp các quy trình trở nên hiệu quả và thân thiện hơn với người tiêu dùng về mặt dài hạn, trước mắt, chương trình này sẽ giúp giải bài toán quản lý chi phí của Ngân hàng.

Bền Vững Hóa

Trên toàn hệ thống, chúng tôi triển khai những quyết sách thể hiện trách nhiệm cao đối với các cộng đồng nơi Ngân hàng hoạt động. Cùng với đội ngũ của mình, chúng tôi cam kết tiếp tục xây dựng và phát triển di sản đáng tự hào của thương hiệu Techcombank. Thực tế trong thời gian qua cho thấy đôi khi một sự việc nhỏ cũng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín mà doanh nghiệp phải mất nhiều năm gầy dựng. Uy tín là tài sản quan trọng nhất của chúng tôi, và trách nhiệm của mỗi thành viên Techcombank là phải bảo vệ và nâng tầm uy tín đó. Ngân hàng cam kết chung tay góp sức vì cộng đồng cả về bề rộng lẫn chiều sâu. Ngoài các chương trình cộng đồng theo địa bàn, các sáng kiến về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp trong năm 2012 tiếp tục chú trọng lĩnh vực giáo dục với chương trình "Techcombank- Khăn đỏ đến trường". Trong năm qua, chúng tôi cũng vui mừng đón nhận đối tác chiến lược HSBC tham gia đồng tài trợ chương trình này.

Ngân hàng sẽ duy trì mối quan hệ chặt chẽ với cộng đồng thông qua các hoạt động thiết thực giúp gia tăng giá trị cộng đồng, đặc biệt trong



lĩnh vực giáo dục. Chiếc chìa khóa vàng giúp Ngân hàng củng cố quan hệ cộng đồng không phải là những chiến dịch truyền thông đồ sộ hay những báo cáo hùng hồn; mà là những chương trình dài hạn giúp thắt chặt mối quan hệ doanh nghiệp - cộng đồng từ gốc. Thương hiệu Tech-com sẽ luôn giữ vững tầm nhìn đó.

Một Viễn Cảnh Tươi Đẹp

Khủng hoảng kinh tế toàn cầu dẫn đến những hệ quả tiêu cực đối với các thể chế tài chính, ngay cả ở những quốc gia vốn mạnh về ngành tài chính ngân hàng. Là một trong những thể chế tài chính hàng đầu Việt Nam, chúng tôi phải luôn nhận thức đầy đủ và phản ứng kịp thời trước những vấn đề này.

Thành công chúng tôi đạt được trong năm 2012 là kết quả trực tiếp của đội ngũ cán bộ nhân viên và các đối tác của ngân hàng, những người luôn hỗ trợ mạnh mẽ cho các cổ đông. Năm qua chúng tôi đã phải đổi mới và đưa ra nhiều quyết sách quan trọng nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững của ngân hàng. Tôi tự tin rằng chiến lược phát triển dài hạn mà chúng tôi triển khai dựa trên củng cố sức mạnh nội tại, cơ chế quản trị rủi ro nhất quán, và chất lượng dịch vụ khách hàng tối ưu, sẽ nhận được sự ủng hộ từ phía cổ đông.

Không thể không kể đến những vận hội chưa từng có tại Việt Nam dành cho những ngân hàng biết kịp thời nắm bắt để dành thắng lợi về mặt dài hạn. Tình hình nhân khẩu Việt Nam đang có

những bước phát triển mạnh, thể hiện cơ hội tạo lập giá trị to lớn. Cùng với sự phát triển của đất nước, ngân hàng chúng tôi quyết tâm theo sát chuyển đổi của ngành và nhu cầu của khách hàng, giữ vững vị trí dẫn đầu thị trường.

Techcombank đã sẵn sàng vươn cao, vươn xa trong tương lai. Dù chắc chắn sẽ còn không ít khó khăn, thách thức trong năm 2013, tôi tự tin rằng Techcombank có một chiến lược và văn hóa đúng đắn để tiếp tục phát triển thịnh vượng, mang lại những giá trị dài hạn cho khách hàng, cổ đông, cán bộ nhân viên, và cộng đồng.

Simon Morris
Tổng Giám Đốc

Kết quả nổi bật

Doanh nghiệp thành công khi đáp ứng tốt với những thay đổi của thị trường đồng thời đưa ra những sản phẩm dịch vụ phù hợp, đáp ứng tốt nhất các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Những Kết Quả Kinh Doanh

Sản Phẩm Đóng Gói Phù Hợp Nhu Cầu Khách Hàng:

Nỗ lực không ngừng nhằm cung cấp các sản phẩm dịch vụ tiện lợi nhất và đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, chúng tôi đã ra mắt các gói tài khoản cá nhân tích hợp tất cả các tính năng và tiện ích vốn chỉ có thể nhận được khi cùng lúc sử dụng nhiều sản phẩm đơn lẻ khác nhau. Khách hàng của chúng tôi vì vậy không còn phải thực hiện quá nhiều thủ tục giấy tờ và có thể tận hưởng tất cả những tính năng và tiện ích như mong muốn chỉ với một thỏa thuận duy nhất tích hợp tất cả các gói dịch vụ được “đo ni đóng giày” riêng theo nhu cầu của từng phân khúc khách hàng.

Dịch Vụ Với Chất Lượng Vượt Trội :

Không chỉ chú trọng vào sản phẩm, chúng tôi còn hướng tới mục tiêu mang lại cho khách hàng trải nghiệm dịch vụ ngân hàng tốt nhất. Chúng tôi đã mở rộng chương trình khách hàng thân thiết từ chỗ chỉ dành riêng cho khách hàng cá nhân sang cả khách hàng doanh nghiệp. Giờ đây tất cả khách hàng của chúng tôi, dù là khách hàng cá nhân hay khách hàng doanh nghiệp, đều được hưởng thêm nhiều lợi ích phụ trội ngoài những sản phẩm dịch vụ vốn đã được coi là có chất lượng tốt nhất trên thị trường. Đây chính là động lực chính giúp nâng số lượng khách hàng thân thiết của chúng tôi tăng thêm 40%.

Bên cạnh đó, cũng với mục đích mang lại dịch vụ chất lượng tốt nhất cho khách hàng, chúng

tôi đã triển khai một mô hình phục vụ mới, theo đó các chuyên viên của chúng tôi sẽ tận dụng khoảng thời gian chờ của khách hàng tại các chi nhánh để tìm hiểu rõ hơn nhu cầu và mong muốn của khách hàng, đồng thời giới thiệu những sản phẩm phù hợp nhất với nhu cầu và mong muốn của họ. Kết quả đạt được hết sức khả quan cho cả ngân hàng lẫn khách hàng khi giờ đây hơn một nửa số khách hàng của chúng tôi sử dụng từ hai sản phẩm do ngân hàng cung cấp trở lên.

Mô Hình Hoạt Động Tối Ưu:

Khách hàng luôn là trọng tâm trong mọi hoạt động của mình, chính vì vậy chúng tôi đã tập trung hóa toàn bộ công tác vận hành, hạch toán kế toán với những bộ phận riêng biệt. Giải pháp này nhằm giảm áp lực và các công việc liên quan tới vận hành và kế toán cho các đơn vị thuộc khối Bán hàng và Kênh phân phối, từ đó nhân viên của chúng tôi có thêm thời gian tập trung cho việc cải thiện chất lượng dịch vụ và gia tăng sự hài lòng của khách hàng.

Mạng Lưới Phục Vụ Rộng Khắp:

Bất chấp những điều kiện kinh doanh kém thuận lợi và đầy thách thức đã buộc phần lớn các ngân hàng phải đổi mặt với lựa chọn: một là thu hẹp quy mô, hai là kinh doanh thua lỗ trong năm 2012, ngân hàng Techcombank chúng tôi không chỉ duy trì được mạng lưới hoạt động rộng khắp mà còn thành công trong việc nâng số lượng chi nhánh lên 316 đơn vị, và nâng số lượng ATM lên 1.247, tiếp tục là một trong những ngân hàng có mạng lưới lớn nhất trên thị trường.

Khách Hàng Gia Tăng Niềm Tin:

Giữ được khách hàng khi nền kinh tế đang đang phát triển đã là một việc khó, giữ chân khách hàng trong bối cảnh kinh tế đang giảm tốc với nhiều biến động như nền kinh tế của chúng ta hiện nay quả thật là một mục tiêu mà không nhiều doanh nghiệp nói chung cũng như các ngân hàng nói riêng hy vọng đạt được. Thế nhưng, số lượng khách hàng cá nhân của chúng tôi trong năm đã lần đầu tiên chạm mốc 2,8 triệu khách hàng, đạt mức tăng 20,5% so với con số 2,3 triệu trong năm 2011.

Quản Trị Rủi Ro Cẩn Trọng:

Ý thức rằng quản trị rủi ro đóng vai trò thiết yếu đối với hoạt động của một ngân hàng thương mại, Techcombank đã thực hiện một số biện pháp để xây dựng một chiến lược quản trị rủi ro mạnh mẽ, dựa trên các nguyên tắc sau: an toàn trong hoạt động cho vay; đa dạng trong danh mục cho vay; số tiền cho vay kinh doanh bất động sản thấp; đơn giản, thuận tiện trong qui trình tín dụng; cam kết đầu tư vào phát triển con người và hệ thống; và các chính sách thận trọng. Kết quả tổng hòa của các giải pháp nêu trên đã chứng minh tính hiệu quả khi nợ xấu (NPL) giảm mạnh so với năm trước, đứng ở mức 2,7%. Bên cạnh đó, với quan điểm thận trọng, chúng tôi đã tích cực nâng các khoản trích lập dự phòng lên 27%, tương ứng với 1.127 tỷ đồng. Những nỗ lực không mệt mỏi này đã phần nào được ghi nhận qua giải thưởng “Ngân hàng nội địa mạnh nhất năm 2012” do tạp chí tài chính uy tín Châu Á - Asian Banker trao tặng.



Cam Kết Đầu Tư Cho Cộng Đồng:

Chương trình học bổng “Techcombank – Khăn đò đến trường” của chúng tôi, với thông điệp “Mỗi trẻ em đều có quyền được hưởng một nền tảng giáo dục tốt”, tiếp tục là một ví dụ điển hình cho nỗ lực của chúng tôi nhằm xây dựng một cộng đồng phồn thịnh. Trong năm 2012, chương trình đã trao 1.900 phần học bổng cho các trẻ em nghèo. Cũng với định hướng ươm mầm cho thế hệ trẻ, Techcombank đã cùng Báo Nhân dân đồng sáng lập “Quý Hạt giống Việt”. Với tư cách đồng sáng lập, Techcombank đã đóng góp khoản vốn ban đầu 5 tỷ đồng nhằm hỗ trợ các tài năng trẻ. Kể từ khi thành lập, 15 học sinh sinh viên với thành tích học tập xuất sắc đã được trao học bổng.

Những kết quả nền tảng vững mạnh

Công Nghệ Ngân Hàng Tiện Lợi:

Ngân hàng chúng tôi luôn chú trọng tới việc đầu tư và phát triển công nghệ, chính vì vậy mà hệ thống nền tảng công nghệ của chúng tôi luôn được đánh giá là ưu việt nhất trong nhóm các ngân hàng nội địa. Năm 2012 cũng không là ngoại lệ khi chúng tôi tiếp tục đầu tư vào lĩnh vực này nhằm xây dựng “Công nghệ ngân hàng tiện lợi” nhằm mang lại sự tiện lợi cao nhất cho khách hàng.

Một trong những điểm nổi bật là việc gia tăng thêm nhiều tiện ích của ngân hàng trực tuyến F@st i-Bank, theo đó khách hàng có thể thanh toán hóa đơn tiền điện của 200 chi nhánh điện

lực trên toàn quốc; hóa đơn điện thoại của các công ty viễn thông di động Viettel, MobiFone, hóa đơn ADSL của FPT; phí bảo hiểm AceLife; Prudential Life, cũng như các khách hàng có thể mua sắm trực tuyến tại hàng ngàn điểm mua sắm trực tuyến (hiện chúng tôi đã liên kết với tất cả các cổng giao dịch thanh toán trên toàn quốc và nằm trong nhóm các ngân hàng mạnh nhất về thanh toán trực tuyến). Bên cạnh đó, khách hàng còn có thể sử dụng F@st i-Bank để nhận tiền chuyển qua hệ thống Western Union trên toàn quốc cũng như thanh toán tiền vé máy bay của 25 hãng hàng không quốc tế. Một dịch vụ tiện ích khác cũng được chính thức giới thiệu tới khách hàng, theo đó khách hàng có thể thực hiện việc rút tiền mặt tại ATM mà không cần dùng đến thẻ.

Hội Sở Mới

Với cam kết không ngừng đầu tư để phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn, trong năm 2012, chúng tôi đã thực hiện một bước chuyển đổi lớn khi dời hội sở đến một trong những tòa nhà hiện đại và tiện nghi bậc nhất Việt Nam, tọa lạc tại trung tâm Thành phố Hà Nội, Tòa tháp Techcombank 191 phố Bà Triệu. Với việc tất cả các phòng ban tập trung tại Hội sở mới, chúng tôi có thể phối hợp hiệu quả hơn để mang lại cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất, và từ đó nâng cao sự hài lòng của khách hàng khi trải nghiệm các sản phẩm dịch vụ của chúng tôi.

Gia Tăng Sức Mạnh Của Đội Ngũ Lãnh Đạo:
Nhiều chuyên gia với trình độ chuyên môn cao

trong nhiều lĩnh vực của ngân hàng từ các tập đoàn tài chính đa quốc gia hàng đầu đã gia nhập đội ngũ lãnh đạo Techcombank trong năm 2012 (để biết thêm chi tiết, vui lòng xem tại mục “Hệ thống Quản trị vững mạnh”). Với mục tiêu duy nhất là giúp ngân hàng hoàn thành sứ mệnh của mình, với những thành viên mới này đội ngũ của chúng tôi được gia tăng thêm sức mạnh, tạo nên những thay đổi tích cực trong mọi mặt hoạt động của Ngân hàng.

Cũng trong năm 2012, Techcombank đã thành lập Khối ngân hàng bán buôn (WB) nhằm nâng cao chất lượng phục vụ các khách hàng doanh nghiệp với các dịch vụ ngân hàng phức tạp hơn. Đây là một bước thay đổi hợp lý, và là một trong các sáng kiến quan trọng trong chiến lược phát triển nhằm đưa Techcombank trở thành Ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam.

Giải thưởng Uy Tín Quốc Tế

Dường như đã trở thành một thông lệ mỗi năm, Techcombank tiếp tục đón nhận 12 giải thưởng danh giá do nhiều tạp chí tài chính uy tín hàng đầu thế giới như Global Finance, The Asian Banker, Finance Asia, hay The Asset trao tặng. Từ năm 2010, số lượng giải thưởng liên tục tăng lên và trong năm nay con số đã vượt qua 10 giải thưởng quốc tế của năm 2011, ghi nhận một năm thành công với những cam kết và hướng đi đúng đắn.

Kết quả kinh doanh năm 2012



Chiến lược tập trung củng cố nền tảng sẵn sàng cho sự tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai

Báo Cáo Tóm Tắt

2012 là một năm đầy thách thức cho ngành Ngân hàng Việt Nam với tình hình kinh tế nhiều biến động và khó khăn. Trong bối cảnh đó, Techcombank đã chuyển trọng tâm từ tăng trưởng tài sản sang tập trung củng cố quản trị rủi ro, quản lý bảng cân đối kế toán, nâng cao chất lượng tín dụng và quản trị doanh nghiệp. Thực tế đã chứng minh đây là giải pháp điều chỉnh hết sức hiệu quả, giúp Ngân hàng duy trì những bước đi vững chắc hướng tới sự phát triển bền vững và thống lĩnh thị trường.

Các kết quả hoạt động tiêu biểu của Ngân hàng trong năm:

- Tổng tài sản giảm 0,33%, xuống còn 179.934 tỷ đồng;
- Tổng huy động dân cư tăng 26%, đạt mức 111.462 tỷ đồng;
- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) tăng thêm 1,2% lên mức 12,6%

Do tỉ lệ chênh lệch lãi ròng (NIM) giảm từ 3,8% xuống còn 3,4% và thu nhập phí thuần cũng sụt giảm, tổng thu nhập từ hoạt động kinh doanh trong năm giảm 901 tỷ đồng, tương đương 14%, xuống còn 5.761 tỷ đồng.

Trong khi đó, chi phí hoạt động tăng 57% lên mức 3.294 tỷ đồng do Ngân hàng tiếp tục duy trì mức đầu tư trong năm cho cơ sở hạ tầng, tuyển dụng nhân sự chất lượng cao, và phát triển kinh doanh tại thị trường miền Nam.

Đối mặt với những biến động kinh tế, Ban điều hành Ngân hàng đã áp dụng các chính sách quản lý rủi ro thận trọng hơn khi thẩm định các khoản nợ xấu. Do đó, chi phí dự phòng tăng lên mức 1.450 tỷ đồng.

Techcombank cũng tiếp tục áp dụng cơ chế quản lý thận trọng đối với bảng cân đối kế toán, chú trọng hơn vào tính thanh khoản và quản lý vốn. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) tăng từ 11,4% lên 12,6% vào cuối năm 2012, trong khi

tỷ lệ cho vay trên huy động được duy trì ở mức 57,5%, giảm so với mức 65,9% trong năm ngoái.

Những điều chỉnh mang tính chiến lược và kịp thời của Techcombank đã giảm thiểu tác động xấu từ môi trường kinh tế suy thoái, và một lần nữa cho thấy vị thế vững chắc của Ngân hàng ngay cả trong những thời kỳ bất ổn nhất cũng như khả năng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững trong tương lai.

Kết Quả Hoạt Động

Tổng thu nhập từ hoạt động kinh doanh đạt 5.761 tỷ đồng, giảm 13,5% so với năm ngoái. Mức giảm này cho thấy nỗ lực của Ngân hàng trong việc giảm thiểu thua lỗ trong bối cảnh kinh tế suy thoái.

Do tỉ lệ chênh lệch lãi ròng (NIM) giảm từ 3,8% xuống còn 3,4%, thu nhập lãi thuần giảm nhẹ 3,5% xuống còn 5.116 tỷ đồng. Đồng thời thu nhập phí thuần cũng giảm 51%, tương đương 565 tỉ đồng.

Thị trường bất động sản đóng băng và các hoạt động kinh tế suy thoái khiến thu nhập từ hoạt động thương mại giảm 289 tỷ đồng. Ngoài ra, thị trường vốn bị động trong năm 2012 cũng khiến các khoản phí bảo lãnh phát hành trái phiếu giảm 207 tỷ đồng.

Do sự bất ổn của thị trường, thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán của ngân hàng lỗ 136 tỷ đồng. Tuy nhiên đây lại là mức cải thiện đáng kể 618 tỷ đồng so với khoản lỗ trong năm 2011.

Chi phí hoạt động tăng 1.195 tỷ đồng, tương đương 57%, so với năm trước. Con số này chủ yếu xuất phát từ mức tăng 17% (207 tỷ đồng) chi phí nhân sự, 155% (357 tỷ đồng) chi phí thuê văn phòng và quản lý tài sản, và 50% (268 tỷ đồng) chi phí khác. Chi phí hoạt động tăng cao thể hiện cam kết đầu tư của ngân hàng cho nguồn nhân lực qua việc tuyển dụng thêm đội ngũ nhân sự chất lượng cao từ thị trường trong và ngoài nước,

đặc biệt cho lĩnh vực quản lý rủi ro, thẩm định tín dụng, tuân thủ và phát triển kinh doanh tại thị trường phía Nam. Ngoài ra, Ngân hàng tiếp tục đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ và các văn phòng chi nhánh. Trong năm 2012, Ngân hàng đã dời Hội sở đến địa điểm mới tại Hà Nội: Techcombank Tower.

Cùng với việc gia tăng đầu tư có chọn lọc nhằm củng cố cơ sở nền tảng, Ngân hàng cũng đã triển khai một số sáng kiến nhằm tăng hiệu quả chi phí, một trong số đó là sáng kiến tối ưu hóa mạng lưới nhân viên và chi nhánh.

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng 324% lên mức 1.450 tỷ đồng, do suy thoái kinh tế Ban điều hành Ngân hàng đã cẩn trọng trong việc thẩm định các khoản nợ xấu, cũng như thực hiện các sáng kiến khác nhằm củng cố bảng cân đối kế toán.

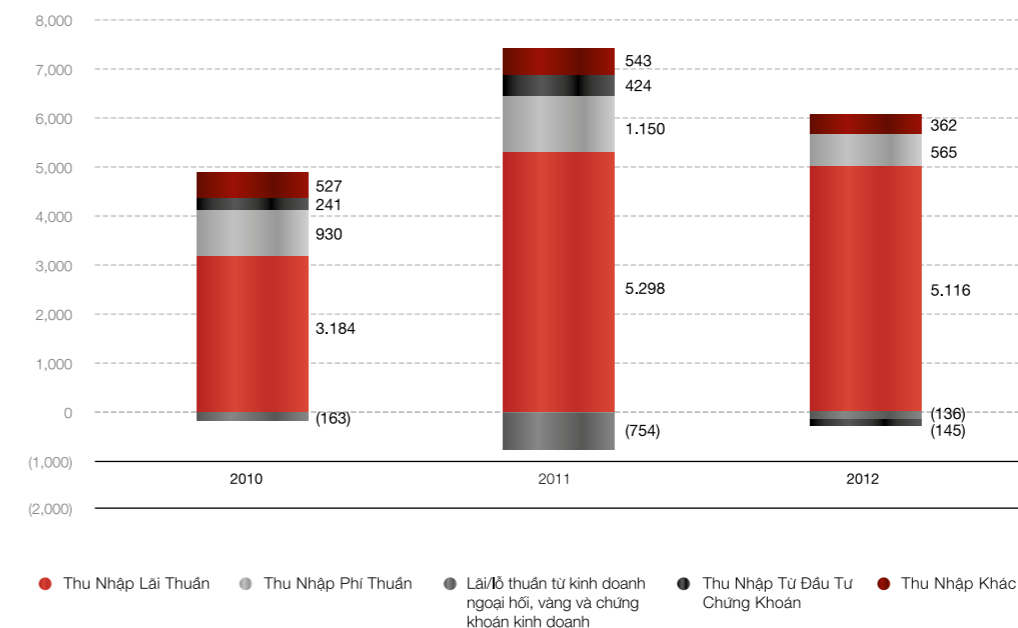
Lợi nhuận trước thuế đạt 1.018 tỷ đồng, giảm 76% so với năm 2011. Chính vì vậy, thu nhập trên

mỗi cổ phiếu giảm 76% từ 2.902 đồng xuống còn 700 đồng một cổ phiếu. Tỷ lệ thu nhập trên tài sản (ROA) giảm từ 1,83% xuống còn 0,42%, và tỷ lệ thu nhập trên vốn chủ sở hữu (ROE) giảm từ 28,87% xuống còn 5,58%.

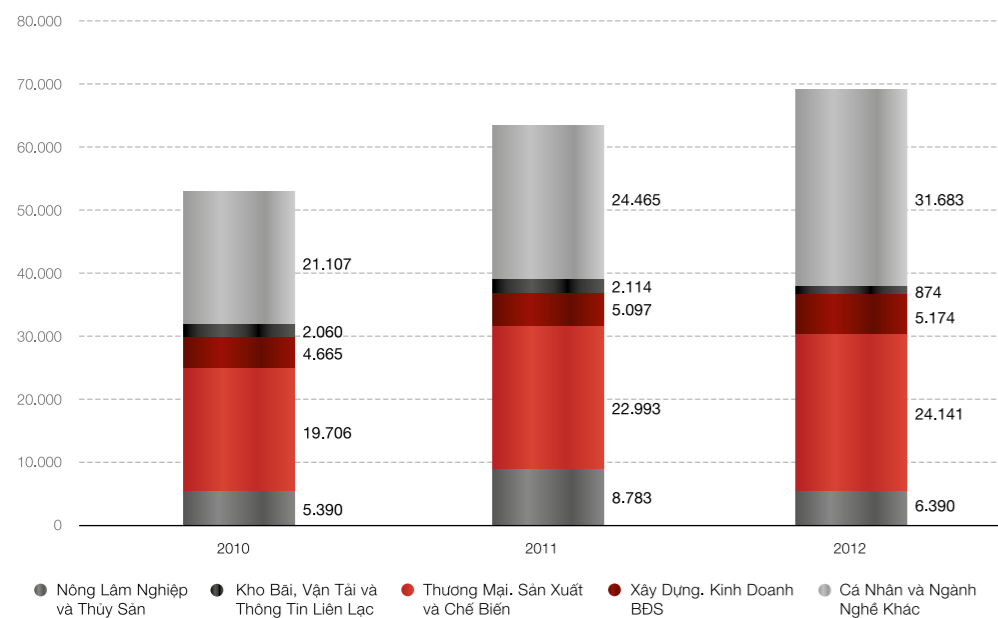
Bảng Cân Đối Kế Toán

Trong năm 2012, Techcombank tiếp tục tập trung duy trì bảng cân đối kế toán vững mạnh, thể hiện qua cơ chế đa dạng và cấu trúc thận trọng. Bất chấp những biến động của toàn Ngành, Ngân hàng đạt mức tăng trưởng huy động 26% lên 111.462 tỷ đồng. Tuy tăng trưởng tín dụng chỉ đạt 7,6%, tỉ lệ cho vay trên huy động cải thiện ở mức 57,5%. Trong khi đó, tỉ lệ an toàn vốn tối thiểu tăng 1,2% lên mức 12,6% vào ngày 31/12/2012, cao hơn đáng kể so với mức tối thiểu 9% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Cơ Cấu Lợi Nhuận (tỷ đồng)



Dư Nợ Cho Vay Theo Ngành Nghề Kinh Doanh (tỷ đồng)



Cho Vay Khách Hàng

Tính đến cuối năm 2012, dư nợ cho vay khách hàng đạt 68.261 tỷ đồng, tăng 7,6% so với năm 2011. Tổng mức tăng trưởng danh mục cho vay thấp hơn năm 2011 (20%) do những nỗ lực nâng cao chất lượng tín dụng và chính sách cho vay thận trọng hơn.

Do tiếp tục chú trọng vào phân khúc bán lẻ, tăng trưởng dư nợ trong năm 2012 chủ yếu tập trung cho ngành tiêu dùng và các khách hàng cá nhân (tăng 23,8%).

Chứng Khoán Đầu Tư

Chứng khoán đầu tư giảm nhẹ 3,6% xuống còn 46.654 tỷ đồng. Trong khi trái phiếu chính phủ giảm 6.112 tỷ đồng xuống còn 7.608 tỷ đồng, danh mục trái phiếu doanh nghiệp tăng 6.552 tỷ đồng lên 26.946 tỷ đồng.

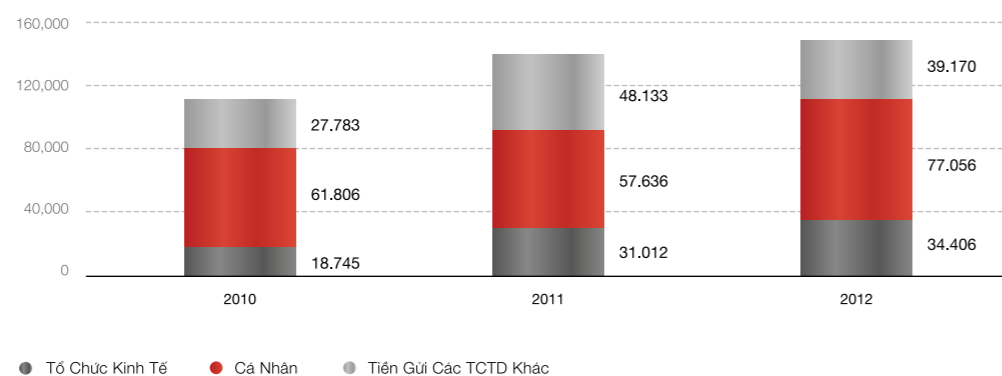
Huy Động Và Cho Vay

Nhờ hệ thống mạng lưới chi nhánh mạnh, tổng huy động tăng cao 26% lên 111.462 tỷ đồng. Mức tăng trưởng chủ yếu là từ huy động dân cư chiếm tới 33,7% tiếp đến là từ huy động doanh nghiệp chiếm 10,9%. Cơ sở huy động mạnh mẽ này sẽ tạo nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng tài sản trong những năm tới.

Vốn Chủ Sở Hữu Và Dự Trữ

Trong năm 2012, vốn chủ sở hữu và dự trữ của Techcombank tăng 778 tỷ đồng, đạt mức 13.290 tỷ đồng. Lợi nhuận phát sinh trong năm đã được tái đầu tư vào kinh doanh, thể hiện cam kết hỗ trợ mạnh mẽ của các cổ đông đối với chiến lược tăng trưởng dài hạn của Ngân hàng. Thêm vào đó, tỉ lệ an toàn vốn tối thiểu tăng lên mức 12,6%, vượt 1,2% so với năm ngoái.

Huy Động Phân Theo Đối Tượng Khách Hàng (tỷ đồng)



Dịch Vụ Tài Chính Cá Nhân (DVTCCN)

Chiến Lược Kinh Doanh

Trước những khó khăn, bất ổn của nền kinh tế trong năm 2012, khối DVTCCN tiếp tục chú trọng các đối tượng khách hàng thu nhập khá và cao cấp, phản ứng kịp thời trước những biến động và thách thức của thị trường, nắm bắt mọi cơ hội tăng trưởng và phát triển.

Chiến lược của khối DVTCCN tập trung vào cách lĩnh vực sau:

- Phục vụ nhóm khách hàng thu nhập khá và cao thông qua các kênh bán hàng đa dạng, đây là phân khúc chiếm khoảng 55% dân số vào năm 2014 khi thu nhập GDP bình quân đầu người tăng, tại các khu vực trọng điểm;
- Cải tiến/hoàn thiện quy trình dịch vụ nhằm nâng cao tính thuận tiện trong chất lượng dịch vụ;
- Tinh giản quy trình hoạt động và đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ;
- Áp dụng công nghệ tân tiến vào các chương trình kinh doanh sản phẩm - dịch vụ.

Các chương trình của khối DVTCCN cho dịch vụ Ngân hàng Ưu tiên trong năm 2013:

- Sản phẩm tạo thu nhập từ phí: CASA, Thẻ,

Chuyển tiền.

- Đẩy mạnh các định vị giá trị của dịch vụ ngân hàng ưu tiên.
- Nâng cao chất lượng tín dụng: giảm nợ xấu, cải thiện các quy trình sản phẩm, và rút ngắn thời gian thẩm định.

Kết Quả Hoạt Động Tài Chính Trong Năm

Khối dịch vụ tài chính cá nhân (DVTCCN) Ngân hàng Techcombank cam kết nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Khối DVTCCN không ngừng rà soát các chính sách và quy trình liên quan đến danh mục sản phẩm và dịch vụ tài chính cá nhân như huy động, cho vay, thẻ tín dụng và các dịch vụ ngân hàng trực tuyến.

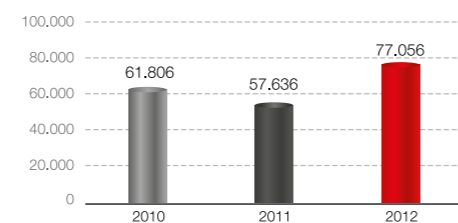
Thành công trong dịch vụ khách hàng của khối DVTCCN thể hiện rõ nét qua hiệu quả kinh doanh của Khối. Trong năm 2012, DVTCCN đạt và vượt nhiều chỉ tiêu. Số lượng khách hàng tăng 20,5%. Tổng giá trị huy động tăng 34% so với năm 2011, cho thấy thành tựu vượt bậc trong bối cảnh lạm phát tăng cao và tình trạng kinh tế bất ổn trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Tỷ trọng cho vay và tỷ lệ cấu trúc cho vay theo đúng chính sách quản trị rủi ro thận trọng. Đáng chú ý là tỷ lệ thu nhập thuần từ phí trên thu nhập từ hoạt động

kinh doanh tăng từ 11,26% (2011) lên 17,94% (2012), cho thấy Ngân hàng chú trọng hoạt động kinh doanh liên quan đến phí và định hướng phát triển bền vững.

Huy Động

Techcombank duy trì lượng huy động tương đối ổn định và bền vững trong phân khúc khách hàng cá nhân. Trong năm 2012, tổng huy động khách hàng bán lẻ tăng mạnh 34% lên 77.056 tỷ đồng, một con số ấn tượng trong bối cảnh thị trường tài chính bất ổn năm qua. Mức tăng trưởng này xếp thứ hai trong khối các ngân hàng thương mại cổ phần.

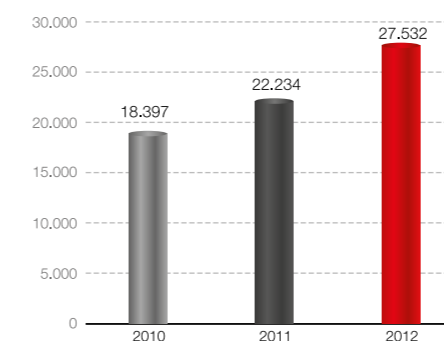
Huy Động (tỷ đồng)



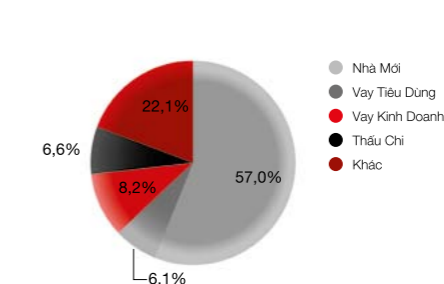
Cấu Trúc Cho vay Theo Sản Phẩm

Mục tiêu của Ngân hàng là cung cấp các dịch vụ cho vay đáp ứng từng nhu cầu cá nhân của khách hàng theo những yêu cầu quản trị rủi ro thận trọng. Thống kê cho thấy dư nợ cho vay tăng 23,8% so với cùng kỳ năm ngoái nhờ cấu trúc cho vay theo sản phẩm của Ngân hàng. Tỷ lệ cho vay mua nhà trên tổng cho vay bán lẻ giảm xuống còn 57% từ mức 77,7% năm ngoái. Điều này phản ánh sự chuyển biến trong nhu cầu vay của khách hàng từ bất động sản sang các hoạt động sản xuất và dịch vụ.

Dư Nợ (tỷ đồng)



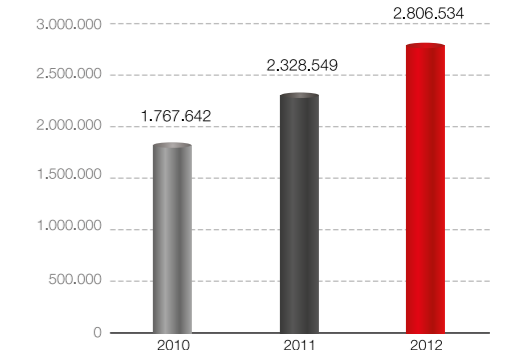
Cơ Cấu Dư Nợ Cho Vay Theo Sản Phẩm



Biểu đồ Số lượng khách hàng

Năm 2012 chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của khối ngân hàng bán lẻ. So với năm 2011, số lượng thẻ Visa phát hành tăng 202,5%, từ 126.571 lên 382.930 thẻ, và số lượng khách hàng bán lẻ cũng tăng 20,5% lên 2.806.534 khách hàng.

Số Lượng Khách Hàng



Thành Tựu

Để hoàn thành trong năm 2012 các mục tiêu cải thiện dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, và tối ưu hóa tính năng sản phẩm theo nhu cầu khách hàng, Khối DVTCCN Techcombank đã triển khai một loạt sản phẩm chiến lược, được khách hàng quan tâm đón nhận, tiêu biểu là sản phẩm F@st i-Bank. Với tính năng thanh toán tiện lợi phối hợp các dịch vụ ngân hàng điện tử Internet banking và mobile banking, F@st i-Bank cho phép khách hàng thanh toán hóa đơn của 200 đơn vị điện lực trên toàn quốc, hóa đơn điện thoại của hai nhà mạng lớn là Viettel, MobiFone, hóa đơn dịch vụ ADSL của FPT, cũng như thanh toán phí bảo hiểm AceLife và Prudential Life. Bên cạnh đó, F@st i-Bank còn cho phép khách hàng nhận tiền chuyển từ nước ngoài qua hệ thống Western Union trên toàn quốc và thanh toán tiền vé máy bay của 25 hãng hàng không quốc tế.

Trong năm 2012, Khối DVTCCN tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác với các tập đoàn Mercedes Benz, Le Group, Vietnam Airlines, Peacesoft và Vincom. Cũng trong năm nay, Khối đã ký thỏa thuận hợp tác với AIG trong chương trình bảo hiểm du lịch dành cho khách hàng mang hạng thẻ visa Platinum. Sự kết hợp với các đối tác trên giúp Techcombank phát triển thêm nhiều sản phẩm đa dạng, thuận tiện và phù hợp với nhu cầu riêng của từng đối tượng khách hàng.

Khối DVTCCN Techcombank còn chú trọng phát triển các sản phẩm được đầu tư công nghệ cao nhằm mang lại cho chủ thẻ sự an toàn, bảo mật và nhiều tiện ích. Trong số đó có thẻ chip EMV, chức năng VbV (Xác nhận bởi Visa) và chuyển tiền không dùng thẻ. Việc trở thành thành viên của Western Union trong năm 2011 cũng là một bước tiến đáng chú ý. Trong năm 2012, Tech-

combank ra mắt sản phẩm thu đổi ngoại tệ trực tuyến, nâng số lượt giao dịch lên 34% so với cuối năm 2011.

Ngoài việc tập trung phát triển sản phẩm, Khối DVTCCN Techcombank còn đặt trọng tâm nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm mang đến sự hài lòng cao nhất cho khách hàng. Các khóa đào tạo quy chuẩn phục vụ khách hàng được tổ chức thường xuyên cho lực lượng bán hàng, tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển không ngừng của chất lượng dịch vụ trên toàn hệ thống.

Các chương trình chăm sóc khách hàng cũng cho thấy nhiều bước tiến mới. Với việc mở rộng Dịch vụ ngân hàng ưu tiên tới 133 chi nhánh vào cuối năm 2012, Ngân hàng triển khai chuẩn hóa chương trình chăm sóc khách hàng ưu tiên với các sự kiện nổi bật như Chăm sóc Ưu tiên, Tri ân

Số lượng ATM/POS tăng lần lượt từ 1.205 lên 1.247 và từ 2.101 lên 2.149 so với cùng kỳ năm ngoái.

khách hàng, thu hút sự chú ý của nhiều tầng lớp khách hàng thuộc nhiều khu vực địa lý, giới tính và độ tuổi khác nhau. Bên cạnh đó, bằng việc phát triển và tái cơ cấu danh mục khách hàng ưu tiên, Khối DVTCCN đã nâng cao chất lượng quản lý khách hàng và hiệu quả danh mục.

Năm vừa qua cũng chứng kiến nhiều thành tựu trong việc đa dạng hóa chức năng hệ thống ATM/POS và ngân hàng điện tử. Số lượng ATM/POS tăng lần lượt từ 1.205 lên 1.247 và từ 2.101 lên 2.149 so với cùng kỳ năm ngoái. Việc hoàn thiện hệ thống tự động hóa xử lý và thẩm định hồ sơ tín dụng, quản lý tín dụng cá nhân (LOS) cũng là một thành quả rất quan trọng trong năm 2012 để tạo đà phát triển, giúp Nhân hàng đẩy nhanh quy trình thẩm định hồ sơ tín dụng bán lẻ, rút ngắn thời gian quay vòng và tiết kiệm chi phí.

Mục Tiêu Và Định Hướng Trong Năm 2013

Khối DVTCCN không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Với tiêu chí đó, năm 2013 sẽ tiếp tục chứng kiến nhiều cải tiến về sản phẩm và dịch vụ như: đơn giản hóa quy trình mở tài khoản mới, đa dạng hóa loại hình dịch

vụ ngân hàng điện tử, nâng cao chất lượng xử lý giao dịch, xử lý tín dụng và xử lý thẻ, áp dụng thẻ vào các sản phẩm trọng điểm, và chính sách "một cửa" đối với sản phẩm bảo hiểm ngân hàng. Mục tiêu của Khối là đưa Techcombank trở thành ngân hàng phát triển nhanh nhất trong thị trường ngân hàng bán lẻ.

Về hoạt động kinh doanh vàng và ngoại tệ, Khối DVTCCN tiếp tục đẩy mạnh đa dạng hóa sản phẩm vàng, dịch vụ lưu ký và vàng lưu niệm, giao dịch ngoại hối và các dịch vụ chuyển tiền đa ngoại tệ. Lợi thế cạnh tranh mà Khối mong muốn đạt được là quy trình xử lý nhanh gọn, giá thành cạnh tranh và lợi ích trọn gói. Khối DVTCCN sẽ phối hợp chặt chẽ với Khối quản trị rủi ro và công ty Quản lý tài sản (AMC) nhằm rà soát và nâng cấp các chính sách tín dụng bán lẻ, thẻ điểm và quản trị khẩu vị rủi ro.

Các chương trình chăm sóc khách hàng, với chương trình trọng điểm "Gắn kết bền lâu", tiếp tục là ưu tiên hàng đầu. Bên cạnh đó là chiến lược củng cố dịch vụ ngân hàng ưu tiên theo đúng đường lối đã xác lập: ưu tiên và tiện lợi. Ngoài ra, việc phát triển đội ngũ chuyên viên chăm sóc khách hàng ưu tiên cao cấp (RM) cũng không nằm ngoài trọng tâm của Khối DVTCCN trong năm 2013.



Dịch Vụ Khách Hàng Doanh Nghiệp (KHDN)

Tổng Quan Hoạt Động Của Khối Trong Năm 2012.

Là một bộ phận trọng yếu quyết định đến thành công của Ngân hàng, Khối Khách hàng doanh nghiệp (KHDN) đã không ngừng phát triển hệ thống sản phẩm và dịch vụ nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và các khách hàng thân thiết trước những thách thức kinh tế trong suốt năm 2012. Dưới đây là một số các sáng kiến tiêu biểu của Khối:

- Giảm lãi suất cho toàn bộ 3.830 doanh nghiệp thuộc các nhóm ưu tiên như các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp xuất khẩu, và các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành phụ trợ theo chính sách của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Triển khai các sản phẩm được thiết kế theo nhu cầu giúp khách hàng doanh nghiệp có thể tiếp cận nguồn vốn ổn định. Ví dụ với sản phẩm vốn vay kỳ hạn 12 tháng, khách hàng có thể linh động lựa chọn phương án trả nợ gốc với thời hạn lên đến 1 năm. Sản phẩm cho vay Việt Nam đồng với lãi suất đô-la Mỹ cũng là điểm nhấn nổi bật và được nhiều khách hàng đón nhận.
- Tăng cường cơ sở vật chất cho các ngành sản xuất ưu tiên theo chỉ đạo của Chính phủ như các ngành hàng thiết yếu, các sản phẩm thương mại, hóa chất, phân bón, dịch vụ y tế, v.v.

Thành Tựu

Nối tiếp thành công của giai đoạn 1 “Chương trình Khách hàng doanh nghiệp thân thiết” trong năm 2011, Techcombank đã đạt ra tiêu chí chất lượng dịch vụ đồng nhất dành cho các khách hàng doanh nghiệp trên toàn hệ thống. Mỗi bộ

phận cấu thành của chương trình đều được nâng cấp cả về chất lượng lẫn nội dung. Nhờ vậy, chương trình đã nhận được những đánh giá tích cực từ phía khách hàng về các giá trị tài chính và phi tài chính vượt trội mà Ngân hàng mang lại.

Thêm vào đó, các hội thảo chuyên ngành về quản lý khủng hoảng và quản lý thuế đã được tổ chức công phu, bài bản và nhận được sự ủng hộ nồng nhiệt từ phía khách hàng. Đây cũng là bước đi quan trọng trong chương trình khách hàng thân thiết mang tính dài hạn giữa Techcombank và khách hàng về mảng đào tạo và quản lý doanh nghiệp.

Khối KHDN tiếp tục đi tiên phong trong công cuộc tối ưu hóa các quy trình hoạt động, đặc biệt đối với quy trình phê duyệt tín dụng, giải ngân, và quản lý tài sản bảo đảm. Cụ thể Khối đã cắt giảm số lượng các khâu xử lý quy trình riêng lẻ, nâng cao chất lượng hoạt động của từng khâu, và nhờ đó mang lại giá trị về thời gian cho khách hàng. Những cải tiến này sẽ đặt nền móng cho việc nâng cao hơn nữa chất lượng các quy trình hoạt động trong hệ thống.

Trong năm 2012, Khối KHDN đã triển khai chiến lược phát triển thị trường miền Nam, đi cùng với việc thành lập các đội ngũ nhân sự chuyên trách ở miền Nam nhằm triển khai hoạt động phát triển kinh doanh, đồng thời nghiên cứu và phát triển sản phẩm cho khối các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bên cạnh các sản phẩm ra mắt trong năm 2011 dành cho các khối kinh tế trọng điểm ở phía Nam, như sản phẩm cấp vốn cho các ngành lúa gạo, cà phê, hạt điều và cao su, trong năm 2012, Khối KHDN đã đề xuất và áp dụng nhiều sáng kiến và giải pháp mới về phát triển sản phẩm và

thúc đẩy kinh doanh. Các sản phẩm mới không những đã đáp ứng kịp thời nhu cầu của các chi nhánh, mà còn đánh đúng vào các đặc tính và điều kiện khách hàng riêng biệt của những thị trường tiềm năng ở khu vực Đông và Tây Nam. Trong những năm kế tiếp, Techcombank sẽ tiếp tục đầu tư vào cơ sở hạ tầng và nhân lực cho thị trường phía Nam với mục tiêu đạt được những đột phá quan trọng về thị phần.

Trong suốt hai năm trước đó, Techcombank đã áp dụng nhiều thay đổi quan trọng trong công tác quản lý rủi ro tín dụng doanh nghiệp với Hệ thống Cảnh báo sớm (EWS) và Hệ thống quản lý tín nhiệm định tính (QCA) cho các doanh nghiệp vi mô (Micro SME). Bước sang năm 2012, Khối KHDN đã mở rộng và áp dụng một cách có hệ thống các dấu hiệu cảnh báo tín dụng cho từng sản phẩm trong phần khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các công cụ tích hợp vào Hệ thống cảnh báo sớm EWS giúp bộ phận kinh doanh tầm soát các hoạt động của khách hàng một cách kịp thời và tự động. Đây là một bước tiến quan trọng trong việc quản lý danh mục cho vay tập trung.

Định Hướng Kinh Doanh Trong Năm 2013:

Với bối cảnh vĩ mô còn nhiều khó khăn và thách thức trong năm 2013, Khối KHDN đặt chỉ tiêu hoàn thành ba nhiệm vụ cơ bản.

Nhằm hỗ trợ hoạt động phát triển kinh doanh và quản lý rủi ro, Khối sẽ tiếp tục xây dựng và củng cố các yếu tố cơ bản của hệ thống (năng lực của chuyên viên quan hệ khách hàng, hệ thống chính sách quản lý rủi ro, hệ thống Công nghệ thông tin, và hệ thống quản lý thông tin-MIS). Các nhân tố này sẽ là những công cụ hiệu



quả giúp thiết lập nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Khối trong năm 2013 và những năm sau đó.

Đồng thời, là trọng tâm trong chiến lược phát triển của Khối, Khối KHDN sẽ luôn song hành cùng những nhu cầu không ngừng thay đổi của khách hàng. Hoạt động nghiên cứu thị trường sẽ được đẩy mạnh nhằm nắm bắt các mô hình kinh doanh và nhu cầu của từng khách hàng. Nhờ đó, Khối KHDN sẽ cải tiến các sản phẩm hiện tại, và xây dựng những giải pháp tài chính mới nhằm đáp ứng nhu cầu của từng phân khúc thị trường hay khu vực địa lý.

Với quyết tâm hiện thực hóa chiến lược thống lĩnh thị phần trong phân khúc doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), Khối cũng sẽ phát triển và nâng cao quy trình kinh doanh, đồng thời giới thiệu các kênh kinh doanh mới nhằm đi tắt đón đầu để hoàn thành mục tiêu.

Kế Hoạch Hành Động Năm 2013 Của Khối Ngân Hàng Thương Mại:

Theo đúng định hướng chiến lược năm 2013, Khối ngân hàng thương mại sẽ triển khai kế hoạch hành động như sau:

- Nâng cao chất lượng danh mục tài sản thông qua việc đánh giá sự tăng trưởng của khách

hàng cũng như sự phát triển của các ngành kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, hàng tiêu dùng thiết yếu, hàng y dược, sản phẩm giáo dục, hóa chất, phân bón, và các ngành kinh doanh xuất khẩu;

- Phát triển thêm các chương trình tài trợ chuỗi cung ứng và tài trợ phân phối nhằm cung cấp nguồn cấp vốn ổn định và tối đa hóa những lợi ích về quản trị dòng tiền cho người bán và người mua;
- Rà soát và thống nhất các chính sách khách hàng, bao gồm các chính sách về chất lượng dịch vụ, quản lý tín dụng và tài sản đảm bảo, nhằm xây dựng mối quan hệ bền vững với khách hàng, đồng thời mang lại các giá trị gia tăng cho cả khách hàng và Ngân hàng;
- Tiếp tục thực hiện đơn giản hóa quy trình đối với nhiều loại dịch vụ khác nhau (tín dụng, ký quỹ, thanh toán, v.v.) nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và rút ngắn thời gian xoay vòng. Việc đơn giản hóa quy trình sẽ được áp dụng một cách nhất quán và có hệ thống ở mọi cấp quản lý, trong tất cả các hoạt động nội bộ, cũng như các dịch vụ cung cấp cho khách hàng và đối tác bên ngoài;
- Tiếp tục nghiên cứu và phát triển các dịch

vụ phi tài chính dành cho khách hàng thân thiết như đào tạo về quản lý cho lãnh đạo các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hay đào tạo về hoạt động và sản phẩm ngân hàng cho nhân viên doanh nghiệp;

- Tái phát triển Hệ thống đánh giá tín nhiệm định tính dành cho phân khúc các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và các doanh nghiệp trung bình (USME), đặt nền móng cho quy trình sàng lọc định tính và xây dựng chính sách tín dụng phù hợp cho mỗi phân khúc khách hàng.
- Tiếp tục xây dựng và củng cố năng lực hệ thống kinh doanh, đồng thời nâng cao năng suất và hiệu quả kinh doanh của mỗi chuyên viên quan hệ khách hàng bằng cách (i) cải thiện, thống nhất, và tiêu chuẩn hóa các đề tài huấn luyện năng lực kinh doanh theo đúng tiêu chuẩn nghiệp vụ; (ii) áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý kinh doanh, cơ chế đo lường và giám sát năng suất; (iii) củng cố năng lực của lực lượng bán hàng theo các tiêu chuẩn quốc tế.
- Tự động hóa Hệ thống quản lý thông tin (MIS). Phát triển các mô hình dữ liệu và các phương pháp phân tích nhằm nâng cao hiểu biết về nhu cầu, thói quen và hành vi của khách hàng.

Ngân hàng Bán Buôn (NHBB)



Năm 2012, Techcombank (TCB) thành lập Khối Ngân hàng Bán buôn (NHBB) nhằm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu dịch vụ ngân hàng phức tạp của khách hàng doanh nghiệp. Đây là một bước đi hợp lý và là sáng kiến lớn trong chương trình chuyển đổi của TCB với mục tiêu trở thành Ngân hàng TMCP hàng đầu ở Việt Nam.

Để có thể đạt được mục tiêu này, Ngân hàng đã quyết định chia tất cả các khách hàng doanh nghiệp hiện có và khách hàng doanh nghiệp tiềm năng vào ba phân khúc thị trường riêng biệt theo doanh số thường niên và vốn điều lệ, bao gồm i) Doanh nghiệp lớn, ii) Doanh nghiệp Trung bình, iii) và Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ. Khối NHBB chịu trách nhiệm về hai phân khúc khách hàng đầu tiên và Khối Khách hàng Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về phân khúc cuối cùng. Sau khi tiến hành phân nhóm khách hàng, Ngân hàng đã tạo ra sự khác biệt trong sản phẩm và dịch vụ cho mỗi phân khúc và thiết lập cơ cấu tổ chức nhằm đem lại định vị giá trị khách hàng tối ưu nhất cho tất cả các khách hàng ở mỗi phân khúc mục

tiêu. TCB đã quyết định nhập Khối Ngân hàng Giao dịch và Khối Khách hàng Định chế Tài chính vào khối NHBB nhằm nâng cao năng lực phát triển sản phẩm và khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ với chất lượng đồng nhất. Mặc dù không trực thuộc NHBB, nhưng Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Khối NHBB nhằm đảm bảo khách hàng có thể tiếp cận các sản phẩm do khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính cung cấp.

Bộ phận Khách hàng Doanh nghiệp lớn sẽ không làm việc tại Hội sở Ngân hàng ở Hà Nội và Văn phòng Đại diện Vùng ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trong khi đó, bộ phận Doanh nghiệp trung bình sẽ được quản lý thông qua 7 chi nhánh chính (3 ở miền Bắc, 3 ở miền Nam, và 1 ở miền Trung) và sẽ thiết lập các trung tâm khác trong tương lai nếu cần. Đối với khách hàng ở xa, dịch vụ và giao dịch thường nhật sẽ tiếp tục được cung cấp và thực hiện qua mạng lưới chi nhánh rộng lớn, và bộ phận Khách hàng trung bình sẽ chịu trách nhiệm quản lý tập trung.

Các trụ cột chính trong chiến lược của Khối NHBB là i) hiểu biết rõ ràng về nhu cầu của Khách hàng Doanh nghiệp, ii) cải tiến các sản phẩm ngân hàng, và iii) quản lý khẩu vị rủi ro một cách chặt chẽ song song với quy trình phê duyệt tín dụng và quản lý danh mục hiệu quả.

Trong năm 2013, Khối NHBB đang làm việc với công suất tối đa và kỳ vọng sẽ thực hiện xong chiến lược của mình vào giữa năm. Khối NHBB đã đặt ra các mục tiêu rất lạc quan trong năm 2013 và kỳ vọng sẽ đóng góp hơn nữa vào nguồn thu của Ngân hàng.





Chúng tôi tin tưởng vào giá trị con người.

Một tập thể lớn mạnh luôn có sự gắn kết chặt chẽ với nhân viên và cộng đồng xung quanh. Niềm tin này cũng chính là động lực hỗ trợ cho những sáng kiến phát triển nguồn nhân lực và các hoạt động vì cộng đồng.

Báo Cáo Thường Niên 2012

Con người và cộng đồng

Phát Triển Nguồn Nhân Lực

Con người là nhân tố quan trọng tạo nên thành công cho Ngân hàng chúng tôi. Chính vì vậy, chúng tôi chú trọng phát triển tiềm năng mỗi cá nhân, phát huy năng lực lãnh đạo và tinh thần hợp tác chặt chẽ ở tất cả các cấp trong Techcombank.

Những khó khăn thách thức kinh tế trong năm 2012 càng cho thấy rõ tầm quan trọng của việc tìm được đúng người phù hợp cho từng vị trí công việc. Khách hàng ngày càng có nhiều lựa chọn và để đáp ứng những kỳ vọng ngày càng tăng của họ Ngân hàng cần phải có đúng người ở cả bộ phận bán hàng và bộ phận hỗ trợ. Trọng tâm của Techcombank trong năm 2012 là tiếp tục thu hút các cá nhân có kinh nghiệm thực hành được đánh giá theo chuẩn mực quốc tế nhằm hỗ trợ Ngân hàng đạt được hoặc vượt những kỳ vọng ngày càng cao của khách hàng, đồng thời đánh giá lại cơ cấu tổ chức cũng như xác định lại biên chế cần thiết cho mỗi cấp nhằm hỗ trợ cho sự phát triển và thành công một cách bền vững.

Môi Trường Làm Việc Thu Hút Nhân Tài Và Chú Trọng Phát Triển Tiềm Năng Cá Nhân

Techcombank tiếp tục đầu tư vào chiến lược phát triển nhân sự mà trọng tâm là xây dựng một môi trường làm việc tốt nhất cho các cán bộ nhân viên dựa trên ba yếu tố:

- Thu hút và Giữ chân Nhân tài
 - Đào tạo và Phát triển
 - Khen thưởng và Ghi nhận

Chúng tôi đã đi được nửa chặng đường trong lộ trình thực hiện chiến lược nhân sự (2010-2014) và

hiện tại đang bước vào giao đoạn cuối:

- Giai đoạn 1: Xây dựng nền tảng cơ bản
- Giai đoạn 2: Xây dựng năng lực và thay đổi tư duy
- Giai đoạn 3: Tinh chỉnh và tái thiết kế

Năm 2012, việc triển khai chiến lược tiếp tục có những tiến bộ đáng kể mặc dù môi trường kinh doanh có nhiều thách thức, trong đó có những thành tựu đáng chú ý như: Triển khai thành công mô hình hoạt động của Khối Quản trị nguồn nhân lực theo chuẩn quốc tế; Tăng cường đào tạo và phát triển năng lực cũng như tổ chức Khảo sát Hiệu quả Nhân viên.

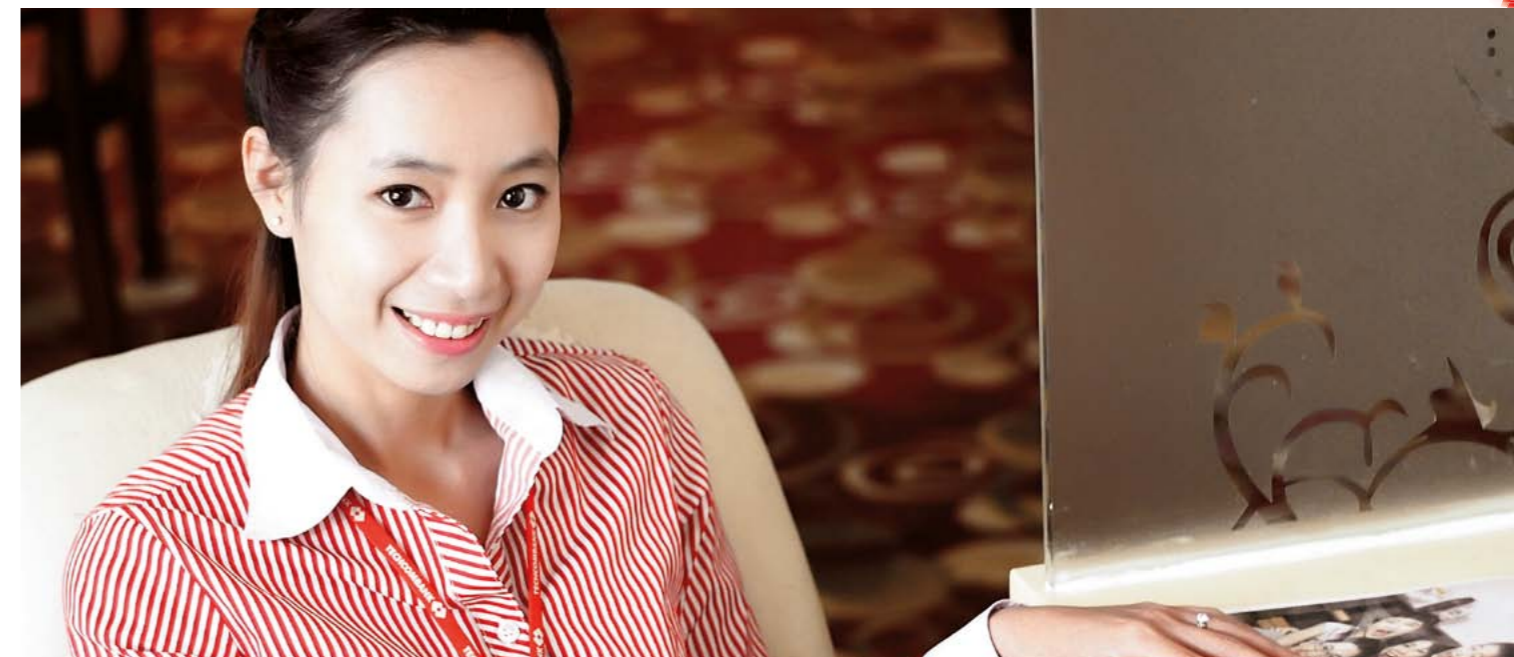
Mô Hình Hoạt Động Khối Quản Trị Nguồn Nhân Lực

Năm 2012, Khối quản trị nguồn nhân lực tiếp tục nâng cao mô hình hoạt động được thiết kế nhằm giúp các cán bộ chuyên môn của Khối Quản trị nguồn nhân lực hỗ trợ tốt hơn cho các lãnh đạo Techcombank trong việc đánh giá phát hiện tiềm năng của đội ngũ nhân sự tại từng đơn vị. Việc thực hiện mô hình hoạt động điều chỉnh đã thành công khi đưa vào hoạt động Trung tâm tư vấn và Hỗ trợ hoạt động nhân sự với chức năng phối hợp trực tiếp với các đơn vị kinh doanh về mọi vấn đề liên quan tới nhân sự. Cũng từ mô hình này, các

nhóm chuyên trách về nhân sự được hình thành bao gồm Trung tâm quản lý hiệu quả nguồn nhân lực, Trung tâm dịch vụ nhân sự nhằm chú trọng hỗ trợ chuyên môn cho những lĩnh vực trọng yếu. Mô hình hoạt động mới cũng chú trọng vào việc quản trị rủi ro nhân sự của Ngân hàng thông qua hoạt động của Trung tâm quản trị chiến lược nguồn nhân lực. Đội ngũ Quản trị nguồn nhân lực Miền Nam được nâng cấp với việc bổ sung thêm một Giám đốc nhân sự miền Nam giúp thiết kế các giải pháp nhân sự phù hợp hơn theo yêu cầu đặc thù của miền đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh doanh tại khu vực quan trọng này. Việc thiết kế và triển khai mô hình hoạt động nhân sự được thực hiện dưới sự hỗ trợ triển khai trực tiếp từ đối tác chiến lược HSBC.

Nâng Cao Năng Lực Đào Tạo Và Phát Triển Nhân Lực

Năm 2012, Techcombank có một bước tiến đáng kể hướng tới việc trở thành một tổ chức đào tạo hiệu quả hơn. Thể hiện trước tiên ở việc ra đời và đi vào hoạt động của hai trung tâm đào tạo tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Hai trung tâm đào tạo này đã cải thiện đáng kể năng lực của đội ngũ nhân viên Techcombank cả về kiến thức và kỹ năng cũng như mang lại cho những nhân viên mới những trải nghiệm tốt nhất ngay khi vừa mới



gia nhập tổ chức.

Chúng tôi đã nỗ lực nâng cao năng lực lãnh đạo bằng việc chiêu mộ các chuyên gia quốc tế giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng và triển khai sáng kiến Nâng Cao Năng Lực Lãnh Đạo dành cho cán bộ quản lý cấp trung và cấp cao. Chương trình Nâng Cao Năng Lực Lãnh Đạo kéo dài trong bốn tháng và được thiết kế nhằm xây dựng cho những cán bộ quản lý của Techcombank một phong cách lãnh đạo nổi bật khác xa so với đối thủ cạnh tranh.

Chúng tôi đồng thời cũng đưa những thông lệ quốc tế tốt nhất vào quy trình quản lý hiệu quả làm việc. Một điểm chính trong những thay đổi này là đưa tiêu chí liên quan tới cách thức ứng xử của nhân viên với khách hàng và đồng nghiệp vào phần đánh giá hiệu quả làm việc của từng nhân viên hàng năm. Chính vì thế giá trị của Techcombank được gắn chặt hơn trong cách thức đánh giá hiệu quả làm việc.

Việc tiếp tục phát triển giá trị “khách hàng là trên hết” là rất quan trọng. Bởi vậy, sự gắn kết yếu tố này với các chính sách và quy trình nhân sự sẽ tiếp tục là trọng tâm để duy trì giá trị văn hóa doanh nghiệp này.

Mức Độ Cam Kết Của Cán Bộ Nhân Viên

Năm 2012, Techcombank tiếp tục tham gia khảo sát Hiệu quả làm việc của cán bộ nhân viên thông qua Công ty tư vấn nhân sự Quốc tế Hay Group, khảo sát này nhằm mục đích đo lường mức độ gắn bó và cam kết của cán bộ nhân viên. Kết quả khảo sát cho thấy mặc dù chúng tôi có một lực lượng lao động có cam kết cao, quan tâm đến thành công của Ngân hàng, tuy nhiên vẫn có còn có những điểm có thể cải thiện nếu ngân hàng kinh doanh hiệu quả hơn và duy trì một môi trường làm việc ưa thích cho đội ngũ nhân tài.

Phản hồi của nhân viên trong Khảo sát Hiệu quả Làm việc năm 2011 đã được lãnh đạo ngân hàng xem xét để trong năm 2012 Ngân hàng chính thức triển khai thực hiện hai sáng kiến “We Care” và “We Share” theo khẩu hiệu Techcom Lead, theo đó cán bộ nhân viên có thể đăng ký làm việc theo giờ linh hoạt và được nghỉ làm trong ngày sinh nhật của mình.

Chúng tôi đã nỗ lực nâng cao năng lực lãnh đạo bằng việc chiêu mộ các chuyên gia quốc tế giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và đầu tư cho chương trình Nâng Cao Năng Lực Lãnh Đạo dành cho cán bộ quản lý cấp trung và cấp cao.

Các giải thưởng lớn trong năm 2012



Ngân hàng Tốt nhất trong các nền kinh tế mới nổi tại Châu Á 2012



Ngân hàng Tài trợ Thương mại Tốt nhất Việt Nam



Ngân hàng Quản lý Tiền tệ Tốt nhất tại Việt Nam

Ngân hàng Tài trợ Thương mại Tốt nhất tại Việt Nam



Ngân hàng cung cấp dịch vụ Thanh toán Thương mại Tốt nhất Việt Nam

Ngân hàng Quản lý Tiền tệ Tốt nhất Việt Nam

Ngân hàng Bán lẻ của năm – Việt Nam



Ngân hàng Tốt nhất Việt Nam



Ngân hàng Mạnh nhất Việt Nam



Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối cho doanh nghiệp và khách hàng định chế tài chính Tốt nhất Việt Nam

Ngân hàng Tốt nhất Việt Nam



Ngân hàng Nội địa Tốt nhất Việt Nam

Trách nhiệm với cộng đồng



Chúng tôi kết nối với cộng đồng không nhờ những chiến dịch truyền thông lớn hay những báo cáo phức tạp mà là những chương trình dài hạn giúp thắt chặt mối quan hệ giữa Ngân hàng và Cộng đồng.

Techcombank chúng tôi sẽ luôn giữ vững tâm nhìn đó.

Nền kinh tế của một quốc gia sẽ phát triển mạnh mẽ hơn với sự đồng lòng của các doanh nghiệp lớn nhỏ. Tại Techcombank chúng tôi tin tưởng và cam kết cho mục tiêu chung này. Là một tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam, chúng tôi coi trách nhiệm với cộng đồng là một trong những ưu tiên trong chiến lược phát triển của mình. Trong năm 2012, chúng tôi đã sắp xếp các nguồn lực nhằm đưa tổng số tiền đầu tư cho cộng đồng lên tới trên 79 tỷ đồng. Không chỉ chú trọng vào hiệu quả kinh doanh, chúng tôi luôn giữ vững định hướng chung tay góp sức vào các hoạt động xã hội thiết thực xoay quanh 3 lĩnh vực ưu tiên: Giáo dục, Môi trường và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Giáo Dục

Trong lĩnh vực giáo dục, chương trình trọng yếu của chúng tôi mang tên “Techcombank – Khăn đỏ đến trường” bước vào năm thứ hai với nhiều thành công được ghi nhận. Chương trình với thông điệp “Mọi trẻ em đều có quyền được đi học” là một điển hình thành công trong việc hỗ trợ trẻ em nghèo hiếu học đến trường. Trong năm 2012, chương trình “Khăn đỏ đến trường” còn nhận được sự góp sức quý báu của ngân hàng HSBC để cùng trao tặng 1.900 suất học bổng cho các em học sinh từ 9 tới 14 tuổi trên 44 tỉnh thành phố trên cả nước. Không chỉ là tiền tài trợ mà chúng tôi còn nhận được sự đóng góp nhiệt tình cả về thời gian và công sức của toàn bộ nhân viên Techcombank cho các hoạt động của Chương trình tại mỗi cộng đồng địa phương, chính điều này đã mang lại sự khác biệt và thành công lớn hơn cho “Techcombank – Khăn đỏ đến trường”.

Trong năm 2012, Techcombank cùng báo Nhân Dân quỹ đã sáng lập nên quỹ “Hạt giống Việt”. Ngân hàng đã góp 5 tỷ đồng ban đầu cho quỹ nhằm, đây là hoạt động bước đầu để tạo lập một quỹ học bổng thường niên cho các sinh viên tài năng hiếu học của Việt Nam. 15 sinh viên đầu tiên đã được trao tặng học bổng này và chúng tôi vững tin rằng sáng kiến này sẽ có thêm nhiều đối tác hỗ trợ và đóng góp trong những năm tới.



Techcombank cũng thể hiện mạnh mẽ cam kết hỗ trợ giáo dục cộng đồng với việc tài trợ 43 tỷ đồng cho việc nâng cấp hệ thống giáo dục địa phương ở những huyện nghèo tại Quảng Ninh với sự hợp tác của Sở Giáo dục đào tạo tỉnh trong năm 2012. Ngoài ra, Techcombank cũng tài trợ 5 tỷ đồng để xây một trường tiểu học ở huyện vùng xa tỉnh Cao Bằng.

Môi Trường

Một môi trường trong lành mang lại cho mọi người một cuộc sống tốt hơn. Trong suốt năm qua, tập thể nhiều thành viên đầy trách nhiệm với cộng đồng của chúng tôi đã tổ chức thực hiện các chương trình hoạt động xã hội vì môi trường. Các hoạt động này bao gồm chương trình ngày “Vì môi trường xanh sạch”. Techcombank cũng đã đóng góp 1 tỷ đồng cho những hoạt động trong Ngày Môi Trường Quốc Tế tổ chức tại Quảng Ninh.

Chăm Sóc Sức Khỏe Cộng Đồng

Sức khỏe cá nhân là một phần của sức khỏe

cộng đồng. Nhận thức rõ điều này, Techcombank luôn hướng tới việc hỗ trợ cho các chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng trên toàn quốc. Riêng trong năm 2012, ngân hàng đã tài trợ 5 tỷ đồng để đầu tư thiết bị khám chữa bệnh cho các huyện nghèo tỉnh Quảng Ninh trong đó có huyện Cò Tô và Ba Chẽ.

Chúng tôi luôn nhận thức sâu sắc về trách nhiệm cộng đồng và luôn kiên định với quyết tâm nỗ lực vì cộng đồng trong những năm tới. Chúng tôi luôn hướng đến việc tạo ra sự khác biệt trong từng hoạt động cộng đồng với lòng nhiệt thành tham gia của mỗi nhân viên Techcombank. Chúng tôi sẽ tiếp tục kiên định với cam kết vì cộng đồng, không chỉ thông qua việc tài trợ vật chất, mà còn thông qua đóng góp hết sức to lớn về mặt tinh thần thể hiện bằng những hoạt động thiện nguyện của tất cả chúng tôi tại Techcombank. còn thông qua đóng góp hết sức to lớn về mặt tinh thần thể hiện bằng những hoạt động thiện nguyện của tất cả chúng tôi tại Techcombank.

Báo Cáo Thường Niên 2012

Những thế mạnh trọng tâm

Cung cấp Sản phẩm và Dịch vụ Ngân Hàng đáp ứng
nhu cầu của khách hàng.

Định hướng kinh doanh của chúng tôi được xây dựng trên cơ sở mang lại cho khách hàng sự thuận tiện,
đơn giản và dễ dàng tiếp cận. Chúng tôi thiết kế các sản phẩm dịch vụ dựa trên nhu cầu của khách hàng
và coi sự hài lòng của họ là thước đo thành công.



Dịch vụ Ngân Hàng Giao Dịch

Tầm Nhìn Chiến Lược

Khối Ngân hàng giao dịch là đơn vị kinh doanh tập trung vào phát triển sản phẩm. Với tầm nhìn chiến lược là đưa Techcombank lên vị trí số một trong nhóm các ngân hàng nội địa trong việc cung cấp cho khách hàng doanh nghiệp các giải pháp quản lý tiền tệ và tài trợ thương mại. Chúng tôi sử dụng hệ thống công nghệ hiện đại sẵn có nhằm mang lại sự hài lòng cao nhất cho khách hàng.

Chúng tôi cũng không ngừng nỗ lực cung cấp các gói giải pháp ngân hàng giao dịch toàn diện thông qua nhiều kênh đa dạng như ngân hàng điện tử, quầy giao dịch, hệ thống ATM và SMS nhằm mang đến cho khách hàng các lựa chọn dịch vụ đa dạng và tiện lợi nhất.

Mục tiêu của chúng tôi là phát triển và cung cấp những giải pháp thân thiện, dễ thao tác và kiểm tra, tiện sử dụng, được xử lý nhanh nhất và đảm bảo chất lượng dịch vụ tốt nhất.

Chiến lược của Khối Ngân hàng giao dịch tập trung vào:

- Tận dụng chuyên môn chuyên sâu về sản phẩm, các nền tảng công nghệ tiên tiến và mạng lưới chi nhánh rộng khắp của Techcombank nhằm cung cấp các giải pháp tài trợ đặc thù và đáng tin cậy cho khách hàng doanh nghiệp.
- Tăng cường hợp tác với đối tác chiến lược HSBC, ngân hàng dẫn đầu thế giới trong lĩnh vực ngân hàng giao dịch
- Liên tục cải tiến các quy trình nội bộ và thực hiện đào tạo cho nhân viên nhằm cung cấp dịch vụ hiệu quả và chất lượng tốt nhất cho khách hàng.
- Đầu tư vào các nền tảng ngân hàng giao dịch tiên tiến nhất nhằm xây dựng năng lực thực hiện tốt nhất trong số các ngân hàng nội địa.

Thành Tích Ấn Tượng Trong Năm 2012

Những nét nổi bật chính:

- Giá trị giao dịch tài trợ thương mại quốc tế giảm xuống 4,995 tỷ USD, trong khi tổng khối lượng giao dịch giảm nhẹ xuống còn 55.457



giao dịch.

- Số lượng giao dịch chuyển tiền nội địa và quốc tế trong năm 2013 tăng 23% lên 3,7 triệu giao dịch.
- Mở rộng mô hình Tài trợ Thương mại từ 6 lên 16 chi nhánh.
- Giới thiệu các sản phẩm tài trợ thương mại mới bao gồm Thu tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay, Bao thanh toán xuất khẩu và Bao thanh toán nội địa.
- Giới thiệu các sản phẩm quản lý tiền tệ mới bao gồm bảo lãnh ngân hàng/ thanh toán F@st Customs.
- Triển khai dịch vụ thu hóa đơn trực tuyến cho các công ty điện lực và viễn thông lớn.
- Triển khai nền tảng Arc IB tiên tiến cho giao dịch ngân hàng điện tử.

Hoạt Động Tài Trợ Thương Mại

Cùng với đà tăng trưởng kinh tế chậm của Việt Nam năm 2012, tốc độ tăng trưởng thương mại quốc tế của Việt Nam cũng suy giảm so với các năm trước, với tổng giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam tăng lần lượt 18% và 7% năm 2012 (so với 34% và 25% của năm 2011). Với mục tiêu có được thị phần lớn hơn về mảng hoạt động này,

chúng tôi đã tăng cường mở rộng dự án được thiết lập năm 2011, nhằm trang bị và đào tạo các chuyên gia Tài trợ thương mại được tuyển chọn từ những chi nhánh lớn của Ngân hàng trên khắp cả nước. Với sự thành công của chương trình, số lượng chi nhánh tham gia đã tăng từ 6 chi nhánh vào cuối năm 2011 lên 16 chi nhánh năm 2012. Mức tăng trung bình về khối lượng giao dịch trong năm 2012 tại 6 chi nhánh đầu tiên là 15% so với cùng kỳ năm trước, kết quả này cho thấy sự hiệu quả của chương trình.

Với sự thấu hiểu về thị trường trong nước cùng với đội ngũ quản lý chuyên nghiệp giàu kinh nghiệm và hệ thống công nghệ mạnh, Techcombank có thể cung cấp các giải pháp chuyên biệt đáp ứng chính xác các yêu cầu của khách hàng. Hơn nữa, với các mối quan hệ ngân hàng đại lý sâu rộng và xử lý giao dịch tập trung đảm bảo chất lượng, hạn chế rủi ro và giảm thiểu chi phí, Techcombank được công nhận là ngân hàng hàng đầu về hoạt động tài trợ thương mại của Việt Nam, có khả năng cung cấp trọn gói các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng giao dịch, đáp ứng nhu cầu của khách hàng khó tính.

Do các điều kiện kinh tế và kinh doanh khó khăn trong năm 2012, giá trị giao dịch tài trợ thương

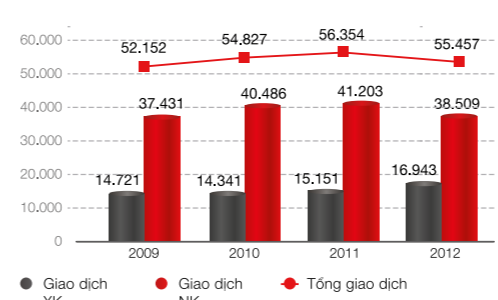
mại quốc tế nói chung của Techcombank đã giảm 13,5% xuống mức 4,995 tỷ USD trong khi tổng số các giao dịch tài trợ thương mại quốc tế giảm nhẹ 1,6% xuống 55.457. Tuy nhiên, chúng tôi tự hào được đóng góp một vai trò quan trọng trong sự thành công của hàng nghìn doanh nghiệp trong các mảng xuất khẩu chính của Việt Nam như nông sản và hải sản.

Về mặt phát triển sản phẩm, chúng tôi đã giới thiệu một số sản phẩm mới trong năm 2012 bao gồm: Thu tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS), cho phép các nhà nhập khẩu tiếp cận nguồn vốn bằng ngoại tệ rẻ hơn thông qua các đối tác ngân hàng đại lý của Techcombank; Bao thanh toán xuất khẩu (cho thị trường Mỹ và Canada) giúp bảo vệ các nhà xuất khẩu khỏi rủi ro khi các nhà nhập khẩu nước ngoài không thanh toán cho các giao dịch xuất khẩu với điều kiện thanh toán Mở tài khoản/ thanh toán TT; và Bao thanh toán nội địa, theo đó các đơn vị bán có được sự đảm bảo về cấp vốn và thanh toán đối với các hàng hóa trong nước trên cơ sở hóa đơn/mở tài khoản. Những sản phẩm tài trợ tiên tiến này ngày càng trở nên phổ biến với khách hàng doanh nghiệp và thể hiện cam kết của Ngân hàng trong việc cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng nhiều hơn và tốt hơn cho khách hàng.

Hoạt Động Quản Lý Tiền Tệ

Tương ứng với cơ sở khách hàng và niềm tin của khách hàng ngày càng gia tăng, hoạt động quản lý tiền tệ của Techcombank tiếp tục tăng trưởng

Khối lượng giao dịch thanh toán quốc tế (Giao dịch)



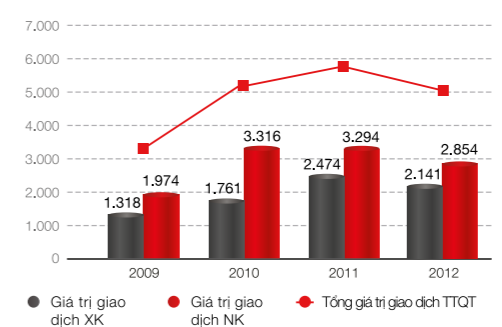
đáng kể trong năm 2012, trong đó khối lượng giao dịch chuyển tiền nội địa do Techcombank thực hiện tăng 23% so với cùng kỳ năm ngoái lên mức gần 3,7 triệu giao dịch. Con số này tăng gần gấp ba lần kể từ khi Khối Ngân hàng giao dịch được thành lập vào năm 2009. Trên 99% giao dịch chuyển tiền được xử lý "thông suốt" không có sự can thiệp bằng tay thông qua mạng lưới ngân hàng đại lý, do đó mang lại sự hài lòng cao nhất cho khách hàng.

Trong năm qua, Khối Ngân hàng giao dịch đã giới thiệu các giải pháp quản lý tiền tệ tiên tiến hơn bao gồm F@st Customs, cho phép các nhà nhập khẩu và xuất khẩu xác minh trực tuyến số thuế phải nộp cho Tổng cục Hải quan để thực hiện thanh toán hoặc có được bảo lãnh ngân hàng ngay tức thì, sản phẩm hỗ trợ khách hàng đẩy nhanh đáng kể tiến độ thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu tại cảng. Ngoài ra, đội ngũ quản lý tiền tệ của chúng tôi đã triển khai dịch vụ thu tiền điện và điện thoại qua trực tuyến trên mạng và tại chi nhánh cho các khách hàng đồng thời hoàn thành công tác triển khai nền tảng giao dịch điện tử tiên tiến Arc IB, mang lại sự tin cậy và gia tăng tính năng cho các khách hàng sử dụng các dịch vụ trực tuyến F@st E-Bank của Techcombank.

Mục Tiêu Và Định Hướng Chính Năm 2013

Khối Ngân hàng giao dịch đã đặt ra các mục tiêu đầy tham vọng cho năm 2013 và sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Khối kinh doanh để mở rộng thêm cơ sở khách hàng doanh nghiệp; đồng thời

Giá giao dịch thanh toán quốc tế (Triệu USD)

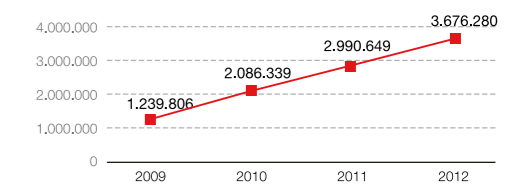


tập trung phát triển các thế mạnh cũng như xây dựng và triển khai các giải pháp tài chính chuyên biệt đáp ứng nhu cầu ngày càng phức tạp của khách hàng. Là một bộ phận trong Khối Ngân hàng bán buôn mới, được thành lập để phục vụ các nhu cầu của các Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Doanh nghiệp vừa, chúng tôi sẽ tích cực tham gia vào việc tăng cường quy trình lập kế hoạch quan hệ khách hàng đối với những khách hàng doanh nghiệp lớn hàng đầu, và phối hợp chặt chẽ với Khối Định chế Tài chính, đây là khối có quan hệ với nhiều đối tác ngân hàng đại lý của Techcombank.

Khối Ngân hàng giao dịch sẽ tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các chi nhánh tiếp cận khách hàng và cung cấp các giải pháp toàn diện và hiệu quả, thể hiện phong cách làm việc chuyên nghiệp và tinh thần đồng đội của Techcombank. Về mặt phát triển sản phẩm, chúng tôi tiếp tục cải tiến và đơn giản hóa các quy trình hiện có và phát triển các sản phẩm mới; đồng thời sử dụng công nghệ hiện đại và tiên tiến hơn nhằm tạo lợi thế cạnh tranh.

Cuối cùng, để đạt được những mục tiêu đầy thách thức này, Khối Ngân hàng giao dịch sẽ tăng cường làm việc nhóm, đẩy mạnh tinh thần kỷ luật, công tác tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực tiềm năng. Cùng với "Chiến lược Miền Nam" của Techcombank, chúng tôi dự định tiếp tục xây dựng đội ngũ nhân viên trong khu vực phía Nam, thị trường quan trọng có tiềm năng rất lớn cho sự tăng trưởng và phát triển trong tương lai của Techcombank.

Khối lượng giao dịch chuyển tiền (Giao dịch)



Dịch vụ Ngân hàng Trực tuyến

Trong cuộc sống năng động hiện nay, công nghệ và sự tiện lợi là hai yếu tố không thể tách rời. Việc hiểu rõ thực tế này giúp chúng tôi có định hướng đúng đắn cho các hoạt động sáng tạo và phát triển sản phẩm dịch vụ của mình.



Định Hướng Phát Triển Lâu Dài Của E-banking

Thanh toán không dùng tiền mặt nói chung cũng như thông qua các kênh điện tử của ngân hàng nói riêng đang được phổ biến rộng rãi trong cuộc sống tiêu dùng hiện đại.

Nhìn thấy trước xu thế này, từ rất sớm, Techcombank đã vạch ra chiến lược phát triển trong đó xác định E-banking là một cột trụ sống còn để xây dựng ngân hàng bán lẻ hiện đại.

Trong chiến lược này, Techcombank tiếp tục đặt mục tiêu trở thành ngân hàng hàng đầu trong dịch vụ E-banking thông qua việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ với sự thuận tiện và chất lượng dịch vụ tốt nhất, đồng thời đứng trong nhóm 3 ngân hàng có thị phần giao dịch trực tuyến cao nhất.

Trong những năm của giai đoạn chuẩn bị vừa qua, E-banking của Techcombank tập trung cho việc ổn định hệ thống, phát triển các kênh (như nâng cấp internet banking và đầu tư vào mobile

banking), chuẩn hóa sản phẩm, cải thiện quy trình và chất lượng dịch vụ, và đặc biệt quan tâm mở rộng cơ sở khách hàng.

Tiếp theo, ngoài việc duy trì tốc độ tăng trưởng của những chức năng thanh toán cơ bản, Techcombank sẽ cùng với các ngân hàng và cơ quan chức năng khuyến khích thói quen giao dịch trên các kênh điện tử của khách hàng, từ đó thúc đẩy nhu cầu giao dịch trực tuyến. Trong giai đoạn này, Techcombank tiếp tục duy trì thị phần, cải thiện hình ảnh giao diện và gia tăng sự tin tưởng của khách hàng thông qua tính ổn định và chất lượng dịch vụ.

Bước vào giai đoạn đột phá, Techcombank sẽ tập trung duy trì cơ sở khách hàng đồng thời gia tăng các dịch vụ và tính năng khác biệt trong những lĩnh vực đầu tư và thương mại tăng thu nhập và tạo lập những cơ hội kinh doanh mới. Một trọng tâm khác trong giai đoạn này và nâng cao thị phần thông qua các hoạt động truyền

thông và các dịch vụ khác biệt, tập trung vào phân khúc khách hàng thu nhập khá, khách hàng năng động.

Những Thành Tựu Nổi Bật Trong Năm 2012

Năm 2012 đã chứng kiến những bước chuyển mình mạnh mẽ trong lĩnh vực E-banking của Techcombank. Chúng tôi thực hiện các bước triển khai chiến lược đã đề ra và tiếp tục hoàn tất những hoạt động chuẩn bị trong năm 2011. Bên cạnh việc rà soát các quy trình giao dịch E-banking từ đó đơn giản hóa các bước đăng ký, sử dụng dịch vụ và hỗ trợ khách hàng; Techcombank đã đầu tư lớn vào việc nâng cấp hệ thống E-banking sang một phiên bản mới hoạt động ổn định, đảm bảo Ngân hàng có thể phục vụ nhiều khách hàng đồng thời xử lý được nhiều giao dịch trực tuyến hơn.

Ngoài ra, cùng với tư vấn của Accenture, nền tảng ngân hàng trực tuyến đã được nâng cấp với giao diện thân thiện và chuyên nghiệp hơn mang lại

một trải nghiệm hoàn toàn mới cho khách hàng.

Trong năm 2012, Dịch vụ tài chính cá nhân Techcombank đã được Hiệp hội Công nghệ Thông tin và Truyền thông (ICT) trao chứng nhận “Doanh nghiệp thành công nhất trong việc cung cấp các dịch vụ thanh toán trực tuyến năm 2012”.

Các tiện ích E-banking của Techcombank đã được củng cố để kết nối toàn diện với các cổng thanh toán chiến lược hàng đầu Việt Nam bao gồm Bảo Kim, Ngân Lượng, OnePay, Vban và Smartlink. Thông qua những cổng thanh toán này khách hàng có thể thực hiện mua sắm và thanh toán trực tuyến trên hơn 3.000 trang web và hàng trăm gian hàng trực tuyến.

Ngân hàng cũng đã tiếp tục hoàn thiện các dịch vụ thanh toán hóa đơn và thu nợ qua các kênh điện tử. Hiện tại các khách hàng của Techcombank có thể sử dụng F@st i-Bank để thực hiện thanh toán hóa đơn tiền điện của 200

đơn vị điện lực trên toàn quốc cũng như thanh toán thành công các hóa đơn như phí internet cho các nhà mạng Viettel, MobiFone, ADSL FPT và phí bảo hiểm cho các công ty như AceLife, Prudential Life...

Techcombank được ghi nhận là một trong những đơn vị tiên phong cung cấp dịch vụ chuyển tiền Western Union và dịch vụ thanh toán vé máy bay trên F@st i-Bank cho 25 hãng hàng không quốc tế.

Ngoài ra, chuyển tiền qua thẻ trực tuyến, nạp tiền cho điện thoại di động cũng là những tiện ích đặc thù và tiên phong, mang lại vị trí số 1 về E-bank cho Techcombank.

Năm 2012, truyền thông về các tính năng và dịch vụ ngân hàng trực tuyến cũng được tăng cường với chương trình “Thuận tiện mỗi phút, Ưu đãi mỗi ngày” giúp nâng cao nhận biết của khách hàng về dịch vụ ngân hàng trực tuyến của Techcombank

Những Mục Tiêu Chính Trong Năm 2013

Để tiếp nối những thành công trong thời gian qua, trong năm 2013 Techcombank tiếp tục đầu tư phát triển kênh giao dịch ngân hàng qua điện thoại di động và hoàn thiện phiên bản ngân hàng điện tử mới nhằm đảm bảo cung cấp nền tảng giao dịch ổn định, bền vững.

Dự án triển khai xác thực mã giao dịch qua tin nhắn trên điện thoại di động sẽ được thực hiện nhằm khuyến khích nhiều hơn nữa số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử.

Ngân hàng sẽ đặt mục tiêu chuẩn hóa các quy trình bán hàng, đăng ký và sử dụng dịch vụ, và thực hiện hỗ trợ khách hàng bằng các kênh truyền thống, kênh trực tiếp và kênh đối tác.

Trong năm 2013 Techcombank sẽ tích hợp các sản phẩm E-banking vào gói tài khoản thanh toán, cùng với việc xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt nhằm phát triển và gia tăng cơ sở khách hàng.

Techcombank được ghi nhận là một trong những đơn vị tiên phong cung cấp dịch vụ chuyển tiền Western Union và dịch vụ thanh toán vé máy bay trên F@st i-Bank cho 25 hãng hàng không quốc tế. Ngoài ra chuyển tiền trực tuyến qua thẻ, nạp tiền cho điện thoại di động cũng là những tiện ích đặc thù và tiên phong mang lại vị trí số 1 về E-Banking cho Techcombank.

Số lượng người dùng internet banking hoạt động (trọn gói)

66.000

Số lượng giao dịch trên Internet banking

2,01 triệu

Tổng số tiền giao dịch qua internet banking (tỷ đồng)

28.000



Dịch vụ Ngân hàng Ưu tiên

Định vị chuyên biệt trong phân khúc khách hàng thu nhập cao, Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên được xây dựng trên nền tảng phát triển chung của Ngân hàng, hướng tới mục tiêu trở thành Ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam cung cấp các dịch vụ đẳng cấp xứng tầm.

Định vị chuyên biệt trong phân khúc khách hàng thu nhập cao, Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên được xây dựng trên nền tảng phát triển chung của Ngân hàng, hướng tới mục tiêu trở thành Ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam cung cấp các dịch vụ đẳng cấp xứng tầm.

Ngành tài chính ngân hàng trong năm 2012 đối mặt với nhiều thách thức khó khăn. Xu hướng giảm lãi suất đã ảnh hưởng đáng kể tới mô hình dịch vụ hầu hết các Ngân hàng cho phân khúc có thu nhập cao này bởi mối quan hệ với các khách hàng được dựa chủ yếu vào giá. Đón đầu xu thế này, Dịch vụ Ngân hàng Ưu tiên với giá trị định vị ưu việt một loạt các gói sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng (từ huy động, cho vay đến thẻ và sản phẩm đầu tư) đã giúp Techcombank mở rộng đáng kể cơ sở khách hàng và tăng trưởng huy động.

Những thành tích nổi bật trong năm 2012

Trong năm 2012, Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên đã đạt được những thành tích đáng kể như:

Thay đổi lại cách thức phân nhóm khách hàng với những ưu đãi cụ thể theo 3 hạng: Bạch Kim, Vàng và Bạc. Tiêu chí lựa chọn và thu hút khách hàng căn cứ vào nhu cầu sử dụng sản phẩm đa dạng như tiền gửi, quản lý tài sản, cho vay, tiết kiệm, thẻ và các sản phẩm đầu tư.

Tiếp tục chú trọng tạo nên những trải nghiệm khác biệt cho khách hàng khi tới giao dịch, ngoài những quầy phục vụ riêng cho khách hàng Ưu tiên, hiện Ngân hàng có tới 22 khu vực giao dịch chuyên biệt đặt tại các địa bàn trọng điểm với sự hỗ trợ tư vấn và phục vụ tận tình của 104 Chuyên viên Quan hệ khách hàng Ưu tiên trên toàn hệ thống.

Để hỗ trợ khách hàng ứng phó với xu hướng giảm lãi suất, Ngân hàng đã đưa ra các sản phẩm đầu tư giúp tối đa hóa lợi ích dựa trên mức độ sẵn sàng chấp nhận rủi ro họ. Sản phẩm tiền gửi Song tệ và rất nhiều các sản phẩm bảo hiểm khác cũng đã được chúng tôi thiết kế riêng cho phân khúc này và đã được khách hàng đón nhận với thái độ rất tích cực. Ngân hàng cũng đã có thêm vị trí Chuyên viên tư vấn Quản lý tài sản với vai trò tư vấn các sản phẩm đầu tư phù hợp nhất cho khách hàng.

Bản tin điện tử định kỳ và tạp chí Priority Life dành riêng cho nhóm Khách hàng Ưu tiên cũng đã được chính thức ra mắt, góp thêm giá trị gia tăng cho các chương trình chăm sóc khách hàng của chúng tôi.

Những sáng kiến kể trên đã giúp chúng tôi cải thiện và củng cố vị thế của mình trên thị trường, góp phần nâng số lượng khách hàng Ưu tiên từ

11.000 lên tới 31.700, mức tăng trưởng lợi nhuận cũng cao hơn trong năm 2012

Trong năm, Dịch vụ Ngân hàng Ưu tiên đã huy động được số tiền lên tới 45 ngàn tỷ đồng so với mức 23 ngàn tỉ đồng của năm 2011.

Năm 2013

Trong năm 2013, chúng tôi đặt mục tiêu cải thiện những gói sản phẩm đầu tư và sản phẩm cấu trúc nhằm giúp khách hàng gia tăng giá trị tài sản, đồng thời thiết kế thêm những gói sản phẩm dựa trên cơ sở dịch vụ tư vấn tài chính khác.

Chúng tôi đặt kế hoạch tăng cường sức mạnh cho đội ngũ các Chuyên viên Quan hệ khách hàng Ưu tiên và Chuyên viên tư vấn Quản lý tài sản, nhằm mang lại sự trải nghiệm chất lượng đẳng cấp theo cách khách hàng mong muốn và từ đó gia tăng quan hệ gắn kết bền chặt hơn với họ.

Mục tiêu của Dịch vụ Ngân hàng Ưu tiên trong năm 2013 là củng cố cơ sở khách hàng thông qua việc cung cấp các giải pháp tài chính chuyên biệt dựa trên nhu cầu hướng tới việc tăng thêm số lượng các sản phẩm sử dụng trên mỗi khách hàng Ưu tiên.

Quản trị rủi ro

Techcombank đã và đang tiếp tục xây dựng một chiến lược quản trị rủi ro vững mạnh, nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh trong trung và dài hạn.



Chiến lược quản trị rủi ro cơ bản của Techcombank là xây dựng một hệ thống phù hợp với yêu cầu phát triển kinh doanh với những hướng dẫn vận hành chặt chẽ..

Định hướng chiến lược cho Quản trị rủi ro

Ý thức rằng quản trị rủi ro đóng vai trò thiết yếu đối với hoạt động của một ngân hàng thương mại, Techcombank đã thực hiện một số biện pháp để xây dựng một chiến lược quản trị rủi ro vững mạnh, dựa trên các nguyên tắc sau: an toàn trong hoạt động cho vay; đa dạng trong danh mục cho vay; số tiền cho vay kinh doanh bất động sản thấp; đơn giản, thuận tiện trong quy trình tín dụng; cam kết đầu tư vào phát triển

con người và hệ thống; và các chính sách thận trọng được hỗ trợ trong trung và dài hạn.

Chiến lược quản trị rủi ro cơ bản của Techcombank là xây dựng một hệ thống phù hợp với yêu cầu phát triển kinh doanh với các hướng dẫn vận hành chặt chẽ. Chiến lược này sẽ được triển khai tương thích với mức độ rủi ro mà ngân hàng gặp phải. Trong chiến lược này, sẽ có những cơ cấu hỗ trợ song song để đảm bảo việc phòng ngừa, giảm thiểu và kiểm soát rủi ro phù hợp cho các hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Chiến lược quản trị rủi ro sẽ được kết nối trực tiếp với các hoạt động kinh doanh chủ chốt của ngân hàng và sẽ đủ độ linh hoạt để thích ứng nhanh chóng với những thay

đổi trong môi trường rủi ro bên ngoài.

Để xây dựng được hệ thống quản trị rủi ro như vậy, Ngân hàng đã liên tục củng cố nền tảng của Khung quản trị rủi ro bằng việc phát huy những thông lệ đã có và phát triển những cán bộ chuyên môn thông qua việc thường xuyên cung cấp cho họ những kiến thức quản trị rủi ro cập nhật và hiện đại. Với việc sử dụng những công cụ mới nhất và những chương trình, ứng dụng CNTT tiên tiến nhất, các thông lệ quản trị rủi ro tốt nhất sẽ được kiên quyết thực hiện và áp dụng trong mọi khía cạnh hoạt động ngân hàng của Techcombank.

Tổng quan về quản trị rủi ro, hiện nay và định hướng tương lai

Năm 2012

Phù hợp với chiến lược và các chính sách của Techcombank trong việc tiếp tục tăng cường hệ thống quản trị rủi ro tín dụng năm 2012, Techcombank đã thực hiện hàng loạt biện pháp để tăng cường kiểm soát quản trị rủi ro. Kết quả là, mặc dù năm qua là một năm đầy khó khăn cho ngành ngân hàng nói chung, nhưng tỉ lệ nợ xấu của Techcombank đã được cải thiện tương đối, giảm còn 2.7%, và điều này phản ánh việc ngân hàng đã đặt trọng tâm nhiều hơn vào chất lượng tín dụng, và vào các hoạt động giảm thiểu rủi ro để đảm bảo một bảng cân đối mạnh. Bên cạnh đó, rủi ro thanh khoản cũng đã được quản lý chặt chẽ trong suốt cả năm, và mặc dù có một vài giai đoạn xáo trộn trong ngành ngân hàng, nhưng Techcombank vẫn duy trì được mức độ thanh khoản lành mạnh. Rủi ro thị trường đã được quản lý tốt trong các hạn mức mà ngân hàng đề ra, trong đó các thước đo rủi ro đã hướng đến tương lai nhiều hơn, cùng với việc sử dụng nhiều kỹ thuật định lượng hơn, như Giá trị hiện tại của một điểm phần trăm (PV01), và Giá trị chịu rủi ro (VaR). Về rủi ro hoạt động, không xảy ra sinh rủi ro bất ngờ đáng kể nào, và giá trị các hoạt động chịu rủi ro được quản lý tốt trong phạm vi khẩu vị rủi ro và biên độ chấp nhận rủi ro của ngân hàng. Với tỉ lệ an toàn vốn 12,6%, Techcombank đã có nguồn vốn đầy đủ và cao hơn nhiều so với mức quy định của Ngân hàng Nhà nước. Những thành công trên đây của Techcombank có được là nhờ ngân hàng đã liên tục phát triển và cải thiện các chính sách và quy trình quản trị rủi ro trong cả năm.

Năm 2013

Bằng việc rà soát và làm mới chiến lược đồng thời áp dụng một văn hóa liên tục cải tiến, Techcombank sẽ tiếp tục đầu tư vào các cán bộ chuyên môn, quy trình và hệ thống quản trị rủi ro trong suốt cả năm 2013. Với việc tăng cường vai trò của Nhóm công tác về quản trị rủi ro và các khuôn khổ quản trị rủi ro hoạt động, Techcombank sẽ tiếp tục tăng cường quản trị doanh nghiệp và nâng cao tính minh bạch trong các hoạt động rủi ro và kinh doanh. Việc tiếp tục thực hiện các hệ thống quản trị, ví dụ như hệ thống quản lý nợ và có, sẽ bảo đảm rằng ngân hàng có những công cụ để quản lý rủi ro



một cách hiệu quả, và những phát triển không ngừng trong những lĩnh vực như hệ thống phân luồng nợ sẽ đảm bảo rằng ngân hàng sẽ tiếp tục đưa các thông lệ quản trị rủi ro của mình lên một trình độ cao hơn. Một chương trình đào tạo mới về quản trị rủi ro đang được thực hiện sẽ đảm bảo rằng các cán bộ quản trị rủi ro của Techcombank luôn có tầm nhìn và chuẩn bị sẵn sàng cho tương lai. Đồng thời, Khung Khẩu vị rủi ro được cải thiện sẽ đảm bảo rằng thành công của các hoạt động kinh doanh phải xem xét trong biên độ chấp nhận rủi ro của ngân hàng.

Các thành tựu trong năm 2012

Với môi trường bên ngoài đầy thách thức, ngân hàng đã có quyết định phù hợp là phải tiếp tục tăng cường và phát triển khung quản trị rủi ro và môi trường kiểm soát rủi ro của Ngân hàng, bằng việc đầu tư vào con người, qui trình và các hệ thống vận hành. Phối hợp với một số các công ty tư vấn hàng đầu thế giới về công nghệ thông tin, tài chính và tư vấn, cùng với sự hỗ trợ của các đối tác chiến lược của mình, Techcombank đã triển khai một số sáng kiến chủ chốt sau:

Tăng cường Khung quản trị rủi ro

Trong năm 2012, Ngân hàng đã tăng cường Khung quản trị rủi ro của mình bằng việc thành lập một nhóm công tác mới thuộc Ban điều hành cấp cao, mang tên Nhóm công tác về Quản trị rủi ro (RWG). Nhóm công tác này là một diễn đàn

của ban điều hành cao cấp nhằm giám sát tổng hợp tất cả các loại rủi ro trong ngân hàng. Với đại diện tham gia từ các khối kinh doanh, khối hỗ trợ và khối quản trị rủi ro, cùng với sự tham gia của kiểm toán nội bộ, Nhóm công tác về quản trị rủi ro là một phần quan trọng trong nguyên tắc “Ba tuyến phòng thủ” của Techcombank, một nguyên tắc đã được đưa ra trong năm vừa qua.

Tái cơ cấu Khung quản trị rủi ro vận hành

Để phù hợp với nguyên tắc Ba tuyến phòng thủ của Techcombank trong việc quản trị, theo dõi và giảm thiểu rủi ro, Ngân hàng đã tái cơ cấu Khối Quản trị rủi ro vận hành, Tuân thủ và Pháp chế. Dưới sự hướng dẫn của Nhóm công tác về Quản trị rủi ro, Ngân hàng đang sửa đổi Khung quản trị rủi ro hoạt động của mình và thành lập một bộ phận chuyên phụ trách về rủi ro vận hành, phù hợp với thông lệ tốt nhất và các nguyên tắc quản trị vững mạnh được nêu trong các hướng dẫn của Ủy ban Basel.

Khung Khẩu vị rủi ro

Năm 2012, Techcombank đã thiết kế một Khung Khẩu vị rủi ro mới, bao hàm cả các khía cạnh rủi ro tích cực và tiêu cực (tăng và giảm), và Khung này sẽ hỗ trợ cho việc chấp nhận rủi ro mang tính chọn lọc và hợp lý, đồng thời xác định các ngưỡng biên độ chịu rủi ro của Ngân hàng để làm phương tiện theo dõi rủi ro và thúc đẩy trách nhiệm giải trình trong quản trị rủi ro. Khung Khẩu



vị rủi ro sẽ phải phù hợp với Tâm nhìn, Sự mệnh và Các giá trị cốt lõi của Techcombank, trong những lĩnh vực như một bảng cân đối mạnh dựa trên tiến gửi của khách hàng, quản lý vốn thận trọng, quản lý thanh khoản thận trọng, và mức rủi ro phải tương thích với lợi nhuận thu được.

Các hệ thống mới

Việc thực hiện thành công Hệ thống Giá điều chuyển vốn nội bộ (FTP) đã thay thế cho các công cụ báo cáo mang tính thủ công hơn trước đây, và đã có những tiến bộ đáng kể trong việc thực hiện một hệ thống Quản lý nợ và có (ALM). Khi kết hợp với nhau, những công cụ này sẽ tăng khả năng quản trị rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường của Ngân hàng một cách đáng kể, đồng thời đảm bảo rằng các thước đo về rủi ro và lợi nhuận được phản ánh một cách chính xác hơn trong từng đơn vị kinh doanh.

Nâng cao các chính sách và kiểm soát cho vay hiện nay

Trong năm qua, Ngân hàng đã rà soát các chính sách cho vay để cải thiện các kiểm soát nội bộ của mình. Việc tăng cường quản lý cho vay cũng bao hàm những nỗ lực đáng kể trong việc quản lý tài sản đảm bảo trong việc nâng cấp các chính sách và thủ tục về lĩnh vực này.

Trọng tâm rủi ro theo các phân khúc khách hàng
Techcombank đã tái phân khúc các khách

hàng doanh nghiệp của mình bằng việc thành lập phân khúc doanh nghiệp trung bình (Middle Market) trực thuộc Khối Ngân hàng Bán buôn, để ngân hàng có thể tập trung vào các phân khúc doanh nghiệp khác nhau như Upper SME, SME và MSME. Song song với việc tạo điều kiện cho Ngân hàng tập trung tốt hơn vào các nhu cầu riêng biệt của khách hàng trong phân khúc này và cung cấp dịch vụ khách hàng chất lượng cao, việc thiết lập phân khúc mới trong Khối Ngân hàng Bán buôn cũng sẽ hỗ trợ tốt hơn trong việc quản trị những rủi ro đặc thù của phân khúc này.

Khối Phê duyệt tín dụng độc lập

Trong năm vừa qua, Ngân hàng đã thay đổi cơ cấu quản trị và quy trình đánh giá, phê duyệt tín dụng. Kết quả là đã thiết lập được một quy trình tín dụng đơn giản hơn, với việc phân tách trách nhiệm rõ ràng hơn, và thành lập một Khối Phê duyệt tín dụng (CAD), điều này đã cải thiện tính độc lập giữa các đơn vị kinh doanh và chức năng phê duyệt tín dụng.

Kiểm soát rủi ro

Tiếp nối các hoạt động trước đây và việc sử dụng ngày càng nhiều các thước đo như Giá trị chịu rủi ro (VaR) và Giá trị hiện tại của một điểm phần trăm (PV01), Ngân hàng cũng đã đưa ra các hạn mức và theo dõi thanh toán và trước thanh toán, để đảm bảo kiểm soát chặt chẽ hơn các hoạt động Nguồn vốn và đầu tư của chúng tôi.

Quản lý những yếu tố bất ngờ

Một nội dung trong chương trình quản trị rủi ro của ngân hàng trong năm 2012 là sự tham gia của một chuyên gia quản trị rủi ro nhiều kinh nghiệm để hỗ trợ ngân hàng trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP). Kế hoạch này bao gồm việc đào tạo cho một nhóm cán bộ phụ trách về kinh doanh liên tục cũng như một kế hoạch kinh doanh liên tục chi tiết để đảm bảo rằng Techcombank luôn sẵn sàng ứng phó trước các vấn đề xảy ra do những nguyên nhân khách quan hay thiên tai, như hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, dịch bệnh, và khủng bố. Ngân hàng cũng đã thiết lập các biện pháp ứng phó với các rủi ro vận hành khác, như việc gián đoạn nguồn cung cấp, sự cố hay lỗi của hệ thống máy tính. Một số cuộc kiểm tra đã được thực hiện thành công vào quý 4 năm 2012 để khuyến khích và đánh giá khả năng ứng phó của kế hoạch kinh doanh liên tục của chúng tôi.

Các mục tiêu chính trong năm 2013

Mặc dù năm 2013 vẫn sẽ là một năm đầy khó khăn đối với nền kinh tế và ngành tài chính ngân hàng trong nước và toàn cầu, Ngân hàng Techcombank vẫn có những đánh giá lạc quan thận trọng về tương lai. Trong quá trình tìm hiểu về chiến lược tăng trưởng của ngân hàng tại một số thị trường nhất định, Techcombank sẽ đảm bảo rằng việc triển khai chiến lược này phải phù

hợp với biên độ chịu rủi ro của Ngân hàng. Các chủ đề chính trong chiến lược quản trị rủi ro của Ngân hàng sẽ bao gồm những vấn đề sau:

Khung quản trị rủi ro

Techcombank sẽ tiếp tục tăng cường Khung quản trị rủi ro của mình. Trong năm 2013, điều này sẽ bao gồm việc tăng cường phạm vi và hoạt động của Nhóm Công tác về quản trị rủi ro (RWG), đồng thời tiếp tục xây dựng Khung quản trị rủi ro vận hành. Đối với rủi ro vận hành, một Ủy ban mới, phụ trách riêng về rủi ro vận hành đã được thực hiện vào quý 1 năm 2013. Điều này sẽ tiếp tục phát triển và phát huy những chương trình tự đánh giá rủi ro của Ngân hàng.

Tiếp tục xây dựng văn hóa rủi ro

Techcombank đã đạt được những tiến bộ khá quan trọng trong việc thực hiện một Khung quản trị rủi ro mạnh mẽ. Một nội dung của Chiến lược rủi ro năm 2013 là xây dựng một văn hóa rủi ro, nhận thức và quản trị rủi ro sâu rộng hơn trên toàn ngân hàng. Điều này sẽ được thực hiện thông qua các hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để đảm bảo nguyên tắc “Ba tuyến phòng thủ”. Theo đó, tất cả các lĩnh vực hoạt động của ngân hàng, từ các khối kinh doanh đến các khối hỗ trợ và kiểm toán nội bộ cần phải đảm bảo sự hài hòa giữa các thông lệ quản trị rủi ro với việc cung cấp dịch vụ chất lượng cao cho khách hàng, và tạo ra lợi nhuận trên cơ sở cân đối giữa rủi ro và lợi nhuận.

Các cải tiến đối với quản trị danh mục và nhận diện rủi ro

Ngân hàng sẽ tiếp tục xây dựng và cải thiện các thông lệ về quản trị danh mục và nhận diện rủi ro. Các hoạt động dự định thực hiện là cải thiện Hệ thống cảnh báo sớm (EWS) và đảm bảo rằng các vấn đề tín dụng tiềm tàng của khách hàng sẽ được nhận diện ở giai đoạn sớm nhất, nhờ đó Ngân hàng có thể làm việc hiệu quả hơn với khách hàng để cung cấp các giải pháp tốt hơn cho cả Ngân hàng và khách hàng. Bên cạnh đó, công tác xây dựng một Kho dữ liệu để cải thiện tính toàn vẹn và chất lượng thông tin, trong đó bao gồm cả thông tin chủ chốt về tín dụng, sẽ cung cấp một nền tảng mạnh mẽ hơn để xây dựng các mô hình tín dụng và các kỹ thuật tiên tiến về theo dõi khoản vay.

Phân luồng nợ và xây dựng mô hình tín dụng

Để đảm bảo rằng các cuộc đánh giá rủi ro tín

dụng phản ánh được chính xác hơn khả năng mất khả năng trả nợ của đối tác, Ngân hàng sẽ tiếp tục phát triển hệ thống phân loại nợ và xếp hạng khách hàng. Điều này sẽ bao gồm việc tái xây dựng các mô hình tín dụng đối với các phân khúc mới được phân loại lại, đó là các phân khúc Upper SME, SME, và MSME, và đánh giá chi tiết hơn khả năng tín dụng của từng khách hàng. Điều này cũng sẽ tạo ra tiền đề cho những mô hình đánh giá tín dụng tiên tiến hơn, ví dụ như mô hình Sát Suất mất khả năng thanh toán (PD), Tổn thất khi mất khả năng thanh toán (LGD) và Rủi ro khi mất khả năng thanh toán (EAD) để giúp cho Ngân hàng tuân thủ tốt hơn những yêu cầu của Basel II sau này.

Đầu tư vào cơ sở hạ tầng rủi ro

Techcombank sẽ tiếp tục đầu tư vào các công nghệ mới để hỗ trợ cho các thông lệ quản trị rủi ro của mình. Hệ thống quản lý tài sản nợ và có mới (ALM) sẽ được triển khai trong quý đầu năm 2013, và cùng với hệ thống FPT hiện nay, hệ thống này sẽ cải thiện đáng kể năng lực quản trị rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường của Ngân hàng. Một bước tiếp theo là xác định một hệ thống tính toán và báo cáo tín dụng cốt lõi, phát huy các sáng kiến trong Kho dữ liệu của Ngân hàng, và điều này sẽ tăng cường việc đo lường và xây dựng mô hình rủi ro tín dụng của Ngân hàng, đồng thời cung cấp một nền tảng cốt lõi cho chiến lược quản trị rủi ro dài hạn của chúng tôi, và tuân thủ những yêu cầu của Basel II sau này.

Phát triển nguồn nhân lực

Một trong những giá trị cốt lõi của Ngân hàng là phát triển nguồn nhân lực, và đó cũng là trọng tâm trong các thông lệ quản trị rủi ro của chúng tôi. Trong suốt năm 2013, chúng tôi sẽ tiếp tục đầu tư vào các cán bộ nhân viên của Khối Quản trị rủi ro, tìm kiếm những cơ hội để nâng cao năng lực cho các nhân tài khi có cơ hội hay nảy sinh nhu cầu. Năm 2013, chúng tôi đã mời một công ty đào tạo và phát triển kỹ năng hàng đầu thế giới để thực hiện cho Ngân hàng một chương trình đào tạo về quản trị rủi ro, và đầu tư vào việc phát triển sự nghiệp cho các cán bộ chuyên môn về quản trị rủi ro của Ngân hàng.

Khẩu vị rủi ro và Chiến lược rủi ro

Trong năm 2013, chúng tôi sẽ hoàn thành loạt sáng kiến đầu tiên về Khung Khẩu vị rủi ro cho Ngân hàng. Điều này sẽ đảm bảo sự hài hòa giữa Chiến lược rủi ro để hỗ trợ cho các hạn mức rủi

ro đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt, khẩu vị rủi ro và các biên độ chấp nhận rủi ro, và các biên độ này có thể được theo dõi một cách tổng hợp thông qua Nhóm Công tác về Quản trị rủi ro, để đảm bảo rằng chúng tôi luôn có cái nhìn tổng thể phù hợp đối với toàn bộ danh mục cũng như đối với vấn đề về quản trị, chính sách và các mô hình hoạt động. Khi Ngân hàng phát triển lên một trình độ cao hơn, với việc đo lường và theo dõi rủi ro chặt chẽ hơn, Techcombank sẽ liên tục đưa ra những thước đo rủi ro tiên tiến trong các Tuyên bố về Biên độ chịu rủi ro và Khẩu vị rủi ro của mình.

Phát triển công tác quản trị rủi ro dài hạn

Trong quá trình phát triển các hệ thống quản trị rủi ro của mình, Techcombank sẽ tiếp tục phát triển các nền tảng công nghệ, vai trò của các khối kinh doanh và các quy định nội bộ để phù hợp với các tiêu chuẩn của Basel II và các thông lệ quốc tế tốt nhất. Mục tiêu mà chúng tôi đặt ra là đáp ứng những chuẩn mực của Basel II trong vòng 3 đến 5 năm tới, và một nhóm dự án đã được thành lập cuối năm 2012 để xây dựng một lộ trình nhằm thực hiện thành công dự án này. Đây là một mục tiêu đầy tham vọng nhưng khả thi, và nằm trong khả năng của Techcombank và Khối Quản trị rủi ro.

Việc triển khai các hệ thống FTP và ALM trong năm 2012 và 2013, cùng với các dự định thiết lập một hệ thống tính toán và báo cáo tín dụng, cùng với những nỗ lực quản trị rủi ro hoạt động sẽ giúp cho Techcombank có khả năng đáp ứng các yêu cầu về quản trị rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động của Basel II, và trong tương lai là Basel III. Những cán bộ quản lý rủi ro của Techcombank nắm rõ về sự ngày một hoàn thiện của những phương pháp cũng như quy định tốt nhất về quản trị rủi ro, và chính vì vậy các giải pháp quản trị rủi ro mà ngân hàng đang triển khai hiện tại sẽ vẫn luôn có giá trị trong tương lai. Như một văn hóa trong việc liên tục cải thiện rủi ro, Techcombank đang áp dụng những giải pháp mang lại những nền tảng cho một hệ thống quản trị rủi ro vững chắc, năng động và có khả năng hoàn thiện dần trong tương lai.

Thương hiệu Techcombank

Những thương hiệu lớn không chỉ tạo ra giá trị cho khách hàng mà còn giúp khách hàng có thêm tự do để tạo ra giá trị cho bản thân.

Thương Hiệu Lớn Giúp Khách Hàng Làm Được Nhiều Điều Hơn Cho Chính Mình

Nhìn vào thế giới của chúng ta ngày nay, thật dễ hiểu vì sao vai trò của thương hiệu ngày càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Thị trường có biến động, thương hiệu vẫn đứng vững. Sản phẩm có vòng đời, thương hiệu vẫn tồn tại dài lâu. Một thương hiệu mạnh là vô cùng quan trọng khi mà cuộc cạnh tranh vì khách hàng ngày càng trở nên khốc liệt và thế giới của chúng ta đang thay đổi từng giờ. Nhận thức được thực tế đó, trong năm vừa qua, chúng tôi đã khởi động việc tái định hướng chiến lược thương hiệu để trở nên năng động hơn và cũng để gắn gũi hơn với khách hàng của mình. Đó là một chiến lược “vận động” khác với việc chỉ đơn thuần xây dựng một thương hiệu, và chúng tôi tin tưởng rằng chiến lược này sẽ góp phần hỗ trợ Techcombank tiến nhanh hơn đến vị trí dẫn đầu.

Việc liên tục đầu tư vào công tác nghiên cứu thị trường và tìm hiểu nhu cầu khách hàng là hoạt động then chốt trong chiến lược thương hiệu cũng như sự phát triển của Ngân hàng chúng tôi. Đây cũng chính là nền tảng quan trọng cho việc xây dựng chiến lược truyền thông và tiếp thị của Techcombank. Chúng tôi tin tưởng rằng sức mạnh của thương hiệu Techcombank nằm trong tâm trí người tiêu dùng, đối tác và các khách hàng tiềm năng. Cảm nhận của họ về Techcombank là sự tổng hòa của nhiều trải nghiệm và nhận thức, mà chúng tôi có thể chủ động tác động lên một số trong đó, và học hỏi từ những điều còn lại. Chính vì vậy, hợp nhất chiến lược thương hiệu và phương thức tiếp cận thị trường là cách chúng

tôi chọn để truyền thông một cách nhất quán tới khách hàng và đối tác mỗi khi có cơ hội. Chúng tôi vẫn luôn tin rằng một thương hiệu mạnh cần mang lại sự trải nghiệm đồng nhất về chất lượng, sự tin cậy trong mọi mối quan hệ với khách hàng và đây sẽ tiếp tục là triết lý hoạt động hàng đầu của Ngân hàng.

Trong 12 tháng vừa qua, chúng tôi đã rút ra được những bài học kinh nghiệm về tầm quan trọng của sự tập trung, tính rõ ràng và nhất quán. Con người không có mối quan hệ với các sản phẩm, họ chỉ biết đến và trung thành với thương hiệu. Trong bối cảnh thị trường tài chính đang gặp nhiều khó khăn, chính sức mạnh của thương hiệu Techcombank là điều níu giữ niềm tin của khách hàng. Khách hàng đã dành tặng cho chúng tôi sự tin yêu không ngừng và chính vì vậy chúng tôi luôn ghi nhận và biết ơn họ.

Hội Sở Mới Tại Hà Nội

2012 là một năm mà Techcombank có những hoạt động thương hiệu mạnh mẽ trên khắp cả nước. Di chuyển hội sở đến một trong những cao ốc mang tính biểu tượng giữa lòng thủ đô là một chiến dịch lớn và đã rất thành công trong việc củng cố thương hiệu Techcombank với tầm nhìn chiến lược hướng tới việc tạo dựng sự thuận tiện và khả năng dễ tiếp cận cho cả CBNV ngân hàng cũng như khách hàng. Tại hội sở mới - toà nhà Techcombank, khách hàng, đối tác và khách hàng tiềm năng có thể dễ dàng trao đổi với các phòng ban chức năng trong Ngân hàng hoặc thực hiện các giao dịch với chi nhánh nằm ngay tại tầng trệt của toà nhà. Quyết định di dời Hội sở

trong bối cảnh thị trường tài chính còn gặp nhiều khó khăn và thách thức thể hiện cam kết mạnh mẽ của chúng tôi với tầm nhìn của một ngân hàng luôn đặt khách hàng là trọng tâm của mọi hoạt động kinh doanh. Chiến dịch truyền thông cho sự kiện này đã nhận được sự hưởng ứng tích cực của khách hàng, công chúng cũng như các ngân hàng bạn.

Sản Phẩm Tích Hợp Cho Sự Thuận Tiện Của Khách Hàng

Những thương hiệu lớn không chỉ tạo ra giá trị cho khách hàng mà còn giúp khách hàng có thêm tự do để tạo ra giá trị cho bản thân. Chúng tôi tin tưởng rằng thương hiệu Techcombank là tổng hòa các trải nghiệm của khách hàng với dịch vụ ngân hàng toàn diện và đa dạng. Chúng ta đang sống trong một kỷ nguyên mà công nghệ và kinh doanh không thể tách rời nhau. Triết lý cơ bản trong cách tiếp cận của chúng tôi là nhu cầu từ một phía sẽ thúc đẩy sự ra đời của những ý tưởng từ phía còn lại và vì vậy cải tiến không ngừng chính là nền tảng tạo dựng nên thương hiệu Techcombank. Trong thế giới phức hợp với ngày càng nhiều lựa chọn này, khách hàng luôn trông đợi vào những giải pháp tích hợp giúp họ dễ dàng tiếp cận nhiều sản phẩm dịch vụ thông qua một đầu mối duy nhất. Thực tế này chính là nguồn gốc thúc đẩy việc thiết kế các sản phẩm trọn gói, đem lại nhiều tính năng và lợi ích mà trước đây khách hàng chỉ có khi mua từng sản phẩm riêng lẻ. Khách hàng Techcombank không còn phải đăng ký nhiều lần cho nhiều sản phẩm khác nhau. Chỉ một chữ ký xác nhận duy nhất đã giúp họ tiếp cận được với các gói dịch vụ khác



n nhau được thiết kế riêng phù hợp nhu cầu của mình. Đây thực sự là một minh chứng cho một thương hiệu luôn tràn trề và không ngừng đổi mới để đơn giản hoá các yêu cầu phức tạp của cuộc sống.

Sự Tin Yêu Không Ngừng Từ Khách Hàng

Một thương hiệu mạnh sẽ gây dựng lòng trung thành từ phía khách hàng. Tuy nhiên, thử thách thực sự nằm ở việc giữ vững lòng trung thành đó trong một chiến lược dài hạn. Chính vì vậy, để tiếp tục phát huy thành công của chương trình khách hàng thân thiết toàn diện dành cho các khách hàng cá nhân, trong năm 2012 chúng tôi đã mở rộng chương trình này đến cả các khách hàng doanh nghiệp của mình. Chương trình này đã nhận được phản hồi tích cực và giúp củng cố hình ảnh thương hiệu Techcombank – một thương hiệu vì khách hàng.

Thương Hiệu 24/7

Trong một thế giới dịch chuyển nhanh ngày nay, khách hàng trên khắp thế giới có nhu cầu được phục vụ 24/7. Một điều đơn giản được rút ra từ đó là những sản phẩm dịch vụ của chúng tôi phải phù hợp với những nhu cầu của đời sống mới. Điều này có nghĩa chúng tôi phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu “bất cứ nơi đâu” – “bất cứ khi nào” của khách hàng. Được xem như một thương hiệu có thể mạnh về nền tảng công nghệ, việc đầu tư vào hệ thống ngân hàng trực tuyến hiện đại luôn đóng vai trò then chốt trong thành công chung của thương hiệu. Trong năm 2012, Techcombank đã củng cố và hoàn thiện dịch vụ F@st i-Bank, nâng cao tốc độ và khả năng truy cập cũng như

tạo ra giao diện thân thiện hơn cho người sử dụng. Với những thành công đã có và hướng tới tương lai, thương hiệu của chúng tôi đã có những thành tựu cải tiến nổi bật trên hệ thống F@st i-Bank phiên bản 2012. Một dịch vụ độc đáo có tên “công nghệ không thể” đã cho phép khách hàng nhận và trả tiền tại các cây ATM của Techcombank mà không cần dùng tới thẻ ATM.

Củng Cố Thị Trường Phía Nam

Thị trường phía Nam là mấu chốt thành công của chúng tôi. Thử thách thực sự của một thương hiệu nằm ở việc mang lại một hình ảnh nhất quán và cung cấp dịch vụ với chất lượng đồng đều tại bất cứ nơi nào thương hiệu đó có mặt. Thành phố Hồ Chí Minh từ lâu nay đã là trọng tâm phát triển đội ngũ và kênh phân phối của Techcombank. Tuy nhiên, trong năm 2012, chúng ta đã đưa ra một quyết định sáng suốt khi xây dựng thương hiệu vững mạnh hơn ở thị trường miền Nam và củng cố hình ảnh ngân hàng trên phạm vi toàn quốc. Một chiến lược truyền thông sáng tạo đã được phát triển và thực hiện trong cả năm để hướng dẫn cho khách hàng tiềm năng miền Nam về các lợi ích, tính khả dụng và tính tích hợp của các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng.

Một Thương Hiệu Biết Quan Tâm Chia Sẻ

Gắn kết sâu sắc và cam kết dài lâu với cộng đồng là thế mạnh của thương hiệu Techcombank. Trong nhiều năm qua, quyết tâm củng cố nền móng quan hệ giữa ngân hàng và cộng đồng đã có những tín hiệu rất lạc quan. Chiến lược truyền thông trao học bổng “Techcombank – Khẩn đò đến trường” đã nhận được sự đánh giá rất cao từ

cộng chúng và đối tác HSBC - đơn vị đồng tài trợ cho chương trình. Nối tiếp thành công này, chúng tôi đã liên kết với báo Nhân Dân để xây dựng một quỹ hỗ trợ tài năng trẻ mang tên “Hạt giống Việt” trên phạm vi toàn quốc.

Yếu tố làm nên sự khác biệt của một thương hiệu biết quan tâm chia sẻ đó là tính gắn kết của từng cá nhân trong tổ chức. Cam kết này đã được hiện thực hoá trong năm 2012 bằng việc một số lượng lớn nhân viên ngân hàng Techcombank ở nhiều vị trí khác nhau tình nguyện tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng trong cả năm. Những nỗ lực này góp phần thúc đẩy mối quan hệ giữa Techcombank với cộng đồng và tiếp tục củng cố hình ảnh của một thương hiệu Techcombank biết quan tâm và thấu hiểu trong lòng khách hàng.

Sự Ghi Nhận Của Các Tổ Chức Quốc Tế

Một thương hiệu mạnh phải đạt được danh tiếng xứng tầm và 2012 là một năm tuyệt vời của thương hiệu Techcombank. Vượt qua những thách thức to lớn của thị trường, chúng tôi tự hào đã đạt được một thành tích toàn diện trên phương diện xây dựng thương hiệu và những giải thưởng chính là sự ghi nhận xứng đáng nhất cho những thành tích đó. Suốt năm 2012, chúng tôi đã nhận được 12 giải thưởng danh giá từ một số tạp chí tài chính uy tín toàn cầu, trong đó bao gồm Global Finance, The Asia Banker, Finance Asia, The Asset và còn nhiều hơn thế nữa. Những giải thưởng này nói lên thành tích tuyệt vời trong mọi mặt của thương hiệu Techcombank và là động lực để chúng tôi nắm chắc ngôi vị dẫn đầu trong việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính tốt nhất tại Việt Nam.

Báo Cáo Thường Niên 2012

Đội ngũ quản trị vững mạnh

Củng cố định hướng chiến lược phát triển bền vững.

Lãnh đạo giỏi biết kết hợp linh hoạt giữa sự cẩn trọng và việc dám nghĩ dám làm để có thể nắm bắt mọi cơ hội kinh doanh.



Mô hình quản trị Ngân hàng

Quản trị ngân hàng là một trong những yếu tố cốt lõi cho thành công của Ngân hàng từ cách thức tổ chức và điều hành Ngân hàng tới người dẫn dắt và mang lại các giá trị cho Cổ đông, khách hàng và nhân viên.

Chúng tôi tổ chức mô hình quản trị Ngân hàng dựa trên:

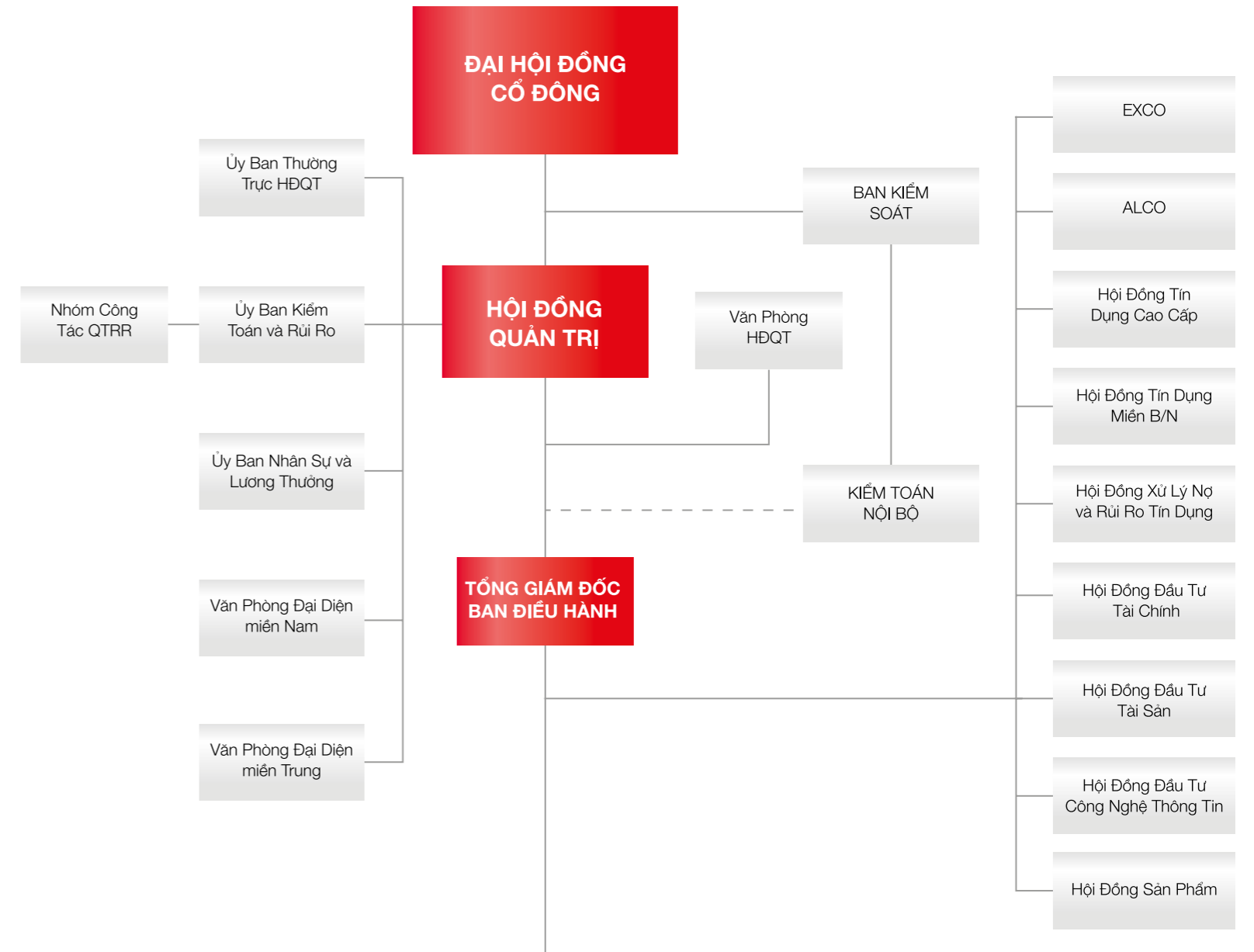
- Luật doanh nghiệp áp dụng cho các tổ chức tín dụng;
- Quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam cho các Tổ chức tín dụng Việt Nam;
- Các quy chuẩn thông lệ Quốc tế và tư vấn từ đối tác chiến lược HSBC cũng như đội ngũ lãnh đạo ở nhiều lĩnh vực khác nhau thể hiện sự kết hợp độc đáo giữa các chuyên gia ngân hàng trong nước và nước ngoài.

Hội đồng Quản trị thừa ủy quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông cam kết thực hiện vai trò và trách nhiệm

của mình trên cương vị đại diện cho ngân hàng Techcombank. Hội đồng Quản trị điều hành thông qua việc giám sát, rà soát và đưa ra những hướng dẫn trong quá trình thiết lập định hướng chiến lược.

Hội đồng Quản trị thành lập các **Ủy ban** nhằm thực hiện một cách có hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Các Ủy ban được tổ chức nhằm nâng cao năng lực của Hội đồng Quản trị và phát triển chuyên môn đa dạng của lãnh đạo cao cấp trong Ngân hàng.

Trong năm 2012, chúng tôi tập trung vào việc rà soát và cải thiện phương thức làm việc của **Ban điều hành** vì chúng tôi tin tưởng rằng việc giải phóng tiềm năng và hiện thực hóa khát vọng của ngân hàng là vô cùng quan trọng. Chúng tôi thay đổi cơ cấu tổ chức theo cách chọn đúng người làm đúng việc và đạt được sự phối hợp và hiệu quả, tận dụng sự hiểu biết sâu sắc về văn hóa bản địa và thông lệ quốc tế.



Hội Đồng Quản Trị (HĐQT)

HĐQT là cơ quan quản trị Techcombank với các thành viên được bầu bởi đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Techcombank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Techcombank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông.

Thành viên

HĐQT bao gồm 8 thành viên trong đó có Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch thứ nhất và 2 Phó Chủ tịch. Toàn bộ thành viên HĐQT không phải là người điều hành. Chủ tịch và các phó chủ tịch HĐQT do các thành viên HĐQT bầu hoặc bãi miễn với đa số phiếu bằng thể thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 5 năm.



Ông Hồ Hùng Anh

Chủ tịch HĐQT

Tốt nghiệp kỹ sư điện tử tại Liên Bang Nga, ông Hồ Hùng Anh tham gia quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 2004. Ông là Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 05/2008 tới nay.



Ông Nguyễn Đăng Quang

Phó Chủ tịch thứ nhất

Tốt nghiệp Tiến sỹ kỹ thuật về vật lý hạt nhân và trình độ sau đại học về Quản trị Tài chính tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Đăng Quang tham gia điều hành và quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau từ năm 1995. Ông là Phó chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank từ 05/2008 tới nay.



Ông Nguyễn Thiếu Quang

Phó Chủ tịch HĐQT

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Thiếu Quang tham gia quản trị Ngân hàng tại các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 1999. Ông là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank từ 05/2008 tới nay.



Ông Nguyễn Cảnh Sơn

Phó Chủ tịch HĐQT

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Cảnh Sơn là thành viên HĐQT Techcombank từ 05/2008 tới 03/2009. Từ tháng 04/2009 tới nay là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank.



Ông Stephen Charles Banner

Thành viên

Tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh của trường Đại học Sheffield, Vương Quốc Anh và Cao học (associate) của Học Viện Ngân Hàng, Vương Quốc Anh. Ông Stephen Charles Banner có nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ở nhiều nước tại ngân hàng HSBC. Từ tháng 4/2011, ông Stephen Charles Banner là thành viên HĐQT Techcombank.



Ông Timothy Mark Francis Kenedy

Thành viên

Tốt nghiệp Cử nhân lịch sử Trường Đại học Tổng hợp Bristol. Ông Timothy Mark Francis Kennedy có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và là cán bộ đảm nhận nhiều vị trí quản lý quan trọng tại Tập đoàn HSBC. Từ tháng 4/2012, ông Timothy Mark Francis Kennedy là thành viên HĐQT Techcombank.



Ông Đỗ Tuấn Anh

Thành viên

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý tài sản đầu tư tại Đại học tổng hợp Quản lý Singapore và cử nhân Ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Ông Đỗ Tuấn Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Techcombank và các tổ chức, doanh nghiệp khác. Từ tháng 12/2012, ông Đỗ Tuấn Anh là thành viên HĐQT Techcombank.



Ông Lee Boon Huat

Thành viên độc lập

Tốt nghiệp Cử nhân kinh doanh (ngành kế toán) tại Viện Công nghệ Tây Australian (nay là Đại học Curtin). Ông Lee Boon Huat đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ủy ban tiền tệ Singapore và các tổ chức tài chính lớn như: Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải, Ngân hàng Thương Mại Hoàng gia, Ngân hàng Hóa học, Ngân hàng Standard Chartered. Từ tháng 12/2012, ông Lee Boon Huat là thành viên HĐQT độc lập của Techcombank.

Ủy Ban Thường Trực HĐQT

Ủy ban thường trực HĐQT (UBTTHĐQT) được thành lập nhằm nâng cao chất lượng tương tác và trao đổi thông tin giữa HĐQT và ban điều hành về các hoạt động của Techcombank, giúp HĐQT kịp thời nắm bắt tình hình thực hiện hoạt động kinh doanh ngân hàng để có ý kiến hỗ trợ ban điều hành về định hướng.

Thành viên

Thành phần UBTTHĐQT gồm 7 thành viên: Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT và một số thành viên khác của UBTTHĐQT. Thông tin chi tiết về các thành viên UBTTHĐQT như sau:



Ông Hồ Hùng Anh

Chủ tịch HĐQT

Tốt nghiệp kỹ sư điện tử tại Liên Bang Nga, ông Hồ Hùng Anh tham gia quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 2004. Ông là Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 05/2008 tới nay.



Ông Nguyễn Đăng Quang

Phó Chủ tịch thứ nhất

Tốt nghiệp Tiến sỹ kỹ thuật về vật lý hạt nhân và trình độ sau đại học về Quản trị Tài chính tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Đăng Quang tham gia điều hành và quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau từ năm 1995. Ông là Phó chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank từ 05/2008 tới nay.



Ông Nguyễn Thiệu Quang

Phó Chủ tịch HĐQT

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Thiệu Quang tham gia quản trị Ngân hàng tại các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 1999. Ông là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank từ 05/2008 tới nay.



Ông Nguyễn Cảnh Sơn

Phó Chủ tịch HĐQT

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Cảnh Sơn là thành viên HĐQT Techcombank từ 05/2008 tới 03/2009. Từ tháng 04/2009 tới nay là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank.



Ông Stephen Charles Banner

Thành viên

Tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh của trường Đại học Sheffield, Vương Quốc Anh và Cao học (associate) của Học Viện Ngân Hàng, Vương Quốc Anh, ông Stephen Charles Banner có nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ở nhiều nước tại ngân hàng HSBC. Từ tháng 4/2011, ông Stephen Charles Banner là thành viên HĐQT Techcombank.



Ông Đỗ Tuấn Anh

Thành viên

Tốt nghiệp Thạc sỹ Quản lý tài sản đầu tư tại Đại học tổng hợp Quản lý Singapore và cử nhân Ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, ông Đỗ Tuấn Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Techcombank và các tổ chức, doanh nghiệp khác. Từ tháng 12/2012, ông Đỗ Tuấn Anh là thành viên HĐQT Techcombank.



Ông Lee Boon Huat

Thành viên

Tốt nghiệp Cử nhân kinh doanh (ngành kế toán) tại Viện Công nghệ Tây Australian (nay là Đại học Curtin), ông Lee Boon Huat đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ủy ban tiền tệ Singapore và các tổ chức tài chính lớn như: Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải, Ngân hàng Thương mại Hoàng gia, Ngân hàng Hóa học, Ngân hàng Standard Chartered. Từ tháng 12/2012, ông Lee Boon Huat là thành viên HĐQT độc lập của Techcombank.

Ban Kiểm Soát

Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của Ngân hàng theo quy định pháp luật và Điều lệ ngân hàng.

Thành viên

Ban kiểm soát có 4 thành viên bao gồm cả Trưởng Ban kiểm soát, trong đó có một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách. Trong năm 2012, ông Hoàng Huy Trung được bầu là Trưởng Ban kiểm soát và Thành viên Chuyên trách thay thế vị trí của bà Nguyễn Thu Hiền, hiện là thành viên Ban Kiểm Soát. Bên cạnh đó, ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes được bầu làm thành viên của Ban Kiểm Soát; bà Vũ Thị Dung và ông Nguyễn Quỳnh Lâm từ nhiệm khỏi Ban Kiểm Soát.



Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes

Thành viên Ban Kiểm Soát

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính, ngân hàng và Tiếp thị - Đại học Klagenfurt, ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và đảm nhiệm các vị trí quản lý quan trọng tại các tổ chức tài chính, doanh nghiệp lớn. Từ tháng 4/2012, Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes là thành viên Ban kiểm soát Techcombank.



Bà Nguyễn Thu Hiền

Thành viên chuyên trách Ban Kiểm Soát

Tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính Tín dụng tại Liên Bang Nga, bà Nguyễn Thu Hiền tham gia hoạt động trong lĩnh vực kế toán và kiểm soát tại Ngân hàng từ năm 1999. Từ tháng 04/2010 đến nay, bà là Trưởng Ban Kiểm soát kiêm thành viên chuyên trách Techcombank. Kể từ ngày 21/12/2012, bà là thành viên của Ban kiểm soát.



Ông Hoàng Huy Trung

Trưởng Ban Kiểm Soát

Tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành ngân hàng tại Trường Đại học kinh tế quốc dân và Cử nhân kinh tế chuyên ngành tài chính ngân hàng tại Học Viện Tài chính, ông Hoàng Huy Trung đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam và Techcombank. Từ tháng 12/2012, ông Hoàng Huy Trung là Trưởng Ban kiểm soát kiêm thành viên chuyên trách Techcombank.



Bà Bùi Thị Hồng Mai

Thành viên chuyên trách Ban Kiểm Soát

Tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kế toán, bà Nguyễn Thị Hồng Mai có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán. Từ tháng 04/2010 đến nay, bà là thành viên chuyên trách Ban kiểm soát Techcombank.

Ủy Ban Nhân Sự và Lương Thưởng

Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng (NORCO) là cơ quan được HĐQT thành lập để thực thi một số chức năng, nhiệm vụ về nhân sự và lương thưởng do HĐQT phân công và/hoặc ủy quyền thực hiện.

Thành viên

Trong năm 2012, ông Đỗ Tuấn Anh được bầu để thay thế ông Nguyễn Đức Vinh - thành viên của Ủy ban.

Hội Đồng NORCO hiện có 5 thành viên. Thông tin cơ bản về Thành viên Hội đồng NORCO như sau:



Ông Hồ Hùng Anh

Chủ tịch NORCO

Tốt nghiệp kỹ sư điện tử tại Liên Bang Nga, ông Hồ Hùng Anh tham gia quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 2004. Ông là Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 05/2008 tới nay.



Ông Stephen Charles Banner

Thành viên NORCO

Tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh của trường Đại học Sheffield, Vương Quốc Anh và Cao học (associate) của Học Viện Ngân Hàng, Vương Quốc Anh, ông Stephen Charles Banner có nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ở nhiều nước tại ngân hàng HSBC. Từ tháng 4/2011, ông Stephen Charles Banner là thành viên HĐQT Techcombank.



Ông Nguyễn Đăng Quang

Thành viên NORCO

Tốt nghiệp Tiến sĩ kỹ thuật về vật lý hạt nhân và trình độ sau đại học về Quản trị Tài chính tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Đăng Quang tham gia điều hành và quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau từ năm 1995. Ông là Phó chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank từ 05/2008 tới nay.



Ông Nguyễn Thiếu Quang

Thành viên NORCO

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Thiếu Quang tham gia quản trị Ngân hàng tại các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 1999. Ông là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank từ 05/2008 tới nay.



Ông Đỗ Tuấn Anh

Thành viên NORCO

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý tài sản đầu tư tại Đại học tổng hợp Quản lý Singapore và cử nhân Ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, ông Đỗ Tuấn Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Techcombank và các tổ chức, doanh nghiệp khác. Từ tháng 12/2012, ông Đỗ Tuấn Anh là thành viên HĐQT Techcombank.

Ủy Ban Kiểm Toán và Rủi Ro

Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro (ARCO) là cơ quan được HĐQT thiết lập nhằm thực thi một số chức năng, nhiệm vụ do HĐQT phân công và/hoặc ủy quyền thực hiện liên quan đến kiểm toán, kiểm tra giám sát và quản trị rủi ro của hoạt động ngân hàng.

Thành viên

Trong năm 2012, ông Lee Boon Huat được bầu làm thành viên của Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro, ông Nguyễn Đức Vinh từ chức khỏi vị trí trong Ủy ban.

Thành phần ARCO bao gồm 7 người. Thông tin chi tiết về các thành viên ARCO như sau:



Ông Nguyễn Thiều Quang
Chủ tịch ARCO

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Thiều Quang tham gia quản trị Ngân hàng tại các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 1999. Ông là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank từ 05/2008 tới nay.



Ông Hồ Hùng Anh
Phó Chủ tịch ARCO

Tốt nghiệp kỹ sư điện tử tại Liên Bang Nga, ông Hồ Hùng Anh tham gia quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 2004. Ông là Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 05/2008 tới nay.



Bà Nguyễn Thiên Hương
Thành viên ARCO

Tốt nghiệp cử nhân Khoa học, cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh MBA, bà Nguyễn Thị Thiên Hương có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng với các chức vụ khác nhau như: Phụ trách phòng Dự án & Đầu tư chứng khoán, Trưởng phòng Tín dụng Hội sở, Phó Tổng Giám đốc. Từ tháng 07/2009 đến nay, bà là Thành viên Thường trực ARCO.



Ông Nguyễn Đăng Quang
Thành viên ARCO

Tốt nghiệp Tiến sỹ kỹ thuật về vật lý hạt nhân và trình độ sau đại học về Quản trị Tài chính tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Đăng Quang tham gia điều hành và quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau từ năm 1995. Ông là Phó chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank từ 05/2008 tới nay.



Ông Stephen Charles Banner
Thành viên ARCO

Tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh của trường Đại học Sheffield, Vương Quốc Anh và Cao học (associate) của Học Viện Ngân Hàng, Vương Quốc Anh, ông Stephen Charles Banner có nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ở nhiều nước tại ngân hàng HSBC. Từ tháng 4/2011, ông Stephen Charles Banner là thành viên HĐQT Techcombank.



Ông Hoàng Văn Đạo
Thành viên ARCO

Tốt nghiệp Tiến sỹ Khoa học kỹ thuật, ông Hoàng Văn Đạo đã có nhiều năm tham gia quản trị điều hành tại Techcombank với các chức vụ như: Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng Quản trị. Từ tháng 07/2008 đến nay, ông là thành viên ARCO.



Ông Lee Boon Huat
Thành viên ARCO

Tốt nghiệp Cử nhân kinh doanh (ngành kế toán) tại Viện Công nghệ Tây Australian (nay là Đại học Curtin), ông Lee Boon Huat đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ủy ban tiền tệ Singapore và các tổ chức tài chính lớn như: Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải, Ngân hàng Thương Mại Hoàng gia, Ngân hàng Hóa học, Ngân hàng Standard Chartered. Từ tháng 12/2012, ông Lee Boon Huat là thành viên HĐQT độc lập của Techcombank.



Ban Điều Hành

Ban Điều Hành chịu trách nhiệm thực hiện các kế hoạch phát triển của ngân hàng và báo cáo tình hình hoạt động, theo cơ chế trung thành với lợi ích của Techcombank.

Ban Điều Hành

Thành viên

Trong năm 2012, chúng tôi đã có một số thay đổi quan trọng trong cơ cấu thành viên của Ban Điều Hành – một số thành viên mới được bổ nhiệm và một vài cơ cấu được thay đổi: ông Phạm Quang Thắng từ chức Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp và được bổ nhiệm là Giám Đốc Khối Phê duyệt Tín dụng, ông Lê Xuân Vũ từ chức Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển ngân hàng, ông Vikesh Mirani được bổ nhiệm vào vị trí Giám Đốc Tài chính Tập

Đoàn thay thế ông Cù Anh Tuấn, ông Vinod Kumar được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Khối Marketing thay thế bà Lê Phương Phương, ông Nguyễn Đăng Thanh được bổ nhiệm là Giám đốc Kinh doanh – vị trí mới thành lập để trực tiếp điều hành kinh doanh tại khu vực miền Nam, ông K.Balasingam được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn và ông Anil Kumar Parimoo được bổ nhiệm là Giám đốc Quản trị Rủi ro thay thế ông Trương Gia Tú.



Ông Paul Simon Morris

Tổng giám đốc

Tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Henley Business School, Vương Quốc Anh và từng là CEO của Ngân hàng Standard Chartered tại Brunei, Srilanka, Philippines và Indonesia từ năm 2000-2010, ông giữ chức vụ Tổng giám đốc Ngân hàng Khan tại Mông Cổ từ tháng 8/2010 đến khi gia nhập Techcombank. Ông được bổ nhiệm giữ chức Tổng giám đốc Techcombank từ tháng 01/2012.



Ông Phùng Quang Hưng

Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ

Tốt nghiệp Thạc sỹ Thương mại quốc tế, Đại học Washington State, Hoa Kỳ, ông từng giữ chức vụ Giám đốc Kinh Doanh Ngân hàng National Australia, Giám đốc Khối Công nghệ Ngân hàng và được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ từ tháng 09/2010.



Ông Vikesh Mirani

Giám đốc Tài chính Tập đoàn

Tốt nghiệp cử nhân Thương Mại (Hạng Ưu) Đại học Maharishi Dayanand Saraswati tại Ấn Độ, đang sở hữu các bằng chứng nhận Kiểm toán viên cao cấp của Học viện kế toán chuyên nghiệp và một số bằng khác như Học viên ưu tú của khóa "Tin học ứng dụng" và Ứng viên của khóa "Lãnh đạo Doanh nghiệp cao cấp". Ông đã có 18 năm kinh nghiệm và từng giữ nhiều vị trí quản lý trong ngành tài chính tại các ngân hàng Emirates NBD, Emirates Bank International, HSBC, Standard Chartered Bank và ABN AMRO. Ông gia nhập Techcombank với vị trí Giám Đốc Khối Tài Chính từ tháng 11/2012.



Ông Vinod Kumar

Giám đốc Khối Marketing

Tốt nghiệp cử nhân Chuyên ngành tiếng Anh và Thạc Sỹ Quản trị Kinh doanh tại International University thuộc Bang Missouri USA, ông cũng là thành viên của hội cựu sinh viên trường INSEAD tại Pháp. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm bao quát trong lĩnh vực Marketing, từng giữ vị trí quan trọng của Marketing và Quản lý thương hiệu tại nhiều công ty tài chính đa quốc gia và ngân hàng như Standard Chartered Banking Group và Visa International. Gần đây nhất, ông là Giám đốc Marketing tại Ngân hàng Saudi American. Ông được bổ nhiệm là Giám đốc khối Marketing tại Techcombank từ tháng 07/2012.



Ông Nguyễn Đăng Thanh

Giám đốc Kinh doanh - miền Nam

Tốt nghiệp cử nhân Đại học Kinh tế Hồ Chí Minh, ông từng giữ nhiều vị trí quản lý tại Sacombank bao gồm Giám đốc Marketing, Giám đốc nhân sự và Phó Tổng giám đốc. Ông được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Kinh doanh miền Nam từ tháng 10/2010.



Ông Phạm Quang Thắng

Giám Đốc Khối Khách hàng Doanh Nghiệp

Tốt nghiệp Thạc sỹ tại Trường Đại học công nghệ Swinburne, ông từng giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm quản lý nguồn vốn và giao dịch, Phó Tổng giám đốc Techcombank và được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp. Ông được bổ nhiệm vị trí Giám Đốc Khối Phê duyệt Tín dụng từ tháng 02/2013.



Bà Đặng Tuyết Dung

Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính Cá nhân

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc Dân và từng giữ chức vụ Giám đốc phát triển sản phẩm Quản lý dòng tiền và Thanh toán quốc tế tại Citi bank, bà được bổ nhiệm vào chức vụ Khối Ngân hàng tài chính cá nhân từ tháng 2/2010.



Ông Nguyễn Cảnh Vinh

Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối

Tốt nghiệp Thạc sỹ Đại học Latrobe và từng giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Giao dịch Hội sở Techcombank, Giám đốc Kinh doanh Vùng 1, ông được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối từ tháng 1/2011.



Ông K.Balasingam

Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn

Tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính và Ngân hàng tại Đại học Hull, ông từng giữ nhiều vị trí quản lý tại các ngân hàng như Standard Chartered Bank; Danajamin Nasional Malaysia Berhad và Khan Bank. Ông là người được biết đến gần đây nhất trong lĩnh vực Dịch vụ Ngân hàng Bán buôn. Ông gia nhập Techcombank với vị trí Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn từ tháng 06/2012.



Ông Anil Kumar Parimoo

Giám Đốc Khối Quản Trị Rủi Ro

Tốt nghiệp Cử nhân Khoa học tại trường Đại học Kashmir, sở hữu nhiều bằng chứng nhận như Bank Indonesia Risk Management cấp bởi GARP, Assiatship từ Indian Institution of Banking and Finance, ông có 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và làm việc ở nhiều ngân hàng lớn như State Bank of India, ABN AMRO, Bank Danamon. Ông được bổ nhiệm vị trí Giám Đốc Khối Quản trị Rủi Ro từ tháng 06/2012.



Bà Trần Thị Diệp Anh

Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực

Tốt nghiệp Đại học Giao Thông Vận tải và Đại học Ngoại ngữ Hà Nội và từng giữ chức vụ Giám đốc Nhân sự tại Cargill Việt Nam trong nhiều năm, bà được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực từ tháng 11/2011.



Ông Nguyễn Thành Long

Giám đốc Khối CORM và Pháp chế nhân lực

Tốt nghiệp Thạc sỹ Đại học Luật Hà Nội, ông từng giữ chức vụ Phó vụ trưởng Vụ Pháp chế Ngân hàng nhà nước, Phó tổng giám đốc Techcombank v được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối pháp chế từ tháng 11/2009.



Ông Phan Thanh Sơn

Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính

Tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế tại Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân và từng giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Tiên Phong, ông được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Nguồn vốn và thị trường tài chính từ tháng 1/2011.



Bản Tuyên Bố Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành có trách nhiệm chuẩn bị và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Quy định của Ngân hàng Nhà Nước và các quy định có liên quan của Pháp luật. Theo ý kiến của Ban Điều hành:

- a) Báo cáo tài chính hợp nhất được chuẩn bị và trình bày từ trang 70 đến trang 81 phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam và Các công ty con ("Techcombank") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và các kết quả hợp nhất về hoạt động và dòng tiền cho năm tài chính kết thúc theo Chuẩn mực kế toán Việt nam và Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định có liên quan của Pháp luật;
- b) Tại ngày lập báo cáo, Chúng tôi tin tưởng rằng Techcombank hoàn toàn có khả năng trả nợ khi các khoản nợ này đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo, Ban điều hành đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều Hành

Simon Morris
Tổng giám đốc

Hanoi, 20 tháng 3 2013

Báo Cáo Thường Niên 2012

Báo cáo tài chính

Hoạch Định Chiến Lược Phát Triển

Với vị thế vững chắc, chúng tôi tin vào khả năng vươn lên mạnh mẽ của Ngân hàng trong tương lai.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Ngân hàng”) và các công ty con (gọi chung là “Techcombank”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Techcombank phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 5 đến trang 72. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Techcombank. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết trình trong báo cáo tài chính hợp nhất. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành Techcombank, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo Cáo Tài Chính

Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-02-249/5



Trần Đình Vinh

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0306/KTV

Phó Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Trần Đình Vinh

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
		Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt và vàng	4	4.529.185	5.115.002
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	5.576.747	4.465.664
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	31.299.956	43.190.766
1. Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		21.159.534	43.190.766
2. Cho vay các tổ chức tín dụng khác		10.196.333	-
3. Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		(55.911)	-
IV Chứng khoán kinh doanh	7	768.958	283.574
1. Chứng khoán kinh doanh		800.370	437.134
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(31.412)	(153.560)
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	40.868	54.272
VI Cho vay khách hàng		67.136.307	62.562.406
1. Cho vay khách hàng	9	68.261.442	63.451.465
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(1.125.135)	(889.059)
VII Chứng khoán đầu tư	11	46.654.293	48.342.033
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		43.895.517	43.847.690
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		3.092.452	4.519.013
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(333.676)	(24.670)
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	92.825	76.905
Đầu tư dài hạn khác		92.825	76.905
IX Tài sản cố định		1.146.424	1.191.224
1. Tài sản cố định hữu hình	13	819.766	964.923
a. Nguyên giá		1.271.647	1.293.920
b. Giá trị hao mòn lũy kế		(451.881)	(328.997)
2. Tài sản cố định vô hình	14	326.658	226.301
a. Nguyên giá		444.629	299.358
b. Giá trị hao mòn lũy kế		(117.971)	(73.057)
X Bất động sản đầu tư	15	1.329.393	21.121
a. Nguyên giá		1.354.461	21.262
b. Giá trị hao mòn lũy kế		(25.068)	(141)
XI Tài sản Có khác	16	21.358.642	15.228.196
1. Các khoản phải thu		15.173.649	10.340.702
2. Các khoản lãi, phí phải thu		5.895.197	4.471.852
3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		34.765	35.203
4. Tài sản có khác		297.964	380.698
5. Dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác		(42.933)	(259)
TỔNG TÀI SẢN		179.933.598	180.531.163

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
		Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
NỢ PHẢI TRẢ			
I Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	17	-	3.317.602
II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	18	39.170.405	48.132.743
1. Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		14.920.718	38.188.455
2. Vay các tổ chức tín dụng khác		24.249.687	9.944.288
III Tiền gửi của khách hàng	19	111.462.288	88.647.779
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	20	127.953	252.398
V Phát hành giấy tờ có giá	21	10.450.843	23.094.145
VI Các khoản nợ khác	22	5.432.533	4.574.761
1. Các khoản lãi, phí phải trả		2.069.183	1.832.106
2. Các khoản phải trả và công nợ khác		3.247.288	2.629.881
3. Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng		116.062	112.774
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		166.644.022	168.019.428
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VII Vốn và các quỹ	23	13.289.576	12.511.735
1. Vốn		8.848.079	8.788.450
a. Vốn cổ phần		8.848.079	8.788.079
b. Vốn khác		-	371
2. Các quỹ		3.475.744	1.055.128
3. Lợi nhuận chưa phân phối		965.753	2.668.157
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		13.289.576	12.511.735
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		179.933.598	180.531.163


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này


Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)


Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B02/TCTD-HN


	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
I NGHĨA VỤ NỢ TIẾM ẨN		
1. Thu tín dụng	7.240.069	8.888.624
2. Bảo lãnh khác	7.426.416	8.867.573
II CAM KẾT KHÁC		
1. Cam kết cho vay chưa giải ngân	476	3.456
2. Các hợp đồng mua bán ngoại tệ chưa đến hạn	7.521.530	974.950

Người duyệt


Bùi Thị Khánh Vân
 Quyền kế toán trưởng


Cù Anh Tuấn
 Giám đốc Khối Kế toán Tài chính


Simon Morris
 Tổng Giám đốc




Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này


Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam


Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B03/TCTD-HN


	Thuyết minh	2012	2011
		Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	17.622.864	19.948.573
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(12.507.291)	(14.650.198)
I Thu nhập lãi thuần	24	5.115.573	5.298.375
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	25	1.051.286	1.520.157
4. Chi phí hoạt động dịch vụ	25	(485.883)	(369.803)
II Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	25	565.403	1.150.354
III Lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng	26	(138.863)	(698.913)
IV Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	27	2.701	(55.333)
V (Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	(175.043)	416.257
5. Thu nhập từ hoạt động khác	29	617.848	707.115
6. Chi phí hoạt động khác	29	(256.233)	(163.741)
VI Thu nhập thuần từ hoạt động khác	29	361.615	543.374
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29	29.992	8.061
VIII Chi phí hoạt động	30	(3.294.041)	(2.099.198)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	30	2.467.337	4.562.977
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	31	(1.449.481)	(341.864)
XI Tổng lợi nhuận trước thuế	31	1.017.856	4.221.113
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	(253.344)	(1.077.016)
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32	1.174	9.669
XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	32	(252.170)	(1.067.347)
XIII Lợi nhuận sau thuế	32	765.686	3.153.766
XIV Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	33	700	2.902
XV Lãi pha loãng trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	33	696	2.886

Người duyệt


Bùi Thị Khánh Vân
 Quyền kế toán trưởng


Cù Anh Tuấn
 Giám đốc Khối Kế toán Tài chính


Simon Morris
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam

Bảng cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B04/TCTD-HN

	2012 Triệu VNĐ	2011 Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	16.199.519	17.695.764
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(12.270.214)	(14.196.925)
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	565.403	1.150.354
4 Số tiền thực chi thuận từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	(124.347)	(249.681)
5 Thu nhập khác nhận được	153.288	482.415
6 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý bằng nguồn rủi ro	52.908	60.959
7 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(3.089.693)	(1.678.094)
8 Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(1.267.872)	(657.186)
Lưu chuyển tiền thuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	218.992	2.607.606
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
9 Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(1.867.010)	(5.879.900)
10 Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh	2.515.498	(16.612.965)
11 Các công cụ tài chính phái sinh và các công cụ tài chính khác	13.404	(54.272)
12 Cho vay và ứng trước cho khách hàng	(5.964.183)	(10.550.155)
13 Tài sản hoạt động khác	(4.687.257)	(1.507.892)
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
14 Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	(3.317.602)	(4.773.714)
15 Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	(8.962.338)	20.349.629
16 Tiền gửi của khách hàng	22.814.509	8.097.026
17 Phát hành giấy tờ có giá	(12.643.302)	8.069.928
18 Các khoản vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(124.445)	(6.388.692)
19 Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	-	(52.888)
20 Các công nợ hoạt động khác	1.628.787	885.304
22 Chi từ các quỹ	(3.367)	(757)
I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(10.378.314)	(5.811.742)


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này


Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)


Bảng cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B04/TCTD-HN


	2012 Triệu VNĐ	2011 Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01 Mua sắm tài sản cố định	(1.743.677)	(630.134)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	431.276	251
07 Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	(15.920)	(7.260)
09 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	29.992	8.061
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(1.298.329)	(629.082)
III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM	(11.676.643)	(6.440.824)
IV TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	34.298.612	40.739.436
V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (thuyết minh 34)	22.621.969	34.298.621

Người duyệt

 **Bùi Thị Khánh Vân**
Quyển kế toán trưởng

 **Cù Anh Tuấn**
Giám đốc Khối Kế toán Tài chính

 **Simon Morris**
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0040/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 6 tháng 8 năm 1993 và Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 055697 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 7 tháng 9 năm 1993. Thời gian hoạt động của Ngân hàng được gia hạn thành 99 năm theo Quyết định số 330/QĐ-NH5 do NHNNVN cấp ngày 8 tháng 10 năm 1997.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn cổ phần của Ngân hàng là 8.848.078.710.000 Đồng. Ngân hàng đã phát hành 884.807.871 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá của một cổ phiếu là 10.000 Đồng.

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại 191 Bà Triệu, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có một Hội sở chính, hai (2) văn phòng đại diện, một (1) Trung tâm giao dịch, sáu mươi hai (62) chi nhánh, hai trăm năm mươi ba (253) phòng giao dịch trên cả nước và ba (3) công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Ngân hàng và các công ty con (sau đây gọi chung là “Techcombank”).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có ba (3) công ty con như sau:

Các công ty con	Giấy phép hoạt động	Hoạt động chính	% sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương	98/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/9/2008	Các hoạt động chứng khoán	100%
Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	0104003519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 18/6/2008	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương	40/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008	Quản lý quỹ	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Techcombank có 7.168 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 8.335 nhân viên).

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan. Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Techcombank từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được làm tròn đến hàng triệu gần nhất (“triệu VND”).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Techcombank áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

(i) Các công ty con

Các công ty con là những công ty mà Ngân hàng có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất từ ngày quyền của các công ty này được trao cho Ngân hàng. Báo cáo của các công ty con sẽ không được hợp nhất từ ngày Ngân hàng không còn kiểm soát các công ty này.

Ngân hàng hạch toán việc hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua. Giá phí mua bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản, các công cụ vốn do bên mua phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua công ty con. Các tài sản đã mua hoặc các khoản nợ phải trả được thừa nhận trong việc hợp nhất kinh doanh được xác định khởi đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, bất kể phần lợi ích của cổ đông thiểu số là bao nhiêu.

(ii) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài khoản kinh doanh ngoại tệ vào thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các giao dịch liên quan đến thu nhập/ chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng Đồng Việt Nam trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

(c) Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Techcombank thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Các tài sản tài chính của Techcombank chủ yếu bao gồm:

- Tiền mặt và vàng;
- Các khoản tiền gửi tại NHNNVN và các tổ chức tín dụng khác;
- Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng;
- Chứng khoán kinh doanh;
- Chứng khoán đầu tư;
- Các khoản góp vốn và đầu tư dài hạn;
- Các tài sản tài chính phái sinh; và
- Các tài sản tài chính khác.

Các khoản nợ phải trả tài chính của Techcombank chủ yếu bao gồm:

- Các khoản nợ chính phủ và NHNNVN
- Các tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác;
- Các khoản tiền gửi của khách hàng;
- Giấy tờ có giá đã phát hành;
- Các khoản nợ phải trả tài chính phái sinh; và
- Các khoản nợ phải trả tài chính khác.

(i) Ghi nhận

Các tài sản và nợ tài chính được ghi nhận ban đầu tại ngày giao dịch khi Techcombank chính thức trở thành một bên trong hợp đồng liên quan đến các công cụ tài chính này.

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua hoặc phát hành.

(ii) Dừng ghi nhận

Techcombank dừng ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền lợi theo hợp đồng của Techcombank đối với các dòng tiền phát sinh từ tài sản tài chính này chấm dứt, hay khi Techcombank chuyển giao tài sản tài chính này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản tài chính này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Techcombank không chuyển giao hay giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Techcombank dừng ghi nhận một công nợ tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá khác đủ điều kiện chiết khấu, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác với kì hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá 3 tháng và chứng khoán đầu tư với kỳ hạn tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn không quá 3 tháng.

Vàng được đánh giá lại tại thời điểm lập báo cáo tài chính và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(e) Chứng khoán kinh doanh

(i) Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn, được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

(ii) Đo lường

Chứng khoán kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá bình quân của ba báo giá của ba công ty chứng khoán lớn, có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng.

Chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết và không được giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được ước tính theo quyết định của Ban Điều hành. Ban Điều hành xác định mức dự phòng giảm giá chứng khoán dựa trên xem xét về giá gốc, điều kiện thị trường, tình hình hoạt động hiện tại và dòng tiền dự kiến thu được.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(f) Chứng khoán đầu tư

(i) Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Techcombank ghi nhận ban đầu chứng khoán đầu tư theo giá gốc.

(ii) Đo lường

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá bình quân của ba báo giá của ba công ty chứng khoán lớn, có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không được giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được ước tính theo quyết định của Ban Điều hành. Ban Điều hành xác định mức dự phòng giảm giá chứng khoán dựa trên xem xét về giá gốc, điều kiện thị trường, tình hình hoạt động hiện tại và dòng tiền dự kiến thu được.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán tính theo giá trị thị trường của chứng khoán. Trong trường hợp không có giá trị thị trường của chứng khoán hoặc không thể được xác định một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua bán các chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó. Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

(g) Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác và Techcombank không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn khác được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư (Thuyết minh 3(h)).

(h) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn

Theo Công văn số 7459/NHNN-KTTC do NHNN ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2006, dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư cần phải trích lập nếu giá trị thị trường của chứng khoán thấp hơn giá trị ghi sổ hoặc giá chứng khoán đầu tư có dấu hiệu sụt giảm một cách lâu dài.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vốn dài hạn khác vào các tổ chức kinh tế sẽ được trích lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này gặp thua lỗ (ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các tổ chức này trước khi đầu tư).

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư nợ đã quá hạn được xác định theo số ngày quá hạn như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
• Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
• Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
• Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
• Từ ba (03) năm trở lên	100%

(i) Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 22 tháng 4 năm 2005 (“Quyết định số 493”), được sửa đổi và bổ sung bằng Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 25 tháng 4 năm 2007 (“Quyết định số 18”), dự phòng cụ thể cần được lập cho các khoản cho vay trên cơ sở hàng quý dựa trên việc xếp hạng cho các khoản cho vay.

Dự phòng cụ thể tại ngày kết thúc niên độ kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2012) được xác định bằng dự phòng cụ thể được lập theo Quyết định số 493 và Quyết định số 18.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo Quyết định số 493 và Quyết định số 18 được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với khoản nợ vay gốc tại ngày 30 tháng 11 năm 2012 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản đảm bảo.

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Nhóm	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1 Nợ đủ tiêu chuẩn	<ul style="list-style-type: none">Các khoản nợ cho vay trong hạn hoặc quá hạn dưới 10 ngày.	0%
2 Nợ cần chú ý	<ul style="list-style-type: none">Quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặcĐược cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất (nếu khách hàng được đánh giá là đủ khả năng hoàn trả cả gốc lẫn lãi theo thời hạn đã được cơ cấu lại lần thứ nhất áp dụng đối với các khách hàng là doanh nghiệp và tổ chức).	5%
3 Nợ dưới tiêu chuẩn	<ul style="list-style-type: none">Quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày;Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất ngoại trừ các khoản cho vay có thời hạn trả nợ được cơ cấu lại đã được phân loại vào Nhóm 2 ở trên; hoặcCác khoản cho vay được miễn, giảm tiền lãi do khách hàng không có khả năng thanh toán tiền lãi theo hợp đồng.	20%
4 Nợ nghi ngờ	<ul style="list-style-type: none">Quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày;Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất và quá hạn dưới 90 ngày tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ nhất;Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai.	50%
5 Nợ có khả năng mất vốn	<ul style="list-style-type: none">Quá hạn trên 360 ngày;Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất và quá hạn từ 90 ngày trở lên tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ nhất;Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và đã bị quá hạn tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ hai;Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba; hoặcCác khoản nợ khoanh, hay nợ chờ xử lý.	100%

Từ ngày 23 tháng 4 năm 2012, Techcombank đã áp dụng Quyết định số 780/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành (“Quyết định số 780”) về việc phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, theo đó các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ nếu khách hàng được đánh giá là hoạt động sản xuất kinh doanh có chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt.

Techcombank áp dụng phi hồi tố việc thay đổi chính sách kế toán này. Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán này được đề cập trong Thuyết minh số 9.

Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Quyết định số 493 và Quyết định số 18.

Techcombank cũng phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị dư nợ cho vay khách hàng được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Theo Quyết định số 493, các khoản cho vay khách hàng được xử lý bằng dự phòng khi các khoản cho vay khách hàng đã được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi người vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức hoặc doanh nghiệp), hoặc khi người vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

(j) Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác

Theo thông tư số 21/2012/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012 về hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác được trích lập theo quy định tại Quyết định số 493 và Quyết định số 18. Chính sách dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác tương tự như chính sách dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như được trình bày trong Thuyết minh số 3(j).

(k) Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định số 18, Techcombank được yêu cầu phải phân loại các bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện vào các nhóm liên quan và lập dự phòng cụ thể tương ứng. Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể cho các số dư trên giống với tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng.

Theo Quyết định số 493, Techcombank cũng được yêu cầu phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng số dư các thư bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

(l) Các công cụ tài chính phái sinh

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận vào các tài khoản trên bảng cân đối kế toán tại ngày hiệu lực của các hợp đồng và được đánh giá lại cuối kỳ. Lãi hoặc lỗ thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công cụ tài chính phái sinh được phân loại là tài sản tài chính phái sinh khi giá trị được ghi nhận là dương và nợ phải trả tài chính phái sinh khi giá trị được ghi nhận là âm.

(m) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(iii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-------------------------------|-------------|
| • nhà cửa và chi phí nâng cấp | 20 - 50 năm |
| • thiết bị văn phòng | 4 - 8 năm |
| • phương tiện vận chuyển | 7 - 10 năm |
| • các tài sản khác | 4 - 5 năm |

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

(n) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm vi tính

Giá mua phần mềm vi tính mới, mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan, thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

(ii) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân ảnh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm giá mua đất và các chi phí phát sinh để đảm bảo quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 25-50 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phân ảnh theo nguyên giá và không được phân bổ. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất vô thời hạn bao gồm giá mua đất và các chi phí phát sinh để đảm bảo quyền sử dụng đất.

(iii) Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được phân ảnh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Tài sản cố định vô hình khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 8 năm.

(o) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------|-------------|
| • nhà cửa | 10 - 40 năm |
|-----------|-------------|

(p) Dự phòng khác

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Techcombank có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

(q) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Techcombank từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Techcombank. Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Techcombank và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Techcombank không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(r) Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi do Techcombank phát hành cho phép trái chủ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông của Techcombank với một số lượng nhất định tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi. Do đó, việc phát hành cổ phiếu thường hoặc cổ tức sau ngày phát hành sẽ có ảnh hưởng tới giá chuyển đổi và số lượng cổ phiếu sẽ được chuyển đổi vào ngày đáo hạn của trái phiếu chuyển đổi do các điều khoản chống pha loãng của trái phiếu chuyển đổi. Techcombank phân loại trái phiếu chuyển đổi là nợ tài chính. Trái phiếu chuyển đổi được phân làm hai loại: (1) trái phiếu chuyển đổi bắt buộc khi các trái chủ kí cam kết chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu tại ngày đáo hạn và (2) trái phiếu chuyển đổi thông thường khi các trái chủ có quyền chuyển đổi tại ngày đáo hạn. Cả hai loại trái phiếu chuyển đổi trên đều được phân loại là nợ phải trả tài chính trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(s) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(t) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(u) Các quỹ và dự trữ

Ngân hàng

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2012 thay thế Nghị định 146/2005/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2005, trước khi phân phối lợi nhuận, Ngân hàng phải lập các quỹ dự trữ sau.

	Phân phối hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn cổ phần

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Các công ty con

Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, yêu cầu trích lập các quỹ được thực hiện tương tự như Ngân hàng Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương.

Theo Quyết định 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007, các công ty chứng khoán phải trích lập các quỹ sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Phân phối hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quỹ dự phòng này cùng với quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phân chia.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương

Do không có các quy định về việc trích lập các quỹ đối với Công ty, nên Công ty không trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận cho Ngân hàng.

(v) Ghi nhận doanh thu

(i) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản cho vay được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 nêu trong Thuyết minh 3(i) được ghi nhận khi Techcombank thực thu được.

(ii) Thu nhập từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của Techcombank được thiết lập.

Theo Thông tư số 244/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài Chính ban hành, cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thường và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(w) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo cơ sở dự chi.

(x) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

(y) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp trên số lãi hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(z) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Techcombank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đối với các cổ phiếu phổ thông của Techcombank. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Techcombank chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm có tính đến các ảnh hưởng của các công cụ có tính suy giảm tiềm năng, bao gồm trái phiếu chuyển đổi.

Số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm chịu ảnh hưởng của trái phiếu chuyển đổi bắt buộc và sự thay đổi giá chuyển đổi do phát hành cổ phiếu thường hoặc cổ tức phiếu trong năm (Thuyết minh 33).

(aa) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Techcombank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Techcombank là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý và theo hoạt động kinh doanh.

(ab) Phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính cho mục đích thuyết minh thông tin

(i) Phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm chứng khoán kinh doanh và tài sản tài chính phái sinh. Chứng khoán do Techcombank nắm giữ được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

- Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Techcombank có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:
 - Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
 - Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu:

- Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:
 - Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
 - Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán:

- Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:
 - các khoản cho vay và các khoản phải thu;
 - các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
 - các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm các khoản nợ phải trả tài chính phái sinh.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

- Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân nhóm các tài sản và nợ phải trả tài chính như trên chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin trong báo cáo tài chính. Việc phân loại này không có ảnh hưởng đến phương pháp ghi nhận, đo lường hay phân loại trong bảng cân đối kế toán hợp nhất của Techcombank.

(ii) Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, Techcombank thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ trong Thuyết minh 42.

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi tồn tại một thị trường hoạt động, Techcombank xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

4. TIỀN MẶT VÀ VÀNG

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Tiền mặt tại quỹ bằng VND	1.725.872	1.544.219
Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ	575.073	481.730
Vàng tại quỹ	2.228.240	3.089.053
	4.529.185	5.115.002

5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thà nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc ("CRR"). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với bình quân số dư tiền gửi của tháng trước tại Techcombank như sau:

Tiền gửi tại Ngân hàng

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc

31/12/2012 31/12/2011

Số dư bình quân tháng trước của:

- Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng
- Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên
- Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng
- Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên

	8,00%	8,00%
	6,00%	6,00%
	3,00%	3,00%
	1,00%	1,00%

31/12/2012 31/12/2011
Triệu VND Triệu VND

Tài khoản tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc	5.576.747	4.465.664
--	------------------	------------------

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

31/12/2012 31/12/2011

Tiền gửi bằng VND		
Trong mức dự trữ bắt buộc	1,20%	1,20%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%
Tiền gửi bằng USD		
Trong mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0,05%	0,05%

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

6. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	2.425.620	5.768.075
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	8.591.309	8.790.178
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	7.330.825	21.188.020
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	2.811.780	7.444.493
Các khoản cho vay		
Các khoản cho vay bằng VND	3.358.500	-
Các khoản cho vay bằng ngoại tệ	6.837.833	-
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác (i)	(55.911)	-
	31.299.956	43.190.766

(i) Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác bao gồm:

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Dự phòng chung	53.611	-
Dự phòng cụ thể	2.300	-
	55.911	-

Biến động dự phòng chung cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1	-	-
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 31)	53.611	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12	53.611	-

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Biến động dự phòng cụ thể cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

	2012 Triệu VNĐ	2011 Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1	-	-
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 31)	2.300	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12	2.300	-

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0% - 2,4%	0% - 1,5%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	0% - 0,1%	0,05% - 0,1%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	9% - 15,5%	9,6% - 21,0%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	2,3% - 4%	4% - 9,88%
Cho vay bằng VND	3,8% - 12%	-
Cho vay bằng ngoại tệ khác	0,4% - 3,1%	-

7. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2012 Triệu VNĐ	31/12/2011 Triệu VNĐ
Chứng khoán nợ		
• Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	599.121	-
Chứng khoán vốn		
• Cổ phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	72.244	123.391
• Cổ phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	129.005	313.743
	800.370	437.134
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (i)	(31.412)	(153.560)
	768.958	283.574

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	2012 Triệu VNĐ	2011 Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1	153.560	78.422
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	28.823	99.905
Sử dụng dự phòng trong năm	(11.544)	(16.599)
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	(46.524)	(8.168)
Chuyển sang chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 11)	(92.903)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12	31.412	153.560

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	2012 Triệu VNĐ	2011 Triệu VNĐ
Chứng khoán nợ		
• Niêm yết	599.121	-
Chứng khoán vốn		
• Niêm yết	201.249	437.134
	800.370	437.134

8. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	31/12/2012		31/12/2011	
	Tổng giá trị của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán	Tổng giá trị của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán
	Triệu VNĐ	Tài sản/ (nợ phải trả) Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Tài sản/ (nợ phải trả) Triệu VNĐ
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	5.367.405	(27.460)	4.309.048	58.324
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	7.663.939	68.328	978.992	(4.043)
Giao dịch tương lai vàng	-	-	-	(9)
	13.031.344	40.868	5.288.040	54.272

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	67.959.488	63.179.306
Chiết khấu hối phiếu	297.327	139.100
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	4.627	133.059
	68.261.442	63.451.465

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay:

	31/12/2012 Triệu VND	%	31/12/2011 Triệu VND	%
Nhóm 1- Nợ đủ tiêu chuẩn	64.415.288	94,37%	57.104.413	90,00%
Nhóm 2- Nợ cần chú ý	2.005.682	2,94%	4.553.396	7,18%
Nhóm 3- Nợ dưới tiêu chuẩn	108.330	0,16%	927.476	1,46%
Nhóm 4- Nợ nghi ngờ	848.623	1,24%	623.731	0,98%
Nhóm 5- Nợ có khả năng mất vốn	883.519	1,29%	242.449	0,38%
	68.261.442	100%	63.451.465	100%

Việc phân loại nợ được thực hiện theo Quyết định số 493 và Quyết định số 18 trừ những khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. Theo quyết định 780, các khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ nếu hoạt động kinh doanh của khách hàng vay được đánh giá là có chiều hướng tích cực và khách hàng có khả năng trả nợ tốt sau khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ (xem thuyết minh 3(i)).

Các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ như sau:

	31/12/2012 Triệu VND
Dư nợ được giữ nguyên nhóm 1	6.657.353
Dư nợ được giữ nguyên nhóm 2	235.033
	6.892.386

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay:

	31/12/2012 Triệu VND	%	31/12/2011 Triệu VND	%
Ngắn hạn	36.446.276	53,39%	35.586.745	56,08%
Trung hạn	16.425.411	24,06%	10.619.444	16,74%
Dài hạn	15.389.755	22,55%	17.245.276	27,18%
	68.261.442	100%	63.451.465	100%

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2012 Triệu VND	%	31/12/2011 Triệu VND	%
Nông nghiệp và lâm nghiệp	6.390.450	9,36%	8.783.216	13,84%
Thương mại, sản xuất và chế biến	24.140.768	35,37%	22.992.710	36,24%
Xây dựng	5.173.547	7,58%	5.096.607	8,03%
Kho bãi, vận tải và thông tin liên lạc	874.100	1,28%	2.114.334	3,33%
Cá nhân và các ngành nghề khác	31.682.577	46,41%	24.464.598	38,56%
	68.261.442	100%	63.451.465	100%

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2012 Triệu VND	%	31/12/2011 Triệu VND	%
Doanh nghiệp nhà nước	3.362.776	4,93%	2.939.365	4,63%
Công ty trách nhiệm hữu hạn	19.536.824	28,62%	18.838.640	29,69%
Công ty cổ phần	16.401.844	24,03%	16.789.830	26,46%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	591.643	0,87%	719.780	1,13%
Doanh nghiệp tư nhân	619.971	0,90%	1.499.470	2,36%
Cá nhân và các khách hàng khác	27.748.384	40,65%	22.664.380	35,73%
	68.261.442	100%	63.451.465	100%

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
Cho vay bằng VND	6% - 21%	13,6% - 22%
Cho vay bằng USD	0,51% - 8,5%	0,55% - 9,3%

10. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Dự phòng chung	470.951	461.399
Dự phòng cụ thể	654.184	427.660
	1.125.135	889.059

Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1	461.399	384.860
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 31)	9.552	76.539
Số dư tại ngày 31 tháng 12	470.951	461.399

Biến động dự phòng cụ thể các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1	427.660	226.135
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 31)	1.873.708	686.293
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 31)	(492.978)	(457.338)
Sử dụng dự phòng để xử lý các khoản nợ khó đòi	(1.154.206)	(27.430)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	654.184	427.660

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
• Trái phiếu Chính phủ	7.608.928	13.373.214
• Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	24.142.334	18.514.572
• Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	11.822.327	11.931.994
<i>Chứng khoán vốn</i>		
• Cổ phiếu do các đơn vị kinh tế trong nước phát hành	197.605	27.800
• Cổ phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	124.323	110
	43.895.517	43.847.690
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	(333.676)	(24.670)
	43.561.841	43.823.020
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
• Trái phiếu Chính phủ	-	347.933
• Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	2.804.304	1.880.000
• Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	288.148	1.666.240
	3.092.452	3.894.173
Đầu tư ủy thác	-	624.840
	3.092.452	4.519.013
	46.654.293	48.342.033

(i) *Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán như sau:*

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1	24.670	11.500
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 28)	285.597	13.170
Chuyển từ chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 7)	92.903	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 28)	(69.494)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12	333.676	24.670

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Thời hạn và lãi suất năm của các chứng khoán nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Thời hạn	Lãi suất	Thời hạn	Lãi suất
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11 tháng - 15 năm	7,04% - 30,0%	9 tháng - 15 năm	3,5% - 30,0%
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	5 năm - 15 năm	9% - 15,0%	1 năm - 15 năm	4,8% - 16,5%

12. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Đầu tư dài hạn - giá gốc (i)	92.825	76.905

(i) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Tỷ lệ năm giữ %	Giá gốc của các khoản đầu tư Triệu VND	Tỷ lệ năm giữ %	Giá gốc của các khoản đầu tư Triệu VND
Đầu tư vào các tổ chức tín dụng và các tổ chức tài chính khác				
Công ty CP Tài chính Hóa chất Việt Nam	10,00%	60.000	10,00%	60.000
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác				
Công ty CP Đầu tư TCO Việt Nam	11,00%	16.500	11,00%	3.300
Công ty CP Dịch vụ Thẻ Smartlink	2,00%	1.000	2,00%	1.000
Công ty CP Đào tạo và Tư vấn Nghiệp vụ Ngân hàng	9,87%	1.040	9,59%	1.040
Công ty CP Đầu tư PCB	9,95%	7.962	7,96%	7.962
Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên Ngân hàng toàn thế giới	0,00%	1.005	0,09%	283
Công ty CP Sàn Giao Dịch Bất Động Sản Việt Nam	1,00%	660	1,00%	660
Công ty CP Dịch vụ bảo vệ Kỹ An	11,00%	748		-
Công ty CP đầu tư và dịch vụ kho vận A+	10,00%	600		-
Công ty CP Dịch vụ, TM và đầu tư Sao Thủy	10,00%	600		-
Công ty TNHH TM đầu tư và KD BĐS Huế	0,50%	50		-
Công ty TNHH TIC	10,00%	600	10,00%	600
Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội	7,00%	1.400	7,00%	1.400
Công ty CP phát triển Dự án Techcomdeveloper	11,00%	660	11,00%	660
		92.825		76.905

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Nhà cửa và chi phí nâng cấp Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Phương tiện vận chuyển Triệu VND	Các tài sản khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	242.617	896.907	127.475	26.921	1.293.920
Tăng trong năm	2.427	192.613	20.091	22.643	237.774
Chuyển từ XDCB dở dang	2.362	16.953	-	-	19.315
Thanh lý	(197.020)	(55.312)	(8.355)	(18.675)	(279.362)
Điều chuyển	-	(67)	92	(25)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	50.386	1.051.094	139.303	30.864	1.271.647
Hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	24.143	255.137	38.472	11.245	328.997
Khấu hao trong năm	3.823	115.891	29.001	3.460	152.175
Thanh lý	(21.739)	(2.206)	(4.613)	(536)	(29.094)
Điều chuyển	2.680	15.594	(15.276)	(3.195)	(197)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	8.907	384.416	47.584	10.974	451.881
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	218.474	641.770	89.003	15.676	964.923
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	41.479	666.678	91.719	19.890	819.766

Trong năm 2012, Techcombank đã bán trụ sở cũ tại số 70-72 Bà Triệu nguyên giá 196.790 triệu VND, và hao mòn lũy kế 21.739 triệu VND và tài sản cố định vô hình trị giá 25.489 triệu VND (với tổng giá trị còn lại 200.540 triệu VND) với giá bán 354.450 triệu VND. Techcombank đã ghi nhận lãi từ việc bán tòa nhà là 153.910 triệu VND trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Thuyết minh số 29).

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

<i>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>					
	Nhà cửa và chi phí nâng cấp Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Phương tiện vận chuyển Triệu VND	Các tài sản khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	262.105	646.116	110.920	22.449	1.041.590
Tăng trong năm	53	521.209	19.836	8.949	550.047
Thanh lý	-	(1.619)	(380)	(259)	(2.258)
Xóa sổ	(184)	(268.799)	(2.901)	(4.218)	(276.102)
Điều chuyển	(19.357)	-	-	-	(19.357)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	242.617	896.907	127.475	26.921	1.293.920
Hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	19.673	146.885	39.375	4.398	210.331
Khấu hao trong năm	4.625	98.712	13.857	3.647	120.841
Thanh lý	-	(1.448)	(364)	(195)	(2.007)
Xóa sổ	(155)	-	(14.396)	-	(14.551)
Điều chuyển	-	10.988	-	3.395	14.383
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	24.143	255.137	38.472	11.245	328.997
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	242.432	499.231	71.545	18.051	831.259
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	218.474	641.770	89.003	15.676	964.923

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

<i>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>				
	Phân mềm vi tính Triệu VND	Các tài sản khác Triệu VND	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	244.824	47.426	7.108	299.358
Tăng trong năm	158.203	-	14.501	172.704
Thanh lý	(138)	-	-	(138)
Xóa sổ	(1.068)	(25.489)	(738)	(27.295)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	401.821	21.937	20.871	444.629
Hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	71.628	449	980	73.057
Khấu hao trong năm	42.465	47	2.493	45.005
Điều chuyển	1.071	(76)	(1.048)	(53)
Thanh lý	(38)	-	-	(38)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	115.126	420	2.425	117.971
Giá trị còn lại				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	173.196	46.977	6.128	226.301
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	286.695	21.517	18.446	326.658

<i>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>				
	Phân mềm vi tính Triệu VND	Các tài sản khác Triệu VND	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	170.537	47.426	3.213	221.176
Tăng trong năm	74.287	-	3.895	78.182
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	244.824	47.426	7.108	299.358
Hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	46.772	325	1.431	48.528
Khấu hao trong năm	23.925	124	480	24.529
Điều chuyển	931	-	(931)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	71.628	449	980	73.057
Giá trị còn lại				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	123.765	47.101	1.782	172.648
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	173.196	46.977	6.128	226.301

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Nhà cửa Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	19.357	1.905	21.262
Tăng trong năm	-	1.333.199	1.333.199
Điều chuyển trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	19.357	1.335.104	1.354.461
Hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	-	141	141
Khấu hao trong năm	-	24.927	24.927
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	-	25.068	25.068
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	19.357	1.764	21.121
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	19.357	1.310.036	1.329.393

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Nhà cửa Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	-	-	-
Tăng trong năm	-	1.905	1.905
Điều chuyển trong năm	19.357	-	19.357
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	19.357	1.905	21.262
Hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	141	141
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	-	141	141
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	19.357	1.764	21.121

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2011 (Phân loại lại) Triệu VND
Các khoản phải thu		
• Phải thu nội bộ	181.695	124.104
• Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	200.849	-
• Đặt cọc và ứng trước thuê văn phòng	332.187	596.883
• Phải thu từ NHNNVN liên quan đến Chương trình hỗ trợ lãi suất	29.208	35.925
• Ứng trước hợp đồng	334.314	171.242
• Ứng trước để mua chứng khoán (i)	1.473.000	3.133.000
• Ứng trước và lãi phải thu của hợp đồng đặt cọc thuê nhà (ii)	2.211.317	2.353.625
• Các khoản tiền đặt cọc cho các giao dịch vàng, hàng hóa và ngoại tệ trên thị trường tương lai	199.447	258.604
• Nợ mua từ công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước	845.209	-
• Phải thu từ mua bán nợ (iii)	8.937.196	1.726.952
• Phải thu từ các giao dịch vàng	-	713.320
• Chi phí xây dựng cơ bản dở dang; tạm ứng mua TSCĐ	94.818	39.672
• Các khoản phải thu khác từ bên ngoài	334.409	1.187.375
	15.173.649	10.340.702
Các khoản lãi và phí phải thu	5.895.197	4.471.852
Tài sản có khác		
• Vật liệu	62.114	49.236
• Chi phí trả trước	223.322	274.823
• Tài sản có khác	12.528	56.639
	297.964	380.698
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (iv)	34.765	35.203
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác	(42.933)	(259)
	21.358.642	15.228.196

(i) Đây là các khoản ứng trước bằng VND cho các công ty chứng khoán với mục đích mua chứng khoán cho Techcombank. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các công ty chứng khoán chưa mua được chứng khoán (31 tháng 12 năm 2011: không). Các công ty chứng khoán phải trả lãi suất năm từ 10,5% đến 12,5% (2011: 12%-15%/năm) cho Techcombank tính từ ngày tạm ứng đến ngày mua được chứng khoán hoặc ngày hết hạn hợp đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Techcombank không có khoản ứng trước ngắn hạn nào bị quá hạn.

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Chi tiết các khoản ứng trước ngắn hạn như sau:

	31/12/2012 Triệu VNĐ	31/12/2011 Triệu VNĐ
Công ty CP Chứng khoán Đại Dương	200.000	200.000
Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng VP	250.000	1.848.000
Công ty CP Chứng khoán VMS	-	1.000.000
Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Agribank	1.023.000	85.000
Quý 1	200.000	85.000
Quý 2	300.000	-
Quý 3	200.000	-
Quý 4	300.000	-
Quý 5	23.000	-
	1.473.000	3.133.000

(ii) Đây là các khoản ứng trước và lãi phải thu mà Techcombank tạm ứng cho các tổ chức kinh tế trong nước để xây văn phòng cho thuê. Techcombank sẽ được quyền ưu tiên thuê văn phòng khi tòa nhà hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Chi tiết các khoản ứng trước và lãi phải thu của các hợp đồng đặt cọc thuê văn phòng như sau:

	31/12/2012 Triệu VNĐ	31/12/2011 Triệu VNĐ
Phải thu hợp đồng ứng trước và lãi phải thu đặt cọc thuê văn phòng tại số 56 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội (*)	2.061.321	2.353.625
Phải thu hợp đồng ứng trước và lãi phải thu đặt cọc thuê văn phòng Lim Tower tại số 6-11 Tôn Đức Thắng, thành phố HCM.	149.996	-
	2.211.317	2.353.625

(*) Khoản ứng trước thuê văn phòng tại số 56 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội có kỳ hạn là 3 năm (từ 25 tháng 7 năm 2011 đến 25 tháng 7 năm 2014) và hưởng lãi suất năm là 12%.

(iii) Chi tiết các khoản phải thu từ các hợp đồng bán nợ của Techcombank với các công ty khác có thời hạn thanh toán từ 6 tháng đến 1 năm như sau:

	31/12/2012 Triệu VNĐ	31/12/2011 Triệu VNĐ
Từ hợp đồng bán nợ cho các công ty mua bán nợ được cấp phép	7.500.458	1.726.952
Từ hợp đồng bán nợ cho các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước	1,436,738	-
	8.937.196	1.726.952

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

17. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN VIỆT NAM

	31/12/2012 Triệu VNĐ	31/12/2011 Triệu VNĐ
Vay theo hồ sơ tín dụng	-	700.000
Các khoản vay NHNN khác	-	2.617.602
	-	3.317.602

18. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2012 Triệu VNĐ	31/12/2011 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	2.205.477	5.908.655
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	4.933.161	5.529.583
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	4.970.300	21.460.863
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.811.780	5.289.354
	14.920.718	38.188.455
Tiền vay		
Tiền vay bằng VND	6.196.438	672.464
Tiền vay bằng ngoại tệ	18.053.249	9.271.824
	24.249.687	9.944.288
	39.170.405	48.132.743

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	8,3% - 13,5%	6,0% - 17,5%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2,39% - 4%	1,0% - 5,22%
Tiền vay bằng VND	2,5% - 12,25%	15% - 16%
Tiền vay bằng ngoại tệ	0,45% - 5,05%	0,75% - 5,05%

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

19. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2012 Triệu VNĐ	31/12/2011 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	11.940.997	9.879.665
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.059.730	1.560.644
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	85.823.346	61.383.625
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	11.381.419	13.891.912
Tiền ký quỹ		
Tiền ký quỹ bằng VND	429.949	551.531
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	826.847	1.380.402
	111.462.288	88.647.779

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2012 Triệu VNĐ	31/12/2011 Triệu VNĐ
Tổ chức kinh tế	34.405.790	31.011.867
Cá nhân	77.056.498	57.635.912
	111.462.288	88.647.779

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	1,00%	2,40%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	0,10%	0,20%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1% - 18,5%	1,5% - 14%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	0,1% - 9,2%	1,00% - 4,33%

20. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

Bao gồm trong khoản này là vốn đầu tư ủy thác nhận từ các bên ủy thác khác nhau, chịu lãi suất năm trong khoảng từ 7,68% đến 10,00% (2011: 7,50% đến 13,92%).

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

21. Phát hành giấy tờ có giá

Giấy tờ có giá đã phát hành phân loại theo kỳ hạn như sau:	31/12/2012 Triệu VNĐ	31/12/2011 Triệu VNĐ
Dưới 12 tháng (i)	4.777.194	12.521.225
Từ 12 tháng đến 5 năm (ii)	2.500.000	5.116.638
Trên 5 năm (iii)	173.649	2.456.282
Phát hành trái phiếu chuyển đổi (iv)	3.000.000	3.000.000
	10.450.843	23.094.145

(i) Các giấy tờ có giá này là các chứng chỉ tiền gửi chịu lãi suất năm trong khoảng từ 0% đến 11% (2011: 0,01% đến 14%)

(ii) Các giấy tờ có giá này là các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu chịu lãi suất năm 10,5% (2011: 0,01% đến 13,5%).

(iii) Các giấy tờ có giá này là các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu chịu lãi suất trong năm khoảng 0,01% đến 9% (2011: 0,01% đến 10,5%).

(iv) Các giấy tờ có giá này là các trái phiếu chuyển đổi phát hành cho các cổ đông hiện tại của Techcombank với kì hạn 10 năm. Các trái phiếu này được phát hành năm 2010 và lãi suất áp dụng cho 5 năm đầu tiên của kì hạn trái phiếu là 0%. Từ năm thứ 6, lãi suất áp dụng là 15%/năm hoặc lãi suất trần áp dụng cho các trái phiếu tương tự nếu mức lãi suất trần đó nhỏ hơn 15%. Cổ đông nắm giữ trái phiếu chuyển đổi này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông sau 5 năm. Tỷ lệ chuyển đổi ban đầu là 17.188,38 VND được một cổ phiếu phổ thông, có mệnh giá 10.000 VND tại ngày phát hành. Sau khi Techcombank phát hành cổ phiếu thường trong năm 2011, tỷ lệ chuyển đổi giảm xuống 13.683,04 VND được một cổ phiếu phổ thông do các điều khoản chống pha loãng của trái phiếu chuyển đổi.

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

22. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	(Phân loại lại) Triệu VND
Lãi và phí phải trả	2.069.183	1.832.106
Các khoản phải trả và công nợ khác		
• Chuyển tiền phải trả	3	211.581
• Phải trả nhân viên	135.165	182.353
• Các khoản phải trả hộ các tổ chức tín dụng khác	125.049	168.263
• Phải trả hợp đồng mua nợ từ công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước (i)	765.209	-
• Phải trả nhà cung cấp	127.775	241.555
• Dự phòng thuế phải nộp (ii)	45.896	844.846
• Doanh thu chưa thực hiện	158.845	57.694
• Phải trả khách hàng cho các hợp đồng LC	208.280	-
• Ứng trước từ khách hàng	7.969	321.110
• Chi phí phải trả	231.203	3.088
• Phải trả các hoạt động quảng cáo, khuyến mãi	205.189	18.725
• Các khoản phải trả khác (iii)	1.236.705	580.666
	3.247.288	2.629.881
Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng (iv)	116.062	112.774
	5.432.533	4.574.761

(i) Khoản phải trả này có thời hạn là 1 năm từ ngày 26 tháng 12 năm 2012.

(ii) Dự phòng thuế phải nộp:

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	22.841	7.807
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	6.173	816.704
Các loại thuế khác (*)	16.882	20.335
	45.896	844.846

(*) Xem biến động dự phòng thuế phải nộp tại thuyết minh 37.

(iii) Các khoản phải trả khác bao gồm khoản tiền có giá trị 637.337 triệu đồng liên quan đến các hợp đồng vay Ngân hàng Citibank, New York. Các hợp đồng này có kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng, và chịu lãi suất thả nổi Libor + 0,7%/năm.

(iv) Biến động dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng như sau:

	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1	112.774	76.404
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh số 31)	3.288	36.370
Số dư tại ngày 31 tháng 12	116.062	112.774

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

23. VỐN VÀ CÁC QUỸ

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần Triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND	Các quỹ khác Triệu VND	Tổng các quỹ Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011 (như đã trình bày)	6.932.184	371	107.855	579.444	3.812	691.111	1.765.495	9.389.161
Điều chỉnh lại (*)	-	-	-	-	(3.812)	(3.812)	-	(3.812)
Điều chỉnh lại ngày 1 tháng 1 năm 2011	6.932.184	371	107.855	579.444	-	687.299	1.765.495	9.385.349
Chuyển sang vốn cổ phần	1.855.895	-	(90.500)	-	-	(90.500)	(1.765.395)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	3.153.766	3.153.766
Trích lập các quỹ	-	-	172.588	296.311	-	468.899	(495.522)	(26.623)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(757)	-	(757)	-	(757)
Biến động khác	-	-	1.891	(11.704)	-	(9.813)	9.813	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (điều chỉnh lại)	8.788.079	371	191.834	863.294	-	1.055.128	2.668.157	12.511.735
Chuyển sang vốn cổ phần	60.000	-	-	-	-	-	(60.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	765.686	765.686
Trích lập các quỹ	-	(371)	2.324.451	98.944	-	2.423.395	(2.423.024)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(3.367)	-	(3.367)	-	(3.367)
Biến động khác	-	-	588	-	-	588	14.934	15.522
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	8.848.079	-	2.516.873	958.871	-	3.475.744	965.753	13.289.576

(*) Việc điều chỉnh lại liên quan đến việc chuyển quỹ phúc lợi sang các khoản phải trả khác theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Vốn cổ phần

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	Triệu VND	Số cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	884.807.871	8.848.079	878.807.871	8.788.078
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	884.807.871	8.848.079	878.807.871	8.788.078
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	884.807.871	8.848.079	878.807.871	8.788.078

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Techcombank là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Techcombank. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Techcombank công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Techcombank.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3(r) và Thuyết minh số 21, trái phiếu chuyển đổi bắt buộc cũng có thứ tự ưu tiên như cổ phiếu phổ thông đối với tài sản còn lại của Techcombank.

24. THU NHẬP LÃI THUẦN

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ		
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	3.235.370	6.400.067
Cho vay khách hàng	8.525.583	9.569.685
Các khoản đầu tư chứng khoán nợ	5.861.911	3.978.821
	17.622.864	19.948.573
Chi phí lãi và các chi phí tương tự cho		
Các khoản tiền gửi của khách hàng	(10.350.909)	(11.703.319)
Các khoản tiền gửi và vay từ NHNNVN và các tổ chức tín dụng khác	(816.013)	(1.344.255)
Phát hành giấy tờ có giá	(1.340.369)	(1.602.624)
	(12.507.291)	(14.650.198)
Thu nhập lãi thuần	5.115.573	5.298.375

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

25. Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ từ		
Dịch vụ bảo lãnh	106.185	143.190
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	623.751	835.419
Dịch vụ ủy thác và đại lý	1.370	1.883
Dịch vụ tư vấn	93.437	105.841
Phí trả trước hạn và chậm trả nợ	94.162	135.495
Dịch vụ quy đổi ngoại tệ	33.871	54.597
Dịch vụ môi giới	33.067	42.217
Phí quản lý tài khoản thấu chi	29.795	12.129
Dịch vụ khác	35.648	189.386
	1.051.286	1.520.157
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(113.382)	(124.329)
Chi phí truyền thông	(47.684)	(45.462)
Dịch vụ tư vấn	(156.475)	(99.697)
Dịch vụ môi giới	(549)	(852)
Dịch vụ khác	(167.793)	(99.463)
	(485.883)	(369.803)
Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	565.403	1.150.354

26. Lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối và vàng		
Thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ	344.327	355.571
Thu nhập từ kinh doanh vàng	630.914	165.760
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	202.368	143.671
	1.177.609	665.002
Chi phí từ kinh doanh ngoại hối và vàng		
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(607.607)	(1.149.832)
Chi phí hoạt động kinh doanh vàng	(531.679)	(102.325)
Chi cho các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(177.186)	(111.758)
	(1.316.472)	(1.363.915)
Lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng	(138.863)	(698.913)

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

27. LÃI/(LỖ) THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2012 Triệu VNĐ	2011 Triệu VNĐ
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	66.444
Chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(15.000)	(30.040)
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	(28.823)	(99.905)
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 7)	46.524	8.168
	2.701	(55.333)

28. (LỖ)/LÃI THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2012 Triệu VNĐ	2011 Triệu VNĐ
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	65.213	429.427
Chi phí từ mua bán chứng khoán đầu tư	(24.153)	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 11)	(285.597)	(13.170)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 11)	69.494	-
	(175.043)	416.257

29. THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2012 Triệu VNĐ	2011 Triệu VNĐ
Thu hồi nợ đã xóa sổ trong những năm trước	52.908	60.959
Thu nhập từ thanh lý tài sản (i)	155.419	-
Thu nhập từ khoản đặt cọc thuê văn phòng (ii)	223.344	282.305
Thu nhập khác	186.177	363.851
	617.848	707.115

(i) Thu nhập từ thanh lý tài sản gồm khoản lãi trị giá 153.910 triệu VND từ việc bán trụ sở cũ của Techcombank ở 70-72 Bà Triệu.

(ii) Chi tiết của khoản đặt cọc này được trình bày tại thuyết minh số 16 (ii).

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2012 Triệu VNĐ	2011 Triệu VNĐ
Lương và các chi phí liên quan	1.388.235	1.181.254
Chi phí in ấn, tiếp thị và khuyến mại	509.562	147.641
Chi phí thuê trụ sở và tài sản	587.276	230.223
Khấu hao tài sản cố định	197.180	145.370
Thuế, lệ phí và phí	123.435	72.326
Chi phí dụng cụ và thiết bị	59.930	41.592
Chi phí thông tin liên lạc, viễn thông	39.448	40.315
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	207.372	90.123
Chi phí mua bảo hiểm cho các khoản tiền gửi của khách hàng	79.498	76.364
Chi phí điện nước	51.149	43.546
Công tác phí	29.965	25.765
Các chi phí hoạt động khác	20.991	4.679
	3.294.041	2.099.198

	Thuyết minh	2012 Triệu VNĐ	2011 Triệu VNĐ
Dự phòng chung cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	53.611	-
Dự phòng cụ thể cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	2.300	-
Dự phòng chung cho vay khách hàng	10	9.552	76.539
Dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	10	1.873.708	686.293
Hoàn nhập dự phòng cho vay khách hàng	10	(492.978)	(457.338)
Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng	22	3.288	36.370
		1.449.481	341.864

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2012 Triệu VNĐ	2011 Triệu VNĐ
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	253.344	1.064.768
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	12.248
	253.344	1.077.016
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(1.174)	(9.669)
	252.170	1.067.347

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	1.017.856	4.221.113
Thuế theo thuế suất của Ngân hàng (25%)	254.465	1.055.277
Chi phí không được khấu trừ	5.203	7.150
Thu nhập không chịu thuế	(7.498)	(2.660)
Lỗi các năm trước được trừ	-	(4.668)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	12.248
Tổng chi phí thuế thu nhập	252.170	1.067.347

(c) Thuế suất áp dụng

Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo thuế suất bằng 25% lợi nhuận chịu thuế. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên lợi nhuận sau thuế là 765.686 triệu VND (2011: 3.153.766 triệu VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 1.093.930.480 cổ phiếu (2011: 1.086.571.576 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần sau thuế

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	765.686	3.153.766

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2012	2011
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành tại ngày 1 tháng 1	878.807.871	693.218.371
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành trong năm 2011	-	223.633.022
Ảnh hưởng của trái phiếu chuyển đổi bắt buộc	213.199.321	169.720.183
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành cho nhân viên trong năm 2012	1.923.288	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	1.093.930.480	1.086.571.576

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2012 VND	2011 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	700	2.902

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên lợi nhuận sau thuế là 765.686 triệu VND (2011: 3.153.766 triệu VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 1.099.980.670 cổ phiếu (2011: 1.092.621.766 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần sau thuế (suy giảm)

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Lợi nhuận thuần sau thuế (cơ bản)	765.686	3.153.766
Lợi nhuận thuần sau thuế (suy giảm)	765.686	3.153.766

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cơ bản)	1.093.930.480	1.086.571.576
Ảnh hưởng của trái phiếu có thể chuyển đổi	6.050.190	6.050.190
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm)	1.099.980.670	1.092.621.766

(iii) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	2012 VND	2011 VND
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	696	2.886

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

34. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Tiền mặt tại quỹ	2.300.945	2.025.949
Vàng tại quỹ	2.228.240	3.089.053
Tiền gửi tại NHNNVN	5.576.747	4.465.664
Đầu tư Tín phiếu NHNN với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	1.500.000	-
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	11.016.037	24.717.946
	22.621.969	34.298.612

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền có tiền và các khoản tương đương tiền bằng các ngoại tệ khác VND trị giá tương đương 12.181.127 triệu VND (31 tháng 12 năm 2011: 14.459.807 triệu VND).

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

35. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Techcombank có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan. Các điều khoản của những giao dịch này được thực hiện theo các quy định của Techcombank và do Ban Điều hành Techcombank phê duyệt.

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

	Số dư (Triệu VND) 31/12/2012	Số dư (Triệu VND) 31/12/2011
Đầu tư ủy thác từ Techcombank		
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	-	624.840
Tiền cho vay của Ngân hàng		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	758.225	795.566
Công ty CP Cửa sổ nhựa Châu Âu	407.828	375.230
Tiền gửi tại Ngân hàng		
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)	502.563	650.839
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	177.451	583.364
Cụm cảng hàng không Miền Trung	16.873	78.820
Cảng vụ Hàng không Miền Nam	60.533	77.078
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hàng không	-	5.373
Công ty Dịch vụ Hàng không Tân Sơn Nhất	22.584	-
Công ty Xuất Nhập khẩu Hàng không	11.596	-
Công ty CP Hàng tiêu dùng Ma San (trước là Công ty CP Thực phẩm Masan)	1.109.662	260.352
Công ty Cổ phần Masan	1.295	9.246
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	836.365	1.510.042
Công ty CP EuroFinance	8	19
Công ty CP Đầu tư T&M Việt Nam	45	44
Công ty CP Đầu tư tổ hợp thương mại Melinh Plaza Thanh Hóa	4	6
Công ty CP Đầu tư TTTM Vinh	17	218
Công ty CP Cửa sổ nhựa Châu Âu	5.211	8.412
Công ty CP Đầu tư Trung tâm thương mại Hà Nội – Matxcova	4	5
Sàn giao dịch Bất động sản – CN Công ty Eurowindow Holdings	137	1.137
Phát hành giấy tờ có giá		
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)	-	140.000

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

	Giao dịch 2012 Triệu VND	Giao dịch 2011 Triệu VND
Thu nhập lãi		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	45.452	30.790
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)	15.574	6.178
Ngân hàng HSBC	-	10.971
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hàng không	-	245
Công ty CP Cửa sổ nhựa Châu Âu	47.730	40.394
Chi phí lãi		
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)	-	25.231
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	5.223	22.736
Cụm cảng hàng không Miền Trung	1.203	3.938
Công ty Dịch vụ Hàng không Tân Sơn Nhất	5.210	-
Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là Công ty Thực phẩm Masan)	65.706	213.646
Công ty Cổ phần Masan	102	3.629
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	188.179	134.903
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hàng không	-	662
Công ty dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất	1.291	3.037
Công ty CP Cửa sổ nhựa Châu Âu	79	213
Công ty CP đầu tư TTTM Vinh	2	4
Sàn GD Bất động sản - CN Công ty CP Eurowindow Holdings	-	11
Công ty CP Đầu tư T&M	1	-
Công ty CP xuất nhập khẩu hàng không	106	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	22.742	-
Công ty Bất động sản Euroland	6	-

36. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	2012	2011
Tổng số cán bộ, công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 (người)	7.168	8.335
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân trong năm (người)	7.752	7.908
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Lương (Triệu VND)	1.146.809	985.350
2. Các khoản phụ cấp và thu nhập khác (Triệu VND)	241.426	195.904
	1.388.235	1.181.254
Tiền lương bình quân năm (Triệu VND)	148	125
Thu nhập bình quân năm (Triệu VND)	179	149

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

37. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 16 và 22)

<i>Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	31/12/2011 Triệu VND	Số phát sinh trong năm Triệu VND	Số đã nộp trong năm Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	7.807	92.041	77.007	22.841
Thuế thu nhập doanh nghiệp	816.704	256.492	1.267.872	(194.676)
Các loại thuế khác	20.335	121.387	124.840	16.882
	844.846	469.920	1.469.719	(154.953)

<i>Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	31/12/2010 Triệu VND	Số phát sinh trong năm Triệu VND	Số đã nộp trong năm Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	25.268	121.781	139.242	7.807
Thuế thu nhập doanh nghiệp	396.874	1.077.016	657.186	816.704
Các loại thuế khác	22.272	90.306	92.243	20.335
	444.414	1.289.103	888.671	844.846

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

38. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận chia theo vùng địa lý

Techcombank theo dõi thông tin chia theo các vùng địa lý chính tại Việt Nam như sau:

Triệu VND	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Tổng cộng	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
Tài sản	149.603.049	137.354.823	3.011.155	3.073.002	27.319.394	40.103.338	179.933.598	180.531.163
Nợ phải trả	136.773.144	125.760.746	3.013.458	2.954.793	26.857.420	39.303.889	166.644.022	168.019.428
Tài sản cố định	1.060.245	1.137.578	17.796	10.558	68.383	43.088	1.146.424	1.191.224

Triệu VND	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Tổng cộng	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
Doanh thu trực tiếp	13.215.627	19.102.946	842.103	373.049	5.344.484	4.133.965	19.402.214	23.609.960
Chi phí (*)	(12.657.443)	(13.764.202)	(844.405)	(387.364)	(4.882.510)	(5.237.281)	(18.384.358)	(19.388.847)
Lợi nhuận/ (lỗ) gộp trước thuế	558.184	5.338.744	(2.302)	(14.315)	461.974	(1.103.316)	1.017.856	4.221.113

(*) Đây là chi phí trực tiếp và không bao gồm khoản phân bổ chi phí của Hội sở.

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Techcombank hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ, quản lý tài sản, kinh doanh chứng khoán và quản lý quỹ.

Triệu VND	Ngân hàng		Quản lý tài sản		Kinh doanh chứng khoán		Quản lý quỹ		Loại bỏ		Tổng cộng	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
Tài sản	177.935.663	178.190.978	3.839.377	4.185.424	418.808	325.692	44.297	1.299.109	(2.304.547)	(3.470.040)	179.933.598	180.531.163
Công nợ	164.833.838	166.081.176	3.349.004	3.710.506	13.974	1.211	1.753	1.256.575	(1.554.547)	(3.030.040)	166.644.022	168.019.428
Tài sản cố định	1.111.909	1.173.866	32.741	14.901	1.714	2.396	60	61	-	-	1.146.424	1.191.224

Triệu VND	Ngân hàng		Quản lý tài sản		Kinh doanh chứng khoán		Quản lý quỹ		Loại bỏ		Tổng cộng	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
Doanh thu	19.206.432	23.240.183	489.928	758.821	118.419	30.438	7.346	11.347	(419.911)	(430.828)	19.402.214	23.609.961
Chi phí	(17.984.746)	(19.172.871)	(489.005)	(329.631)	(13.186)	(8.682)	(7.332)	(7.968)	109.911	130.304	(18.384.358)	(19.388.848)
Lợi nhuận trước thuế	1.221.686	4.067.312	923	429.190	105.233	21.756	14	3.379	(310.000)	(300.524)	1.017.856	4.221.113

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

39. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Phần này cung cấp chi tiết về các rủi ro mà Techcombank có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà ban lãnh đạo Techcombank sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Techcombank dễ gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

(i) Chính sách quản lý rủi ro

Hội Đồng Quản Trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc điều hành tất cả các hoạt động của Techcombank liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Techcombank không ngừng phát triển, an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Techcombank trong từng thời kỳ; quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội Đồng Quản Trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Techcombank và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

Ủy ban Kiểm toán Quản trị Rủi ro (“ARCO”) là bộ phận do Hội đồng quản trị ra quyết định thành lập và chịu trách nhiệm giúp việc cho Hội Đồng Quản Trị trong việc quản lý mọi loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Techcombank.

Các thành viên của ARCO là các thành viên Hội Đồng Quản trị và cán bộ chủ chốt đang thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro trong Techcombank.

ARCO có nhiệm vụ giám sát và quản lý tổng thể các hạng mục tài sản có và tài sản nợ trong bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng biệt của Techcombank nhằm tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá các tổn thất phát sinh do những biến động bất lợi từ thị trường; quản lý rủi ro thanh khoản; điều hành lãi suất và tỷ giá phù hợp.

(ii) Rủi ro tín dụng

Techcombank chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay, đầu tư cũng như khi Techcombank đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi Techcombank cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Để quản lý được mức độ rủi ro tín dụng, Techcombank chỉ giao dịch với các đối tác có uy tín tín dụng cao và khi thích hợp, sẽ yêu cầu có tài sản đảm bảo. Rủi ro tín dụng chính mà Techcombank gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của Techcombank. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán. Ngoài ra Techcombank còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Techcombank tiến hành đánh giá rủi ro tín dụng của các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và các tổ chức tín dụng khác dựa trên quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN trong Thuyết minh của báo cáo tài chính hợp nhất số 3(i), 3(j) và 3(k).

Để quản lý rủi ro tín dụng Techcombank sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Số liệu sau thể hiện trung thực nhất mức độ rủi ro tín dụng tối đa của các công cụ tài chính nội bảng và ngoại bảng của Techcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, không tính đến tài sản đảm bảo hay hỗ trợ tín dụng.

	31/12/2012 Triệu VNĐ	31/12/2011 Triệu VNĐ
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	31.355.867	43.190.766
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	21.159.534	43.190.766
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	10.196.333	-
Chứng khoán kinh doanh (i)	599.121	-
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	40.868	54.272
Cho vay khách hàng – gộp	68.261.442	63.451.465
Chứng khoán đầu tư – gộp	46.666.041	48.338.793
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	43.573.589	43.819.780
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	3.092.452	4.519.013
Tài sản Có khác	21.401.575	15.228.455
	168.324.914	170.263.751

(i) Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán không bao gồm chứng khoán vốn.

Thông tin về chất lượng tín dụng của các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá:

	31/12/2012 Triệu VNĐ	31/12/2011 Triệu VNĐ
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	31.309.867	43.190.766
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	21.159.534	43.190.766
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	10.150.333	-
Chứng khoán đầu tư kinh doanh (i)	599.121	-
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	40.868	54.272
Cho vay khách hàng – gộp	64.415.287	57.104.413
Chứng khoán đầu tư – gộp	46.141.041	48.338.793
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	43.048.589	43.819.780
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	3.092.452	4.519.013
Tài sản Có khác	21.238.517	15.228.455
	163.744.701	163.916.699

(i) Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán không bao gồm chứng khoán vốn.

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Thông tin về tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	Quá hạn dưới 90 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày Triệu VND	Quá hạn trên 360 ngày Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Cho vay khách hàng – gộp	724.323	54.519	166.097	61.640	1.006.579
Tài sản có khác	70.445	28.930	-	-	99.375
	794.768	83.449	166.097	61.640	1.105.954

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	Quá hạn dưới 90 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày Triệu VND	Quá hạn trên 360 ngày Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Cho vay khách hàng – gộp	1.010.549	163.210	63.392	46.627	1.283.778
	1.010.549	163.210	63.392	46.627	1.283.778

Thông tin về tài sản tài chính đã quá hạn và đã bị giảm giá như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	Quá hạn dưới 90 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày Triệu VND	Quá hạn trên 360 ngày Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	46.000	-	-	-	46.000
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	46.000	-	-	-	46.000
Cho vay khách hàng – gộp	1.281.360	53.811	682.526	821.879	2.839.576
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	-	525.000	525.000
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	525.000	525.000
Tài sản Có khác	-	-	24.985	38.698	63.683
	1.327.360	53.811	707.511	1.385.577	3.474.259

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	Quá hạn dưới 90 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày Triệu VND	Quá hạn trên 360 ngày Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Cho vay khách hàng – gộp	3.542.847	764.266	560.340	195.821	5.063.274
	3.542.847	764.266	560.340	195.821	5.063.274

Chi tiết về các tài sản đảm bảo Techcombank nắm giữ làm tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Bất động sản	89.407.354	87.810.510
Máy móc thiết bị	41.318.409	50.440.043
Giấy tờ có giá	38.265.118	11.720.772
Các tài sản đảm bảo khác	50.115.402	17.195.980
	219.106.283	167.167.305

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình Techcombank huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của Techcombank. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và công nợ tài chính của Techcombank theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và công nợ tài chính có thể khác thời hạn theo hợp đồng theo phụ lục hợp đồng có thể có.

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Triệu VND	Quá hạn dưới 3 tháng	Quá hạn trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền và vàng	-	-	4.529.185	-	-	-	-	4.529.185
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	5.576.747	-	-	-	-	5.576.747
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	46.000	-	17.210.180	5.412.945	3.830.104	4.615.000	241.638	31.355.867
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	-	595.643	95.079	109.648	-	-	800.370
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	97.928	(32.163)	(24.897)	-	-	40.868
Cho vay khách hàng – gộp	2.185.120	1.414.548	5.458.137	8.941.544	20.359.714	16.583.109	13.319.270	68.261.442
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	525.000	2.447.957	1.377.142	10.659.000	29.700.486	2.278.384	46.987.969
Góp vốn, đầu tư dài hạn – nguyên giá	-	-	89.567	-	-	-	3.258	92.825
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư – nguyên giá	-	-	1.671.250	-	-	41.403	1.358.084	3.070.737
Tài sản cố khác – gộp	70.445	46.612	13.701.970	1.610.752	3.279.198	2.692.598	-	21.401.575
	2.301.565	1.986.160	51.378.564	17.405.299	38.212.767	53.632.596	17.200.634	182.117.585
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	19.007.356	7.120.559	9.746.258	3.290.730	5.502	39.170.405
Tiền gửi của khách hàng	-	-	62.891.439	19.409.670	28.386.329	723.887	50.963	111.462.288
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	4.267	12.432	12.940	93.381	4.933	127.953
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	3.085.978	480.630	1.218.028	510.735	5.155.472	10.450.843
Các khoản nợ phải trả khác	-	10.870	2.706.175	1.239.738	915.718	558.696	1.336	5.432.533
	-	10.870	87.695.215	28.263.029	40.379.273	5.177.429	5.218.206	166.644.022
Mức chênh thanh khoản ròng	2.301.565	1.975.290	(36.316.651)	(10.857.730)	(2.066.506)	48.455.167	11.982.428	15.473.563

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Triệu VND	Quá hạn dưới 3 tháng	Quá hạn trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền và vàng	-	-	5.115.002	-	-	-	-	5.115.002
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	4.465.664	-	-	-	-	4.465.664
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	-	-	20.491.965	11.424.920	8.370.296	2.661.947	241.638	43.190.766
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	-	437.134	-	-	-	-	437.134
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	61.696	(5.830)	(1.594)	-	-	54.272
Cho vay khách hàng – gộp	1.777.159	4.323.409	6.611.609	14.029.611	15.774.110	8.221.267	12.714.300	63.451.465
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	1.248.071	2.844.840	13.270.920	27.647.779	3.355.093	48.366.703
Góp vốn, đầu tư dài hạn – nguyên giá	-	-	76.905	-	-	-	-	76.905
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư – nguyên giá	-	-	-	-	-	-	1.614.540	1.614.540
Tài sản cố khác – gộp	-	-	10.611.952	560.000	2.329.550	1.726.953	-	15.228.455
	1.777.159	4.323.409	49.119.998	28.853.541	39.743.282	40.257.946	17.925.571	182.000.906
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	2.617.602	700.000	-	-	-	3.317.602
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	18.585.342	12.146.724	14.453.796	2.410.658	536.223	48.132.743
Tiền gửi của khách hàng	-	-	68.333.496	15.897.530	3.532.264	872.183	12.306	88.647.779
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	5.003	14.412	127.848	101.291	3.844	252.398
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	3.843.892	3.157.744	9.148.255	6.500.006	444.248	23.094.145
Các khoản nợ phải trả khác	-	-	3.290.943	342.118	711.956	228.913	831	4.574.761
	-	-	96.676.278	32.258.528	27.974.119	10.113.051	997.452	168.019.428
Mức chênh thanh khoản ròng	1.777.159	4.323.409	(47.556.280)	(3.404.987)	11.769.163	30.144.895	16.928.119	13.981.478

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

(iv) Rủi ro thị trường

Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của Techcombank chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản công nợ cụ thể.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Techcombank được phân loại theo thời hạn định giá lại theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi suất thực tế bình quân với VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Đến 1 tháng %	Từ 1 đến 3 tháng %	Từ 3 đến 6 tháng %	Từ 6 đến 12 tháng %	Trên 1 năm %
Tài sản					
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng	11,10	10,53	9,61	-	-
Chứng khoán đầu tư	10,33	14,76	12,70	13,56	13,21
Cho vay khách hàng	14,43	12,90	13,09	13,49	9,13
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng	7,27	8,56	7,04	12,40	-
Tiền gửi của khách hàng	8,79	9,14	10,43	11,25	11,14
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	7,75	9,48	10,00	-	-
Phát hành giấy tờ có giá	2,92	9,72	10,35	9,47	1,00

Lãi suất thực tế bình quân với USD và các ngoại tệ khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Đến 1 tháng %	Từ 1 đến 3 tháng %	Từ 3 đến 6 tháng %	Từ 6 đến 12 tháng %	Trên 1 năm %
Tài sản					
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng	1,62	2,91	-	3,75	2,30
Cho vay khách hàng	6,32	6,19	6,25	5,39	-
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng	2,03	2,29	2,32	3,74	-
Tiền gửi của khách hàng	1,69	1,90	1,91	1,98	2,34
Giấy tờ có giá phát hành	2,00	2,00	-	-	-

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Triệu VND	Quá hạn	Không ảnh hưởng bởi lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền và vàng	-	4.529.185	-	-	-	-	-	4.529.185
Tiền gửi tại NHNNVN	-	5.576.747	-	-	-	-	-	5.576.747
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	46.000	11.016.037	8.260.903	5.590.067	2.393.500	2.499.360	1.550.000	31.355.867
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	201.249	599.121	-	-	-	-	800.370
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	97.928	(32.163)	(16.432)	(8.465)	-	40.868
Cho vay khách hàng – gộp	3.599.668	-	41.439.137	7.701.904	7.685.203	2.677.470	5.158.060	68.261.442
Chứng khoán đầu tư – gộp	525.000	671.487	3.039.470	2.927.142	9.736.000	14.354.000	15.734.870	46.987.969
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	92.825	-	-	-	-	-	92.825
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư – nguyên giá	-	3.070.737	-	-	-	-	-	3.070.737
Tài sản có khác - gộp	163.057	19.162.569	52.949	1.000.000	-	223.000	800.000	21.401.575
	4.333.725	44.320.836	53.489.508	17.186.950	19.798.271	19.745.365	23.242.930	182.117.585
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	-	7.138.641	12.806.400	7.328.838	5.824.132	6.072.394	-	39.170.405
Tiền gửi của khách hàng	-	14.819.118	56.959.381	20.383.929	8.215.005	10.674.720	410.135	111.462.288
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	76.068	49.737	2.148	-	-	127.953
Phát hành giấy tờ có giá	-	10.705	6.085.978	480.630	114.458	3.603.570	155.502	10.450.843
Các khoản nợ khác	10.870	5.314.262	-	107.401	-	-	-	5.432.533
	10.870	27.282.726	75.927.827	28.350.535	14.155.743	20.350.684	565.637	166.644.022
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	4.322.855	17.038.110	(22.438.319)	(11.163.585)	5.642.528	(605.319)	22.677.293	15.473.563
Mức chênh lệch cảm với lãi suất ngoại bảng	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	4.322.855	17.038.110	(22.438.319)	(11.163.585)	5.642.528	(605.319)	22.677.293	15.473.563

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Lãi suất thực tế bình quân với VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Đến 1 tháng %	Từ 1 đến 3 tháng %	Từ 3 đến 6 tháng %	Từ 6 đến 12 tháng %	Trên 1 năm %
Tài sản					
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng	14,57	16,00	15,29	13,28	14,50
Chứng khoán đầu tư	19,89	20,69	18,55	17,61	21,15
Cho vay khách hàng	13,44	13,08	13,66	15,21	14,00
Nợ phải trả					
Các khoản nợ từ Chính phủ và NHNNVN	14,00	15,00	-	-	-
Tiền gửi và vay NHNNVN và các tổ chức tín dụng	13,67	14,66	13,89	13,88	13,50
Tiền gửi của khách hàng	13,42	13,96	13,96	13,88	12,56
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	7,5	11,45	13,00	-	13,92
Phát hành giấy tờ có giá	-	14,00	14,00	11,71	-

Lãi suất thực tế bình quân với USD và các ngoại tệ khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Đến 1 tháng %	Từ 1 đến 3 tháng %	Từ 3 đến 6 tháng %	Từ 6 đến 12 tháng %	Trên 1 năm %
Tài sản					
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng	5,56	4,43	6,79	7,40	3,70
Chứng khoán đầu tư	7,33	6,05	4,57	6,75	-
Cho vay khách hàng	-	5,00	3,50	4,93	4,47
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay NHNNVN và các tổ chức tín dụng	2,55	3,42	2,84	2,51	4,44
Tiền gửi của khách hàng	1,82	1,53	2,39	2,02	3,32

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Triệu VND	Quá hạn	Không ảnh hưởng bởi lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền và vàng	-	5.115.002	-	-	-	-	-	5.115.002
Tiền gửi tại NHNNVN	-	4.465.664	-	-	-	-	-	4.465.664
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	-	14.567.386	7.467.034	10.690.517	5.581.195	4.434.634	450.000	43.190.766
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	437.134	-	-	-	-	-	437.134
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	61.696	(5.830)	(194)	(1.400)	-	54.272
Cho vay khách hàng – gộp	6.251.731	-	52.516.375	2.138.716	1.070.642	170.682	1.303.319	63.451.465
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	958.072	1.177.839	3.144.840	10.724.840	17.756.240	14.604.872	48.366.703
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	76.905	-	-	-	-	-	76.905
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư – nguyên giá	-	1.614.540	-	-	-	-	-	1.614.540
Tài sản cố định khác - gộp	-	10.236.656	375.296	1.110.000	1.254.550	2.051.953	200.000	15.228.455
	6.251.731	37.471.359	61.598.240	17.078.243	18.631.033	24.412.109	16.558.191	182.000.906
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	2.617.602	700.000	-	-	-	3.317.602
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	-	11.438.238	7.888.799	12.507.902	7.156.456	8.641.348	500.000	48.132.743
Tiền gửi của khách hàng	-	11.364.043	56.945.048	16.009.547	2.590.613	1.628.207	110.321	88.647.779
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	5.003	235.122	11.790	-	483	252.398
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	4.288.104	3.157.744	2.630.864	10.017.391	3.000.042	23.094.145
Các khoản nợ khác	-	4.102.184	-	472.577	-	-	-	4.574.761
	-	26.904.465	71.744.556	33.082.892	12.389.723	20.286.946	3.610.846	168.019.428
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	6.251.731	10.566.894	(10.146.316)	(16.004.649)	6.241.310	4.125.163	12.947.345	13.981.478
Mức chênh lệch cảm với lãi suất ngoại bảng	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	6.251.731	10.566.894	(10.146.316)	(16.004.649)	6.241.310	4.125.163	12.947.345	13.981.478

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Bảng dưới đây phân tích tính độ mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31/12/2012 và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2012 của Techcombank với giả định lãi suất huy động và cho vay tăng. Kết quả ngược lại nếu giả định lãi suất huy động và cho vay giảm.

Loại tiền	Mức tăng lãi suất 2012	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế 2012 (Triệu VNĐ)	Ảnh hưởng đến vốn chủ sở hữu 2012 (Triệu VNĐ)
VND	3,0%	108.441	81.331
USD	1,5%	(48.079)	(36.059)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Loại tiền	Mức tăng lãi suất 2011	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế 2011 (Triệu VNĐ)	Ảnh hưởng đến vốn chủ sở hữu 2011 (Triệu VNĐ)
VND	3,0%	313.937	235.453
USD	1,5%	(53.263)	(39.947)

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Techcombank được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của Techcombank cũng là đồng Việt Nam. Các khoản cho vay khách hàng của Techcombank chủ yếu bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ. Một số tài sản khác của Techcombank bằng ngoại tệ khác ngoài đồng Việt Nam và đô la Mỹ. Techcombank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Techcombank và các quy định của NHNN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Techcombank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Triệu VNĐ)	VND	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền và vàng	1.725.872	393.876	77.499	2.228.240	103.698	4.529.185
Tiền gửi tại NHNNVN	4.790.242	786.505	-	-	-	5.576.747
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	13.114.945	17.644.359	354.891	-	241.672	31.355.867
Chứng khoán kinh doanh – gộp	800.370	-	-	-	-	800.370
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(3.313.908)	3.069.090	(55.204)	444.802	(103.912)	40.868
Cho vay khách hàng – gộp	54.705.310	13.229.885	220.515	-	105.732	68.261.442
Chứng khoán đầu tư – gộp	46.043.665	944.304	-	-	-	46.987.969
Góp vốn, đầu tư dài hạn	92.825	-	-	-	-	92.825
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư – nguyên giá	3.070.737	-	-	-	-	3.070.737
Tài sản có khác - gộp	21.017.531	382.960	1.084	-	-	21.401.575
	142.047.589	36.450.979	598.785	2.673.042	347.190	182.117.585
Nợ phải trả						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	13.372.216	25.715.853	82.227	-	109	39.170.405
Tiền gửi của khách hàng	98.194.290	12.627.642	492.995	-	147.361	111.462.288
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	127.953	-	-	-	-	127.953
Phát hành giấy tờ có giá	7.846.901	132.358	-	2.471.584	-	10.450.843
Các khoản nợ khác	4.218.559	1.005.445	5.154	198.682	4.693	5.432.533
	123.759.919	39.481.298	580.376	2.670.266	152.163	166.644.022
Trạng thái tiền tệ nội bảng	18.287.670	(3.030.319)	18.409	2.776	195.027	15.473.563
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(1.124.492)	1.302.101	(18.166)	-	(90.654)	68.789
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	17.163.178	(1.728.218)	243	2.776	104.373	15.542.352

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Triệu VND)	VND	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền và vàng	1.544.221	401.472	67.538	3.089.053	12.718	5.115.002
Tiền gửi tại NHNNVN	3.003.291	1.462.373	-	-	-	4.465.664
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	26.708.959	16.065.455	253.864	-	162.488	43.190.766
Chứng khoán kinh doanh – gộp	437.134	-	-	-	-	437.134
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(598.715)	(1.306.124)	18.890	1.964.791	(24.570)	54.272
Cho vay khách hàng – gộp	47.204.807	15.753.721	421.980	-	70.957	63.451.465
Chứng khoán đầu tư – gộp	44.825.943	3.540.760	-	-	-	48.366.703
Góp vốn. Đầu tư dài hạn	76.905	-	-	-	-	76.905
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư – nguyên giá	1.614.540	-	-	-	-	1.614.540
Tài sản có khác	14.032.837	478.397	1.598	713.135	2.488	15.228.455
	138.849.922	36.396.054	763.870	5.766.979	224.081	182.000.906
Nợ phải trả						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	3.317.602	-	-	-	-	3.317.602
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	28.041.982	19.804.307	218.097	-	68.357	48.132.743
Tiền gửi của khách hàng	71.814.822	15.362.857	874.545	511.912	83.643	88.647.779
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	252.398	-	-	-	-	252.398
Phát hành giấy tờ có giá	14.850.048	2.915.920	-	5.328.177	-	23.094.145
Các khoản nợ khác	4.134.688	420.312	9.982	8.861	918	4.574.761
	122.411.540	38.503.396	1.102.624	5.848.950	152.918	168.019.428
Trạng thái tiền tệ nội bảng	16.438.382	(2.107.342)	(338.754)	(81.971)	71.163	13.981.478
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(374.572)	732.291	(353.676)	-	-	4.043
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	16.063.810	(1.375.051)	(692.430)	(81.971)	71.163	13.985.521

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Với giả định các biến số, đặc biệt là lãi suất, không thay đổi, bảng dưới đây phân tích mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 và vốn chủ sở hữu tại ngày cuối năm của Techcombank trong trường hợp:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Loại tiền tệ	VND tăng giá 5% so với USD, EUR và vàng (Triệu VND)	VND giảm giá 5% so với USD, EUR và vàng (Triệu VND)
VND	144.301	(159.490)
USD	(877)	969
Vàng	(132)	146
	143.292	(158,375)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Loại tiền tệ	VND tăng giá 5% so với USD, EUR và vàng (Triệu VND)	VND giảm giá 5% so với USD, EUR và vàng (Triệu VND)
VND	100.350	(110.913)
USD	16.131	(17.829)
Vàng	3.903	(4.314)
	120.384	(133,056)

40. CÁC HỢP ĐỒNG HÀNG HÓA TƯƠNG LAI

Techcombank làm môi giới giúp khách hàng ký kết các hợp đồng hàng hóa tương lai.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giá trị theo các thị trường	Mua Triệu VND	Bán Triệu VND	Số dư thuần Triệu VND
Thị trường Chicago CBOT	26.253	398.195	371.942
Thị trường Bursa, Malaysia			
Thị trường Giao dịch Công cụ Quyền chọn và Tương lai Luân Đôn	157.844	21.065	(136.779)
Ủy ban Thương Mại New York	106.506	-	(106.506)
Thị trường Giao dịch Kim Loại Luân Đôn	382.039	344.112	(37.927)
Thị trường cao su Nhật Bản (TOCOM)	4.244	58.082	53.838
Sàn giao dịch hàng hóa New York	1.952	10.221	8.269
	678.838	831.675	152.837

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giá trị theo các thị trường	Mua Triệu VND	Bán Triệu VND	Số dư thuần Triệu VND
Thị trường Chicago CBOT	160.050	314.016	153.966
Thị trường Bursa, Malaysia	9.278	33.817	24.539
Thị trường Giao dịch Công cụ Quyền chọn và Tương lai Luân Đôn	297.138	3.027	(294.111)
Ủy ban Thương Mại New York	9.162	10.574	1.412
Thị trường Giao dịch Kim Loại Luân Đôn	649.893	441.491	(208.402)
Thị trường cao su Nhật Bản (TOCOM)	65.437	12.312	(53.125)
	1.190.958	815.237	(375.721)

41. CAM KẾT

(i) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Techcombank không có những cam kết chi tiêu vốn.

(ii) Hợp đồng thuê

Các khoản phải trả tối thiểu theo những hợp đồng thuê tài sản hoạt động không hủy ngang như sau:

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Dưới 01 năm	16.040	75.003
Từ 02 đến 05 năm	-	66.946
Trên 05 năm	-	292.627
	16.040	434.576

42. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

(a) Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư 210 yêu cầu thuyết minh về giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Techcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý Triệu VND
	Kinh doanh Triệu VND	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Cho vay và phải thu Triệu VND	Sẵn sàng để bán Triệu VND	Hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu VND	
Tài sản tài chính							
I Tiền mặt, Vàng bạc, Đá quý	4.529.185	-	-	-	-	4.529.185	4.529.185
II Tiền gửi tại NHNN	5.576.747	-	-	-	-	5.576.747	5.576.747
III Tiền, Vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	-	-	31.355.867	-	-	31.355.867	(*)
IV Chứng khoán kinh doanh – gộp	800.370	-	-	-	-	800.370	(*)
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	40.868	-	-	-	-	40.868	(*)
VI Cho vay khách hàng – gộp	-	-	68.261.442	-	-	68.261.442	(*)
VII Chứng khoán đầu tư – gộp	-	3.092.452	-	43.895.517	-	46.987.969	(*)
VIII Góp vốn, Đầu tư dài hạn – gộp	-	92.825	-	-	-	92.825	(*)
IX Tài sản tài chính khác – gộp	-	-	20.785.707	-	-	20.785.707	(*)
	10.947.170	3.185.277	120.403.016	43.895.517	-	178.430.980	
Nợ phải trả tài chính							
I Tiền gửi của và vay từ NHNN và các tổ chức tín dụng khác	-	-	-	-	39.170.405	39.170.405	(*)
II Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	111.462.288	111.462.288	(*)
V Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	10.450.843	10.450.843	(*)
VI Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	4.904.207	4.904.207	(*)
	-	-	-	-	165.987.743	165.987.743	

(*) Techcombank chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản mục này do chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giá trị ghi sổ

	Kinh doanh Triệu VND	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Cho vay và phải thu Triệu VND	Sẵn sàng để bán Triệu VND	Hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Tài sản tài chính							
I Tiền mặt, Vàng bạc, Đá quý	5.115.002	-	-	-	-	5.115.002	5.115.002
II Tiền gửi tại NHNN	4.465.664	-	-	-	-	4.465.664	4.465.664
III Tiền, Vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	-	-	43.190.766	-	-	43.190.766	(*)
IV Chứng khoán kinh doanh – gộp	437.134	-	-	-	-	437.134	(*)
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	54.272	-	-	-	-	54.272	(*)
VI Cho vay khách hàng – gộp	-	-	63.451.465	-	-	63.451.465	(*)
VII Chứng khoán đầu tư – gộp	-	4.519.013	-	43.847.690	-	48.366.703	(*)
VIII Góp vốn, Đầu tư dài hạn – gộp	-	76.905	-	-	-	76.905	(*)
IX Tài sản tài chính khác – gộp (điều chỉnh lại)	-	-	14.829.521	-	-	14.829.521	(*)
	10.072.072	4.595.918	121.471.752	43.847.690	-	179.987.432	
Nợ phải trả tài chính							
I Tiền gửi của và vay từ NHNN và các tổ chức tín dụng khác	-	-	-	-	51.450.345	51.450.345	(*)
II Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	88.647.779	88.647.779	(*)
V Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	23.094.145	23.094.145	(*)
VI Các khoản nợ phải trả tài chính khác (điều chỉnh lại)	-	-	-	-	3.431.700	3.431.700	(*)
	-	-	-	-	166.623.969	166.623.969	

(*) Techcombank chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản mục này do chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Mẫu B05/TCTD-HN

43. SỐ LIỆU SO SÁNH

Techcombank đã phân loại lại số dư tại 31/12/2011 như sau:

	Thuyết minh	31/12/2011 (như đã trình bày trước đây) Triệu VND	31/12/2011 (Số điều chỉnh) Triệu VND	31/12/2011 (Phân loại lại) Triệu VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
TÀI SẢN				
Các khoản phải thu	16	10.301.030	39.672	10.340.702
Tài sản có khác	16	420.370	(39.672)	380.698
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả khác	22	2.625.814	4.067	2.628.269
Vốn chủ sở hữu				
Các quỹ	23	1.059.195	(4.067)	1.055.128

Người duyệt

Bùi Thị Khánh Vân
Quyển kế toán trưởng

Cù Anh Tuấn
Giám đốc Khối Kế toán Tài chính



Simon Morris
Tổng Giám đốc

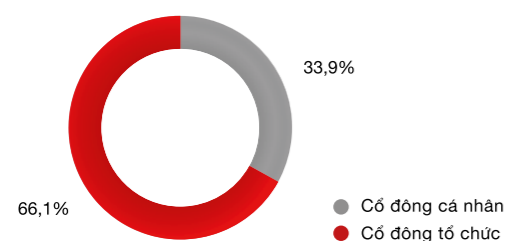
Thông tin cổ đông

Thay đổi về vốn cổ đông năm 2012

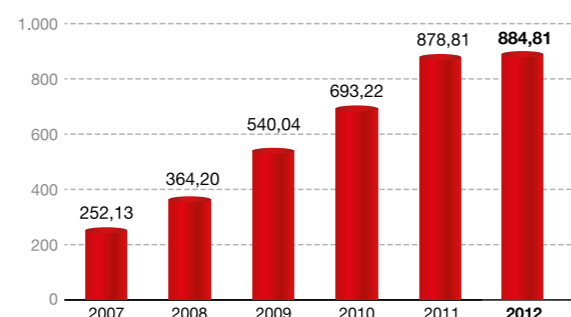
Năm 2012, Techcombank đã tăng vốn điều lệ từ 8.788 tỷ đồng (Tám nghìn bảy trăm tám mươi tám tỷ đồng) lên 8.848 tỷ đồng (Tám nghìn tám trăm bốn mươi tám tỷ đồng), theo phương án tăng vốn điều lệ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 ngày 12/04/2012.

Theo đó, Techcombank đã tăng vốn điều lệ thêm 60 tỷ đồng (Sáu mươi tỷ đồng) từ nguồn lợi nhuận thông qua hình thức phát hành thêm 6.000.000 cổ phần

Cơ cấu cổ đông



Thống kê thay đổi cổ phiếu 2007-2012 (triệu cổ phiếu)



STT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỈ LỆ
I	CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN	299.730.345	33,9%
1	Cổ đông cá nhân là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát, Ban Điều Hành.	30.747.432	3,5%
2	Cổ đông cá nhân sở hữu từ 5% VDL trở lên	268.982.913	30,4%
3	Cổ đông cá nhân khác		0,0%
II	CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC	585.077.526	66,1%
1	Tập đoàn dệt may Việt Nam	153.343	0,0%
2	Công ty TNHH MTV Tổng công ty hàng không Việt Nam	24.033.426	2,7%
3	Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải	172.353.345	19,5%
4	Công ty cổ phần Masan	173.156.468	19,6%
5	Những tổ chức khác	215.380.944	24,3%
	TỔNG	884.807.871	100%

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Giấy phép Hoạt động	0040/NH - GP	Ngày 6 tháng 8 năm 1993
	Giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 20 năm kể từ ngày cấp. Thời hạn hoạt động được gia hạn lên 99 năm theo quyết định số 330/QĐ-NH5 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 8 tháng 10 năm 1997.	
Giấy phép kinh doanh	055697	Ngày 7 tháng 9 năm 1993
Hội đồng Quản trị	Giấy Chứng nhận kinh doanh được sửa đổi 44 lần, bản sửa đổi gần nhất là Giấy Chứng nhận Kinh doanh số 0100230800 được cấp bởi Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 1012	
Hội đồng Quản trị	Ông Hồ Hùng Anh Ông Nguyễn Đăng Quang Ông Nguyễn Thiếu Quang Ông Nguyễn Cảnh Sơn Ông Stephen Charles Ông Timothy Mark Francis Kennedy Ông Đỗ Tuấn Anh Ông Lee Boon Huat Ông Nguyễn Đức Vinh Ông Trần Thanh Hiến Ông Madhur Maini	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Phó chủ tịch thứ nhất Phó chủ tịch Phó chủ tịch Ủy viên Ủy viên (từ 28/4/2012) Ủy viên (từ 21/12/2012) Ủy viên (từ 21/12/2012) Ủy viên (từ 1/7/2012) Ủy viên (từ 24/08/2012) Ủy viên (từ 21/12/2012)
Ban Điều Hành	Ông Simon Morris Ông Phạm Quang Thắng Ông Nguyễn Cảnh Vinh Bà Đặng Tuyết Dung Ông Phan Thanh Sơn Ông Nguyễn Đăng Thanh Ông Nguyễn Công Thành Ông K.Balasingam Bà Đỗ Diễm Hồng Bà Bạch Thúy Hà Bà Lê Phương Phương Ông Vinod Kumar Ông Nguyễn Thành Long Ông Anil Kumar Parimo Ông Cù Anh Tuấn Ông Vikesh Mirani Ông Phùng Quang Hưng Bà Trần Thị Diệp Anh Ông Lê Xuân Vũ	Tổng giám đốc Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ Giám đốc Khối bán hàng và kênh phân phối Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính Cá nhân Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính Giám đốc Kinh doanh miền Nam (từ 14/05/2012) Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn (từ 30/06/2012) Giám đốc Khối Ngân Hàng Bán buôn (từ 04/06/2012) Giám đốc Khối Khách hàng Định chế Tài Chính (đến 04/06/2012) Giám đốc Khối Ngân hàng Giao dịch (đến 21/10/2012) Giám đốc Khối Marketing (đến 15/06/2012) Giám đốc Khối Marketing (từ 24/07/2012) Giám đốc Khối Tuân thủ, Quản trị Rủi ro hoạt động và Pháp chế Giám đốc Khối quản trị rủi ro (từ 01/06/12) Giám đốc Khối Tài chính Kế hoạch (đến 12/11/2012) Giám đốc Tài chính Tập đoàn (từ 12/11/2012) Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực Giám đốc Khối Chiến lược (12/11/2012)

Số lượng chi nhánh



STT	Tỉnh/Thành phố	Số lượng chi nhánh
1	An Giang	3
2	Bắc Giang	1
3	Bắc Ninh	5
4	Bình Định	1
5	Bình Dương	4
6	Bình Phước	1
7	Bình Thuận	1
8	Cà Mau	1
9	Cần Thơ	5
10	Đà Nẵng	10
11	Đắk Lắk	2
12	Đồng Nai	6
13	Đồng Tháp	1
14	Gia Lai	1
15	Hà Nội	100
16	Hà Tĩnh	3
17	Hải Dương	3
18	Hải Phòng	9
19	Huế	3
20	Hưng Yên	3
21	Khánh Hòa	4
22	Kiên Giang	1
23	Lâm Đồng	1
24	Lạng Sơn	4
25	Lào Cai	3
26	Long An	1
27	Nam Định	2
28	Nghệ An	4
29	Ninh Bình	1
30	TP. Hồ Chí Minh	95
31	Phú Thọ	3
32	Quảng Nam	2
33	Quảng Ngãi	2
34	Quảng Ninh	4
35	Sóc Trăng	1
36	Tây Ninh	1
37	Thái Bình	1
38	Thái Nguyên	4
39	Thanh Hóa	2
40	Tiền Giang	1
41	Vĩnh Long	1
42	Vĩnh Phúc	4
43	Vũng Tàu	6
44	Yên Bái	1
TỔNG CỘNG		316

Thông tin Online

Thông tin dành cho cổ đông và nhà đầu tư:
https://www.techcombank.com.vn/Desktop.aspx/Nha_dau_tu/TB-danh-cho-co-dong/

Vui lòng truy cập vào website để xem phiên bản báo cáo thường niên 2012 online và cập nhật các thông tin và hoạt động mới nhất của cổ đông

Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam

Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu,
P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam.

T: +84(4) 3944 6368

F: +84(4) 3944 6395

Swift code: VTCBVNVX

www.techcombank.com.vn

